AN CƯỜNG®
Wood - Working Materials

Giải pháp gỗ nội thất cho mọi nhà

CSI 100 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG 2021

Vietnam Value

VỮNG BỀN PHÁT TRIỂN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2021

KHỚP TRONG TỪNG CHUYỂN ĐỘNG

Điều bên ngoài nhìn thấy về An Cường

Là doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành gỗ công nghiệp tại thị trường Việt nam với tốc độ tăng trưởng hơn 20%/năm trong giai đoạn 2014 đến 2021. An Cường đang nắm chi phối tại thị trường nội địa với 55% thị phần của gỗ công nghiệp (phân khúc trung và cao cấp).

Trải qua gần 30 năm hình thành và phát triển, An Cường hiện là công ty hàng đầu tại Việt Nam và khu vực về vật liệu, giải pháp và nội thất làm từ gỗ công nghiệp và được định giá là doanh nghiệp chục nghìn tỷ với hàng loạt showroom trải dài trên toàn quốc với diện tích "khủng" thậm chí lớn nhất Đông Nam Á. An Cường đang sở hữu nhà máy rộng hơn 240.000m², được trang bị hàng loạt thiết bị hiện đại, trị giá hàng trăm triệu USD.

Vậy thực tế bên trong là gì?

Trong quyển Báo cáo thường niên 2021 chúng ta sẽ cùng lật mở và tìm thấy bộ máy vận hành của An Cường được điều phối bởi hơn 2.800 con người, trên nền tảng với công nghệ hiện đại để tạo nên sự Khớp trong từng quy trình và chuyển động. Từ đó chúng tôi có thể viết nên câu chuyện về tinh thần "Người An Cường" và tình yêu dành cho nội thất.

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

"Khép lại năm 2021 đầy sóng gió, năm 2022 hứa hẹn là năm bản lề cho sự phục hồi và phát triển kinh tế, An Cường đặt mục tiêu tiếp tục tăng trưởng nhanh và bền vững, tiếp tục khẳng định vị thế là Công ty số 1 tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á về vật liệu, giải pháp và nội thất làm từ gỗ công nghiệp. Cung cấp đa dạng về sản phẩm "KHỚP" với từng nhu cầu và đem đến lợi ích cao nhất của khách hàng".

Kính thưa Quý Cổ đông,

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám Đốc (BTGĐ) Tập Đoàn An Cường, tôi gửi tới Quý Cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Các nền kinh tế toàn cầu đã và đang trải qua một thời kỳ khó khăn chưa từng có, khi phải đối mặt cùng lúc với đại dịch Covid-19, biến động địa chính trị toàn cầu, đứt gãy chuỗi cung ứng, thiếu hụt lực lượng lao động, giá hàng hóa tăng phi mã và nhu cầu tiêu dùng giảm sút. Ngoài các tác động tiêu cực đó, ở Việt Nam, sự đình trệ của các dự án bất động sản do các vướng mắc về pháp lý (đặc biệt là ở phân khúc căn hộ) cũng là thách thức đối với mục tiêu tăng trưởng của Công ty. Đến nay, đại dịch Covid-19 cơ bản đã được kiểm soát ở Việt Nam và nhiều khu vực trên thế giới, với tầm nhìn, chiến lược, sự linh động và quyết liệt trong việc hoạch định, điều hành cũng như triển khai các biện pháp ứng biến của HĐQT, BTGĐ và toàn thể cán bộ nhân viên (CBNV), tôi tin rằng giai đoạn 2022-2025 sẽ là một giai đoạn không kém phần thách thức nhưng cũng mở ra nhiều cơ hội mới.

Trong điều kiện đó, với tâm thế vững vàng, An Cường đã, đang và sẽ có sự chuẩn bị tốt cho việc sản xuất kinh doanh để "KHỚP" với điều kiện bình thường mới. An Cường chủ động trong việc lựa chọn tệp khách hàng chất lượng, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, tái cơ cấu và phát triển danh mục sản phẩm, tổ chức lại toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2022 sẽ là một năm đặc biệt với sự chuyển mình mạnh mẽ cùng với việc hoàn thành việc cải tiến toàn bộ quy trình hoạt động, số hóa và tiến đến chuyển đổi số trên phạm vi toàn Tập Đoàn. Bên cạnh đó, An Cường sẽ làm việc với các nhà tư vấn quốc tế có hiểu biết về ngành để triển khai Dự án "Tái cấu trúc lần 2" của Tập Đoàn nhằm tối ưu hóa các hoạt động hiện tại và chuẩn bị nền tảng cho giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ tiếp theo.

"Để xây dựng chiến lược tăng trưởng trong thời kì phát triển hệ sinh thái kỹ thuật số, An Cường không ngừng cải tổ mạnh mẽ từ chiến lược kinh doanh đến bộ máy nhân sự nhằm kiến tạo nền tảng cho sự phát triển dài hạn. Chính sự phù hợp đó kết hợp cùng với việc quyết liệt rà soát, chuẩn hóa các quy trình để "KHỚP" với định hướng chủ động trong công việc của cán bộ lãnh đạo và nhân viên các cấp giúp nâng cao năng suất làm việc và phát triển lâu dài".

Bước sang năm 2022, với những gì An Cường đã chuẩn bị từ chiến lược cho đến các chương trình kế hoạch cụ thể kết hợp kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của đội ngũ lãnh đạo và ý chí, quyết tâm cao độ của toàn thể hệ thống, HĐQT tin tưởng rằng cả Tập Đoàn An Cường sẽ "KHỚP" trong từng hoạt động, "KHỚP" trong từng con người qua đó chúng ta vững tin, vượt qua và chinh phục các thách thức để đạt được mục tiêu "Vững Bền Phát Triển" đã được ĐHĐCĐ đề ra.

Thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến BTGĐ và toàn thể các cấp quản lý, nhân viên vì tất cả những gì chúng ta đã cố gắng trong năm 2021 và những nỗ lực chuẩn bị cho thách thức và cơ hội của năm 2022.

Tôi xin gửi lời cảm ơn đến quý khách hàng, đối tác, cổ đông vì sự tin tưởng, ủng hộ, hợp tác và đồng hành trong suốt quá trình kinh doanh của Tập Đoàn An Cường Xin chúc quý vị và các bạn sức khỏe và thành công.

"Cổ đông gắn kết và chia sẻ tầm nhìn, định hướng đúng đắn, chiến lược linh hoạt, tài chính vững mạnh, nguồn nhân lực chất lượng cao là các yếu tố then chốt "KHỚP" lại với nhau đảm bảo sự phát triển nhanh và bền vững của Tập Đoàn".

Chân Thành Cảm Ơn.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N 3700748131-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG
TX.TÂN UYÊN-T.BÌNH DƯƠNG

Lê Đức Nghĩa

DANH MỤC VIẾT TẮT

Báo cáo tài chính	BCTC
Ban Kiểm soát	BKS
Ban Tổng giám đốc	BTGĐ
Cán bộ nhân viên	CBNV
Công ty Cổ phần Bất động sản Central Hill	Central Hill
Công nghệ thông tin	CNTT
Đại hội đồng cổ đông	ĐHĐCĐ
Phát hành cổ phiếu theo chương tình lựa chọn cho người lao động	ESOP
Hội đồng quản trị	HĐQT
Quan hệ nhà đầu tư	IR
Khu công nghiệp	KCN
Lợi nhuận sau thuế	LNST
Công ty TNHH Sản Xuất Gỗ An Cường	Nhà máy Đất Cuốc
Nhà phân phối	NPP
Quản trị rủi ro	QTRR
Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	Tập Đoàn hoặc Công ty hoặc ACG
Tổng Giám Đốc	TGĐ

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung [14]

Quá trình hình thành & phát triển [16]

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh [20]

Cơ cấu cổ đông, sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý [34]

Các Công ty con [50]

Định hướng phát triển [52]

Sản phẩm và Giải pháp [56]

Chứng nhận chất lượng [78]

Tệp khách hàng lâu dài & Khách hàng Blue Chip [80]

Hoạt động số hoá [82]

Công cụ số hoá [84]

Các nhân tố rủi ro [86]

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 2021

Hoạt động của HĐQT [100]

Kết quả thực hiện SXKD [104]

Đầu tư và Đầu tư Công ty Con [108]

B. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2022

Kế hoạch SXKD 2022 [110]

Kế hoạch đầu tư tài sản cố định trong năm 2022 [112]

Phương án kinh doanh trong năm 2022 [112]

III. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm Soát [118]

Kết quả Giám Sát hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của HĐQT, BĐH [119]

IV. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết quả thực hiện SXKD [118]

Công tác nhân sự & tiền lương [129]

Phương án kinh doanh 2022 [135]

V. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG [136]

VI. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR) [146]

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2021

Thông tin về doanh nghiệp [156]

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc [157]

Báo cáo kiểm toán độc lập [158]

Bảng cân đối kế toán hợp nhất [160]

Báo cáo kết quả hoạt động SXKD [162]

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ [166]

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất [168]

KHỚP TRONG TỪNG MẢNH GHÉP

Mỗi cá nhân độc lập không thể tạo nên guồng quay của một bộ máy. Nhưng mỗi cá nhân nếu không có sự liên kết để Khớp với các mành ghép khác của tập thể cũng khó giúp cả bộ máy vận hành. An Cường luôn tin rằng tạo một môi trường có sự gắn kết sẽ thúc đẩy được sức mạnh nội tại của doanh nghiệp. Chúng tôi hiểu rằng mỗi cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, nâng cao hiệu quả làm việc và tương tác tốt với các thành viên, đơn vị sẽ tạo nên một tập thể vững mạnh.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung

2. Quá trình hình thành và phát triển

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

4. Cơ cấu cổ đông, sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý

5. Các Công ty con

6. Định hướng phát triển

7. Sản phẩm và Giải pháp

8. Chứng nhận chất lượng

9. Các nhân tố rủi ro

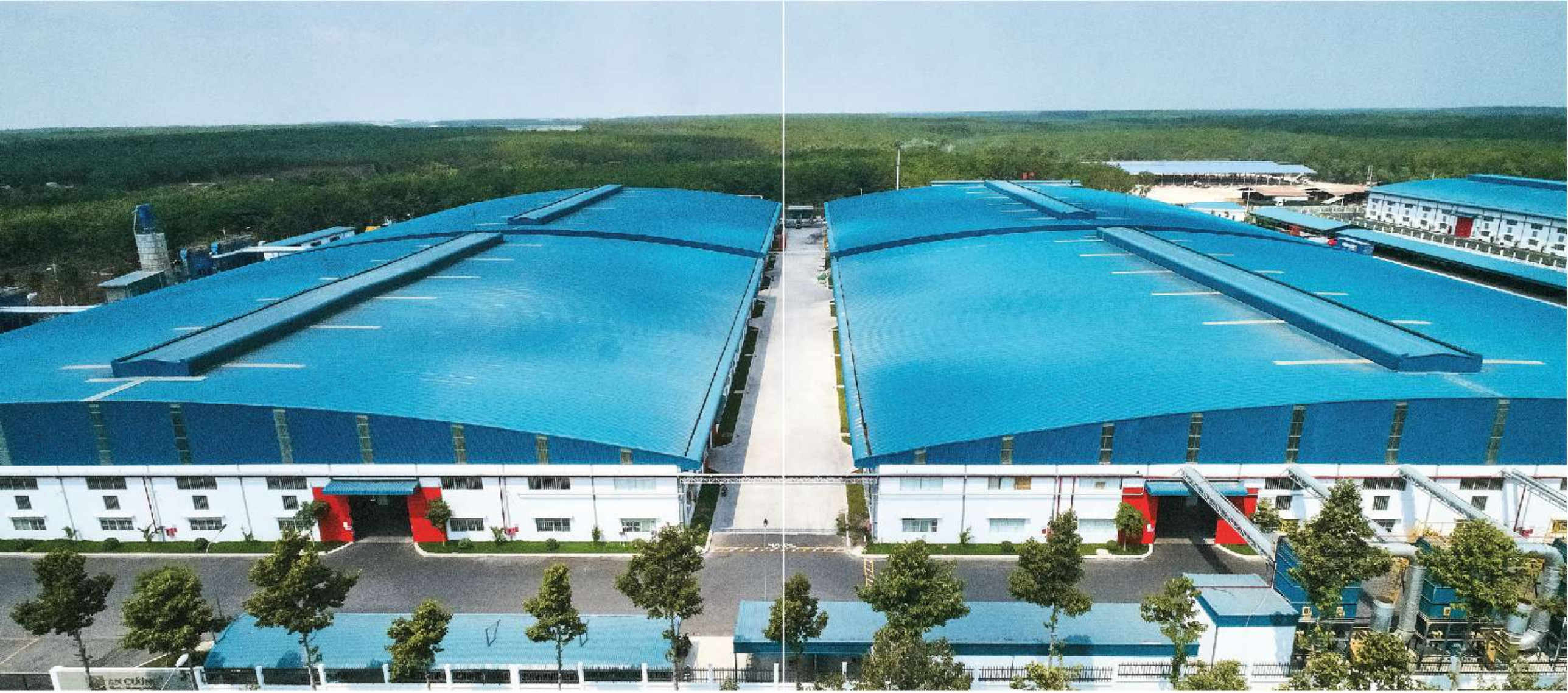

I. THÔNG TIN CHUNG

- **Tên công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG
- **Tên tiếng Anh:** AN CUONG WOOD – WORKING JOINT STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt:** AN CUONG WOOD – WORKING JSC
- **Biểu tượng logo:** AN CƯỜNG® Wood - Working Materials
- **Trụ sở chính:** Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 05, Đường ĐT 747B, Khu phố Phước Hải, Phường Thái Hòa, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- **Số điện thoại:** (0274) 362 6282 – (0274) 362 6283
- **Số Fax:** (0274) 362 6284
- **Email:** infoacc@ancuong.com
- **Website:** www.ancuong.com
- **Vốn điều lệ:** 1.358.461.220.000 (Một nghìn ba trăm năm mươi tám tỷ bốn trăm sáu mươi mốt triệu hai trăm hai mươi ngàn) đồng.
- **Giấy CN ĐKDN** Số 3700748131 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 20/09/2006.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Với bề dày hoạt động trong ngành từ năm 1994 đến nay, cùng với sự đồng lòng của Ban lãnh đạo và Cán bộ nhân viên (CBNV) đã giúp Tập Đoàn liên tục mở rộng và phát triển. Bên cạnh đó, năng lực tài chính của Tập Đoàn cũng liên tục được tăng cường thông qua việc tiếp nhận nguồn vốn đầu tư và tăng vốn điều lệ. Với số vốn điều lệ ban đầu là 3.000.000.000 đồng, đến ngày 25/04/2022 vốn điều lệ công ty đã tăng lên đến 1.358.461.220 đồng. Tập Đoàn không ngừng đổi mới, sáng tạo và cải tiến kỹ thuật nhằm tạo ra những sản phẩm chất lượng và cạnh tranh trên thị trường, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng.

2008

Công ty bắt đầu xây dựng nhà máy trên diện tích 35.000m² với trang bị dây chuyền máy móc hiện đại được nhập khẩu từ Châu Âu. Bên cạnh đó, Công ty được chỉ định là công ty phân phối độc quyền các dòng sản phẩm Formica Laminate tại thị trường Việt Nam, phát triển dòng sản phẩm ván Melamine với nhiều sự lựa chọn về màu sắc và độ dày theo nhu cầu thị trường.

2012

Tiếp tục phát triển dòng sản phẩm Melamine và Laminate chất lượng cao và là công ty tiên phong trong khu vực Đông Nam Á trong việc đầu tư hơn 3 triệu USD trang bị dây chuyền dán tấm Acrylic bóng gương và dây chuyền dán chỉ không đường cạnh hiện đại của Đức. Các sản phẩm này được xuất khẩu sang Úc, Nhật, Singapore và Malaysia.

2014

Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường (tiền thân là Công ty TNHH Sản xuất Hàng Nội thất Phương Vân Anh) chính thức ra đời với số vốn điều lệ 240 tỷ đồng. Bộ sưu tập của An Cường lên đến 800 mẫu: Ván MFC, Tấm Laminate, Tấm Acrylic, Tấm Veneer...

Công ty đạt nhiều chứng nhận chất lượng quốc tế: Chứng nhận CQ do Viện Nghiên Cứu Rừng Malaysia cấp (Forest Research Institute Malaysia - FRIM); Chứng nhận Green Label do Singapore cấp (Chứng nhận danh giá nhất tại khu vực về sản phẩm xanh - sạch - thân thiện và bảo vệ môi trường). Bên cạnh đó, Công ty ký kết hợp tác toàn diện với Hettich về các phụ kiện mang đến cho khách hàng những giải pháp gỗ nội thất toàn diện và hiện đại.

2015 - 2016

Ký kết hợp tác toàn diện với Imundex về khóa cửa và các phụ kiện ngành cửa.

Cung cấp hàng loạt các giải pháp hoàn thiện sản phẩm: Dán, uốn mặt top Laminate, ván sàn, len tường đồng màu Laminate và MFC, cửa đi bằng gỗ công nghiệp cao tới 3m, khoan cắt định hình bằng máy CNC của Đức, cắt dán cạnh viền chỉ, cánh tủ bếp và tủ áo bằng công nghệ laser không đường cạnh.

Được các Chủ đầu tư chỉ định là Nhà cung cấp cửa và nội thất bếp cho hầu hết các công trình trên lãnh thổ Việt Nam và khu vực.

An Cường vận hành hệ thống 10 Showroom, trên toàn quốc và các văn phòng đại diện nước ngoài: Campuchia, Malaysia, Myanma, Nhật Bản, Canada, Mỹ, Úc...

Mở rộng nhà máy lên hơn 120.000m², liên tục cải tiến, đầu tư hàng loạt máy móc và trang thiết bị hiện đại lên đến hàng chục triệu USD. Trong đó, Công ty đầu tư hơn 3 triệu USD vào dây chuyền sơn cánh cửa tủ áo, tủ bếp, sơn bóng. Đây là dây chuyền đồng bộ của hãng Cefla Italy bao gồm hệ thống sơn tự động bằng công nghệ Rô-bốt, máy lót, máy thổi, máy sấy, máy chà nhám, máy đánh bóng...

2016 ĐẾN NAY

An Cường nhận được khoản đầu tư hơn **90 triệu USD** từ liên doanh giữa VinaCpital - DEG và tập đoàn Sumitomo Forestry

An Cường mở rộng diện tích nhà máy lên hơn 240.000m². An Cường liên tục cải tiến, đầu tư hàng triệu đô la Mỹ vào công nghệ, máy móc và thiết bị hiện đại để đưa ra các sản phẩm và giải pháp gỗ nội thất tốt nhất cho khách hàng.

Tiếp tục khẳng định vị thế là công ty số 1 về vật liệu, giải pháp và nội thất làm từ gỗ công nghiệp tại Việt Nam.

An Cường là nhà cung cấp vật liệu bề mặt cho hơn 100 dự án tại Việt Nam và xuất khẩu sang Nhật Bản, Mỹ, Úc...

Hiện nay, An Cường sản xuất hơn 1.000 cánh cửa gỗ công nghiệp mỗi ngày và là một trong những nhà cung cấp cửa gỗ công nghiệp hàng đầu tại Việt Nam.

1 — 10/6/2014

VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)
120.000

Chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần

2 — 27/1/2015

VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)
240.000

Phát hành 12.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

3 — 27/08/2015

VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)
290.000

Phát hành thêm 5.000.000 cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược và CBNV trong Công ty.

4 — 28/05/2016

VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)
342.200

Phát hành thêm 5.220.000 cổ phần cho cổ đông chiến lược là nhà đầu tư nước ngoài.

5 — 10/08/2016

VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)
377.000

Phát hành thêm 3.480.000 cổ phần cho cổ đông chiến lược là nhà đầu tư nước ngoài.

6 — 27/09/2016

VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)
406.000

Phát hành thêm 2.900.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

7 — 05/09/2017

VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)
428.065,22

Phát hành thêm 2.206.522 cổ phần cho cổ đông chiến lược là nhà đầu tư nước ngoài

8 — 18/05/2018

VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)
441.304,35

Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

9 — 02/01/2019

VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)
859.380,83

Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu 36.185.634 cổ phần, và Phát hành thêm 5.622.014 cổ phần cho cổ đông chiến lược là nhà đầu tư nước ngoài

10 — 23/02/2020

VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)
876.568,44

Phát hành 1.718.761 cổ phần cho người lao động (ESOP) năm 2019.

11 — 31/05/2021

VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)
876.503,44

Giảm vốn điều lệ đối với số cổ phần Công ty mua lại từ người lao động theo chương trình ESOP để làm cổ phiếu quỹ.

12 — 25/04/2022

VỐN ĐIỀU LỆ (triệu đồng)
1.358.461,22

Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021 là 43.820.348 cổ phần và phát hành thêm 4.375.430 cổ phần cho cổ đông hiện hữu

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

3.1 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Để có được vị thế dẫn đầu hiện nay trên thị trường, Tập Đoàn đã kiên trì thực hiện chiến lược đúng đắn là tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi: sản xuất và kinh doanh kinh doanh vật liệu giải pháp và nội thất làm bằng gỗ công nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ đi kèm, bao gồm:

01 Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ

02 Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp bếp gas, máy hút mùi, thiết bị nhà bếp);

03 Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng gỗ gia dụng, hàng trang trí nội thất)

04 Gia công hàng trang trí nội thất

05 Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Chi tiết: Sản xuất ván nhân tạo, bề mặt ván nhân tạo)

06 Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ

07 Hoàn thiện công trình xây dựng

08 Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

3.2 ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hệ thống phân phối

A Đối với thị trường quốc tế

Tập Đoàn chọn kênh phân phối là các hệ thống showroom hàng đầu của từng quốc gia như Campuchia, Malaysia, Nhật Bản, Canada, Mỹ, Úc...
Tập Đoàn đã xây dựng khá thành công mạng lưới đại diện tại một số nước phát triển và có kế hoạch mở rộng sang các thị trường tiềm năng khác, đặc biệt là ở các nước trong khu vực Đông Nam Á có trình độ phát triển, thị hiếu và hành vi tiêu dùng phù hợp với sản phẩm của Công ty. Mạng lưới đại diện hiện nay bao gồm:

- **America Office:** 752 Breen Ct, Woodland CA 95776, USA
- **Canada Office:** Bay 1 - 4216 61 Avenue S.E, Calgary Alberta Canada ,T2C 1Z5
- **Malaysia Office and Showroom:** No.5, Jln SL17/14, Goodview Bdr Sg Long, 43000 Kajang, Selangor
- **Cambodia Office and Showroom:** S.I Building, #93, Preah Sihanouk Blvd, Phnom Penh
- **Cambodia Office:** No. 107, Street 598, Sangkat Boeung Kok 2, Khan Toul Kork, Phnom Penh, Cambodia.
- **Laos Office:** Kamphaengmueang Road, Thatluangkang Village, Saysettha District, Vientiane Capital, Laos P.D.R
- **Japan Office:** New Business Development Department, Keidanren Kaikan, 1-3-2 Otemachi, Chiyoda-Ku , Tokyo 100-8270, Japan
- **Australia Office:** 45 Welshpool Road, Welshpool Western Australia 6106
- **Australia Office:** 10/2 Fastline Road, Truganina VIC 3029, Australia

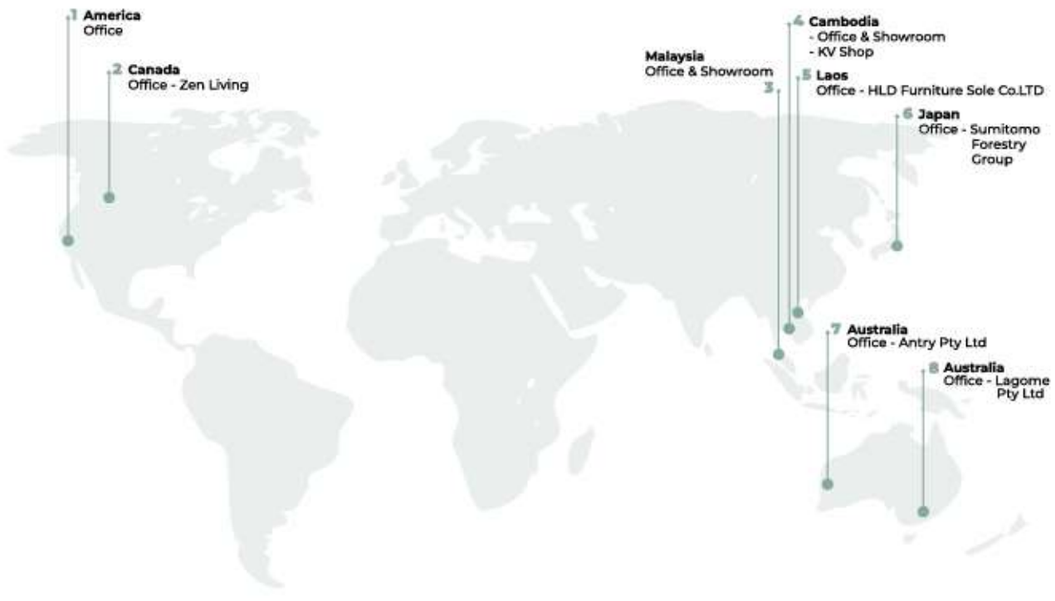

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

3.2 ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hệ thống phân phối

B Đối với thị trường trong nước

Tập Đoàn đã thiết lập mạng lưới gồm hơn 26 showroom, show depot, văn phòng đại diện và nhiều điểm bán hàng trên toàn quốc. Bên cạnh đó, Tập Đoàn đã và đang là nhà cung cấp vật liệu, giải pháp và nội thất làm bằng gỗ công nghiệp lớn và thường xuyên cho nhiều tập đoàn/công ty bất động sản hàng đầu tại Việt Nam như VinGroup, Novaland, Hưng Thịnh, Nam Long Group, Capital Land, Gamuda Land, Keppel Land...

Đây là điểm đến tham quan và mua sắm của các khách hàng cả B2B và một số lượng người dùng cuối. Trong tương lai, Công ty tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối để khách hàng có thể dễ dàng hơn trong việc tiếp cận và trải nghiệm các sản phẩm và ứng dụng của các sản phẩm của Công ty.

AN CƯỜNG SỬ DỤNG CÁC SHOWROOM TRƯNG BÀY ĐỂ TĂNG CƯỜNG NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ TẠO ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI CHO KHÁCH HÀNG B2B VÀ B2C

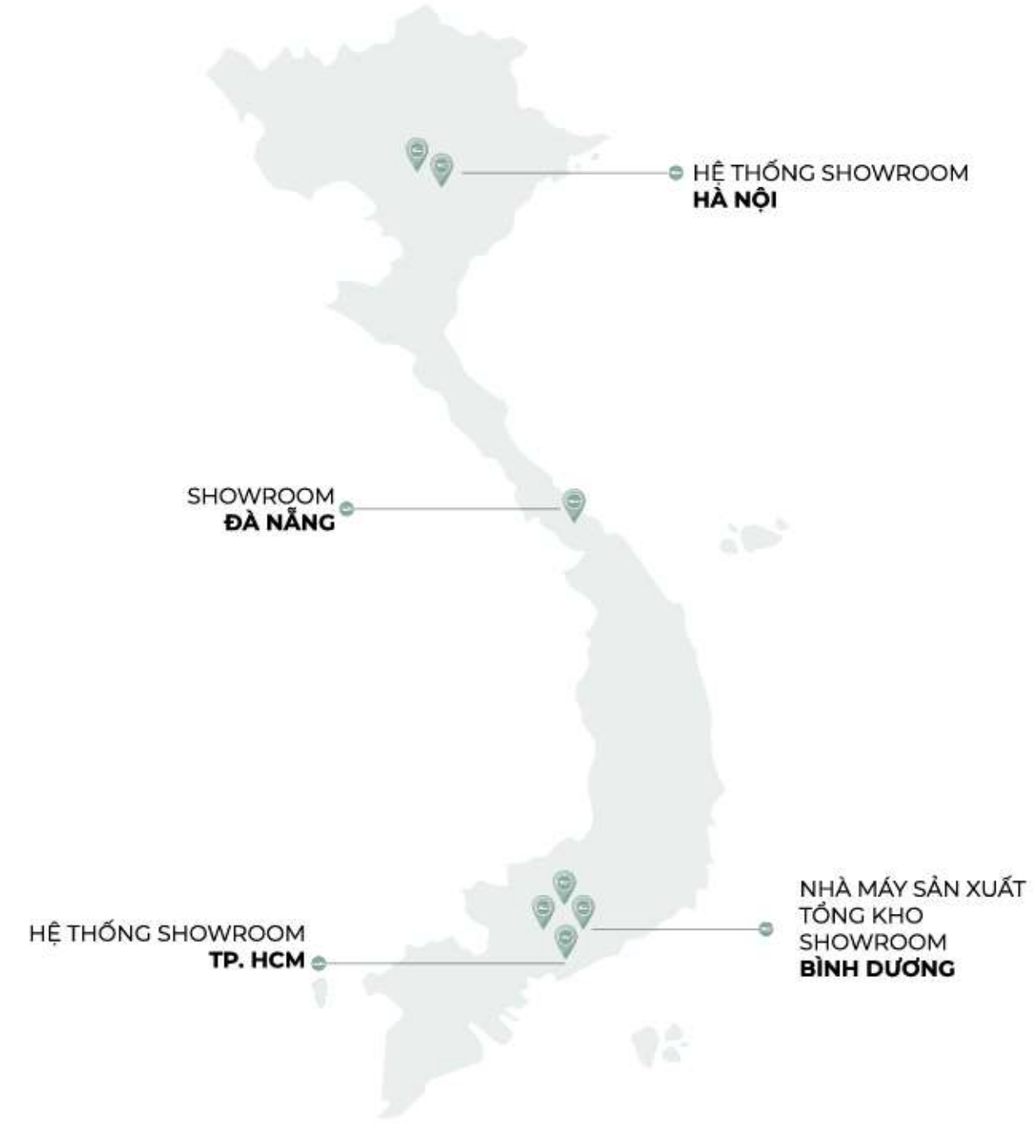

13 Showroom

HỆ THỐNG SHOWROOM TRONG NƯỚC

AN CƯỜNG HEAD OFFICE

702/1K Sư Vạn Hạnh,
P.12, Quận 10, TP HCM.

AN CƯỜNG SHOW GALLERY AND DESIGN CENTER

702/3F Sư Vạn Hạnh,
P.12, Quận 10, TP HCM

HCMC ONE-STOP SHOPPING CENTER

279 Nguyễn Văn Trỗi,
P.10, Q. Phú Nhuận, TP HCM.

HCMC SHOW GALLERY AND DESIGN CENTER

Block A-Happy Valley-816 Nguyễn Văn Linh,
Phường Tân Phú, Quận 7, TP HCM.

HCMC ONE-STOP SHOPPING CENTER

39 Nguyễn Cơ Thạch,
P. An Lợi Đông, Q.2, TP HCM.

AN CƯỜNG SHOW GALLERY AND DESIGN CENTER

ĐT 747B, KP. Phước Hải, P.Thái Hòa,
thị xã Tân Uyên, Bình Dương.

AN CƯỜNG SHOW GALLERY & DESIGN CENTER

Lô A17, Khu Công Nghiệp KSB
Khu B, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên,
tỉnh Bình Dương.

AN CƯỜNG SHOW DEPOT 1

162 Tân Hương,
P. Tân Quý, Quận Tân Phú, TP HCM.

AN CƯỜNG SHOW DEPOT 2

Kho số 2, Cụm 5-1, Đường M12,
Khu Công Nghiệp Tân Bình mở rộng,
Phường Bình Hưng Hoà, Quận Tân Bình,
TP HCM.

HÀ NỘI ONE-STOP SHOPPING CENTER

10 Chương Dương Độ,
Phường Chương Dương,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

HÀ NỘI SHOW GALLERY AND DESIGN CENTER

Villa C4-N08-B, Khu Đô Thị Mới Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

ĐÀ NẴNG ONE-STOP SHOPPING CENTER

451 Điện Biên Phủ,
P. Hoà Khê, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

AN CƯỜNG SHOW GALLERY AND DESIGN CENTER

S503.01S04 Vinhomes Grand Park, Nguyễn
Xiển, Phường Long Thạnh Mỹ,
TP Thủ Đức, TP. HCM

HỆ THỐNG SHOWROOM NHƯỢNG QUYỀN

- An Cường triển khai mô hình nhượng quyền để mở rộng thương hiệu
- Các Showroom trưng bày sản phẩm và dịch vụ tương tự như chuỗi One-Stop Shopping Center An Cường sở hữu
- An Cường hỗ trợ các chủ đầu tư thiết lập Showroom và quy trình vận hành – bán hàng – tiếp thị nhằm đảm bảo khách hàng nhận được dịch vụ như tại Showroom của An Cường

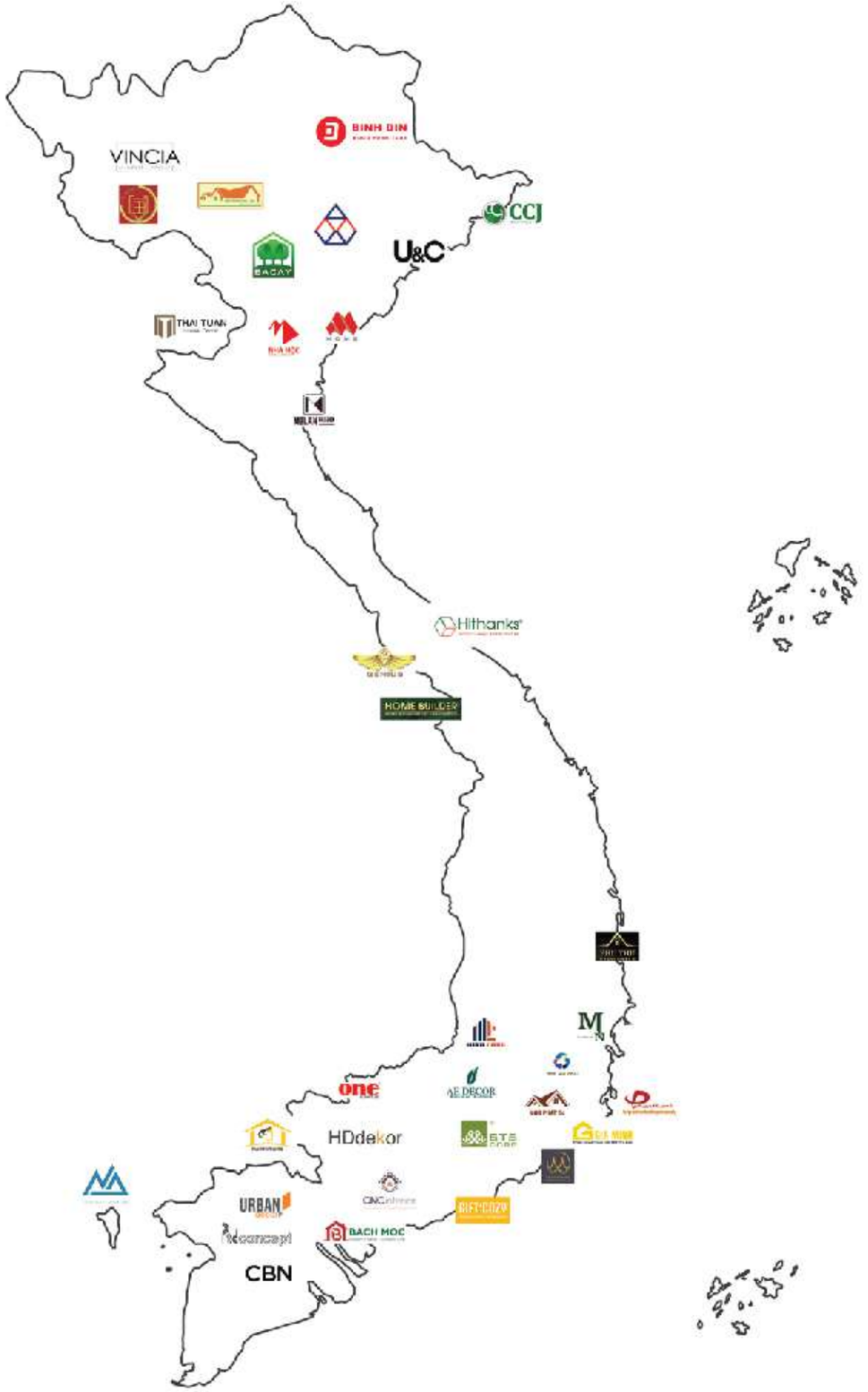

HỆ THỐNG SHOWROOM NHƯỢNG QUYỀN

ÁI LINH ONE-STOP SHOPPING CENTER

Lạc Long Quân, Phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh

ĐÀ NẴNG ONE-STOP SHOPPING CENTER
MINH TRÂN

75 Hoàng Diệu, Phường Hải Châu, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

PHÚ YÊN ONE-STOP SHOPPING CENTER
PHÚ THU

353 Trần Hưng Đạo,
Phường 4, TP Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên

THANH HOÁ ONE-STOP SHOPPING CENTER
HỒNG ĐỨC

01A89 Đại lộ Lê Lợi,
Phường Đông Hương, TP Thanh Hóa

ĐÀ LẠT ONE-STOP SHOPPING CENTER
MINH CÔNG

23 Hoàng Diệu, Phường 5, TP Đà Lạt

PHÚ QUỐC ONE-STOP SHOPPING CENTER
NAM ANH

Đường Tuyến Tránh, Xã Cửa Dương,
Phú Quốc, Kiên Giang

HẢI PHÒNG ONE-STOP SHOPPING CENTER
THÁI TUẤN

Lô 1+ 2 Khu Đô Thị Mê Linh, Phạm Văn Đồng, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, TP Hải Phòng

BẮC GIANG ONE-STOP SHOPPING CENTER
TRÍ VIỆT

309-313 Hoàng Văn Thụ, Phường Xương Giang, TP Bắc Giang

THÁI NGUYÊN ONE-STOP SHOPPING CENTER
BÌNH DIN

719 tổ 8A Phường Tân Lập, TP Thái Nguyên

PHAN THIẾT ONE-STOP SHOPPING CENTER
MỸ NHẬT

10-12 Trương Hán Siêu,
Phường Phú Thủy, TP Phan Thiết

QUẢNG NINH ONE-STOP SHOPPING CENTER
CCJ

A8, ô 31 - 32, Khu đô thị Mon Bay, Hải Long, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long

BUÔN MÊ THUỘT ONE-STOP SHOPPING CENTER
PHÚC HƯNG

154 Lê Hồng Phong,
TP Buôn Ma Thuột, Đăk Lăk

QUẢNG NGÃI ONE-STOP SHOPPING CENTER
NAM KHÁNH

134 Phan Đình Phùng, Nguyễn Nghiêm,
Quảng Ngãi

HỆ THỐNG NHÀ PHÂN PHỐI

1. **CÔNG TY CPTM VÀ XNK ÁI LINH**
   Đê Hữu Hồng, Xâm Dương, Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội
2. **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT MINH TRÂN**
   101 Triệu Nữ Vương, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
3. **CÔNG TY TNHH XDSX & TM BÌNH DIN**
   719, tổ 8a, Phường Tân Lập, Thái Nguyên
4. **CÔNG TY TNHH TM DV VIỆT HOÀNG**
   Phòng 603, 20 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
5. **CÔNG TY TNHH TRANG ANH**
   Số 3 ngõ 94, Hồng Bàng, Vinh, Nghệ An
6. **CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU NỘI THẤT QUANG MINH**
   Số 12 Lý Thánh Tông, Lộc Ninh, TP Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình.
7. **CÔNG TY TNHH MTV TM THANH THANH**
   183- 185 Nguyễn Thái Học, Phường Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Bình Định
8. **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGHỆ THUẬT**
   108 Hoàng Diệu, Phường Thành Công, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
9. **CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM GIA LAI**
   20A Lê Lai, P. Diên Hồng, TP Pleiku, GiaLai
10. **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC THÔNG NT**
    327 Đường 23/10, Phường Ngọc Hiệp, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
11. **CỬA HÀNG HIỆP PHÁT**
    27 Phan Đình Phùng, Phường 1, Đà Lạt, Lâm Đồng
12. **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ CN NGÔ THANH TÂM**
    42B CMT8, Phường Cái Khế, Ninh Kiều, Cần Thơ
13. **CÔNG TY TNHH MTV GỖ CÔNG NGHIỆP THIỆN NHÂN**
    23 Trần Văn Giàu, Phường An Hòa, Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
14. **CÔNG TY TNHH AN PHÁT BÌNH THUẬN**
    441 Trần Hưng Đạo, TP Phan Thiết
15. **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KINH DOANH THÁI TUẤN**
    Trung tâm triển lãm Cánh Diều, KM 10 đường Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng.
16. **CÔNG TY TNHH TM DV GỖ HÂN GIA PHÁT**
    79 Lý Thường Kiệt, Khu phố 4, Phường Xuân An, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai
17. **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HOÀNG GIA**
    Tổ 9, Khu Phố Phú Thạnh, Phường Mỹ Xuân, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

An Cường tận dụng
phương thức bán hàng đa kênh
để tăng khả năng tiếp cận, cung cấp các sản phẩm và giải pháp trong và ngoài nước.

4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ

4.1 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Tại ngày 31/12/2021)

THÔNG TIN VỀ CỔ PHẦN

- Tổng số cổ phần đã phát hành: 87.650.344 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 87.640.744 cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 9.600 cổ phần.
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 87.640.744 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không có

**** Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2021***

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ CỔ PHẦN (VNĐ)	TỶ LỆ (%)
A.	Cổ đông trong nước, nước ngoài	477	87.650.344	876.503.440.000	100%
I	Trong nước	474	54.628.022	546.280.220.000	62,33%
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	
2	Tổ chức	4	44.945.900	449.459.000.000	51,28%
3	Cá nhân	470	9.682.122	96.821.220.000	11,05%
II	Nước ngoài	3	33.022.322	330.223.220.000	37,67%
1	Tổ chức	2	33.021.922	330.219.220.000	37,67%
2	Cá nhân	1	400	4.000.000	0%
B.	Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ	477	87.650.344	876.503.440.000	100%
1	Cổ đông lớn	3	76.883.122	768.831.220.000	87,72%
2	Cổ đông nhỏ	474	10.767.222	107.672.220.000	12,28%
C.	Cổ phiếu quỹ		9.600	9.600.000	0,01%

** Chưa bao gồm 301.100 cổ phiếu quỹ.*

4.2 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

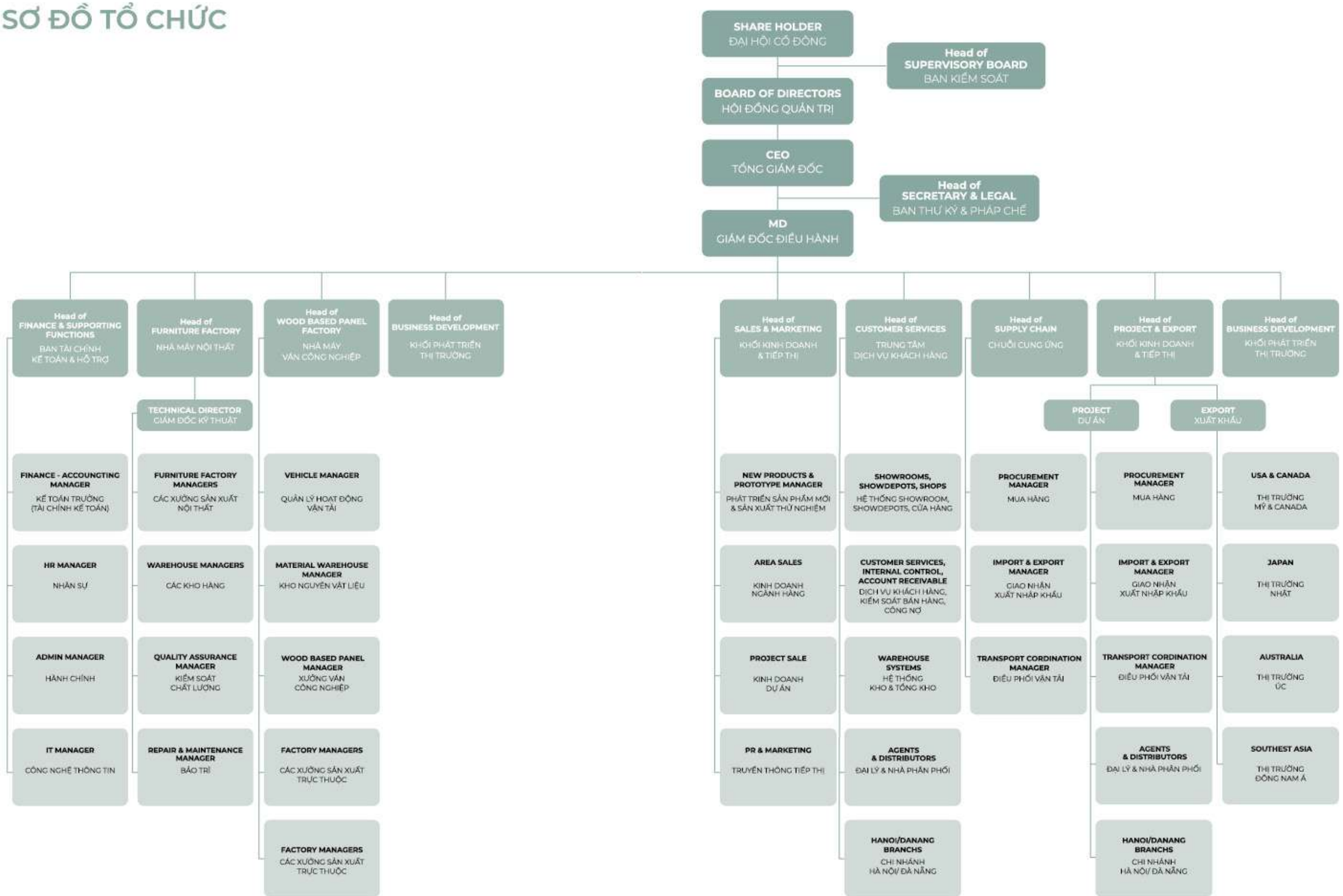

ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ GIÀU KINH NGHIỆM VỚI KINH NGHIỆM ĐIỀU HƯỚNG CÁC CHU KỲ THỊ TRƯỜNG

Được dẫn dắt bởi đội ngũ quản lý đẳng cấp thế giới với hơn 150 năm chuyên môn trong ngành gỗ công nghiệp và được hỗ trợ bởi các nhà đầu tư tổ chức blue-chip. An Cường được quản lý và giám sát chặt chẽ bởi các chuyên gia nhiều kinh nghiệm đa dạng bao gồm, sản xuất kinh doanh gỗ công nghiệp và đồ nội thất, tài chính, đầu tư và quản trị kinh doanh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4.3 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông LÊ ĐỨC NGHĨA

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Ông Lê Đức Nghĩa được đào tạo tại Đức và có gần 30 năm kinh nghiệm trong ngành gỗ công nghiệp và là một trong những chuyên gia hàng đầu tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á về vật liệu và giải pháp cho ngành gỗ công nghiệp.

Ông Nghĩa đã và đang đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng trong Tập đoàn và một số tổ chức như:

- Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Gỗ An Cường.
- Chủ tịch tại Công ty TNHH Sản xuất Gỗ An Cường.
- Chủ tịch tại Công ty TNHH Malloca Vietnam.
- Chủ tịch tại Công ty TNHH AConcept Vietnam.
- Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bất Động Sản Thắng Lợi
- Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Bất Động Sản Central Hill.
- Chủ tịch Câu Lạc Bộ Doanh nhân 2030 trực thuộc Saigon Times Club.
- Ban Chấp Hành Hội Doanh Nhân Trẻ Tp.HCM (YBA-HCM).

4.3 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông MASAO KAMIBAYASHIYAMA

Phó Chủ Tịch HĐQT

Ông Masao Kamibayashiyama một chuyên gia trong ngành gỗ công nghiệp với hơn 22 năm kinh nghiệm. Ông từng giữ vị trí Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh tại Tập đoàn Sumimo Forestry, Nhật Bản. Hiện nay, ông là Tổng Giám Đốc của Sumitomo Việt Nam và đồng thời phụ trách phát triển kinh doanh thị trường quốc tế cho An Cường.
Ông Kamibayashiya tốt nghiệp Đại học Seijyo (Nhật Bản).

Ông NGUYỄN MINH TUẤN

Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Minh Tuấn là một trong các cổ đông sáng lập của An Cường. Ông Tuấn tốt nghiệp Kỹ sư cơ khí từ Học viện Kỹ thuật Belarutxia (Belorussian) vào năm 1989.
Ngoài ra, Ông Tuấn tốt nghiệp Cử nhân Luật, Chuyên ngành Kinh tế tại Đại học Luật Hà Nội.
Trước khi thành lập An Cường, Ông Tuấn làm việc tại Tổng Công ty Cổ phần Máy tính, Truyền thông và Điều khiển 3C tại Hà Nội và Tp. HCM.

Ông JESS RUELØKKE

Thành viên HĐQT
Thành viên Độc lập

Ông Jess Rueløkke có hơn 31 kinh nghiệm ở các vị trí Giám đốc Điều hành, Giám đốc Tài chính và Giám đốc tại các công ty sản xuất nội thất đa quốc gia như Theodore Alexander, ScanCom International và KPMG.
Hiện nay, Ông Jess Rueløkke là Phó Giám đốc Điều hành tại VinaCapital và phụ trách nhóm nâng cao hiệu quả kinh doanh (Business Enhancement Team).
Ông Jess Rueløkke tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh và Kiểm toán, từ trường Đại học Miền Nam Đan Mạch (Southern Denmark) và có Chứng chỉ Kiểm toán viên (Đan Mạch).

Ông Phong có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành gỗ công nghiệp. Ông Phong là một trong những chuyên gia giỏi tại Việt Nam chuyên về tấm Laminate, các loại gỗ công nghiệp và phụ kiện hoàn thiện nội thất.
Ông Phong tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế từ trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

Ông LÊ THANH PHONG

Thành viên HĐQT

Bà NGUYỄN DIỆU PHƯƠNG

Thành viên HĐQT
Thành viên Độc lập

Bà Phương có 16 năm làm việc tại VinaCapital, phụ trách lĩnh vực đầu tư vốn tư nhân.
Trước đó, Bà Phương là Kiểm toán viên cao cấp (Audit Senior) tại KPMG Vietnam, phụ trách mảng khách hàng ngân hàng quốc tế và ngân hàng trong nước.
Bà Phương hiện là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền (KDH) và một số công ty khác được VinaCapital đầu tư.
Bà Phương tốt nghiệp Đại học Ngân hàng Tp. HCM và có chứng chỉ UK FCCA.

Ông Tùng có hơn 21 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính, đầu tư và tái cấu trúc doanh nghiệp.
Ông Tùng có kinh nghiệm làm việc và giữ các vị trí quản lý tại các tổ chức trong nước và quốc tế như Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Đào tạo CFE (Giám Đốc Nghiệp Vụ), Công ty BĐS Central Hill (Thành viên HĐQT), Công ty Chứng Khoán Thành Công (Giám đốc Đầu tư), Công ty CP đầu tư và phát triển Sacom (thành viên BKS), Công ty Chứng khoán Âu Việt (Giám đốc Đầu tư), VinaCapital Group (Trưởng phòng Nghiên Cứu) và Công ty Kiểm toán AFC thành viên của BDO International.
Ông Tùng tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) từ Trung tâm Pháp Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) và Cử nhân Luật từ trường Đại học Luật TP.HCM.

Ông TRẦN LƯƠNG THANH TÙNG

Thành viên HĐQT

4.4 BAN KIỂM SOÁT

Bà TRẦN THỊ NGỌC TUỆ

Trưởng Ban Kiểm Soát

Bà Tuệ có hơn 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán và kiểm toán.
Bà Tuệ tốt nghiệp Khoa Kiểm toán trường Đại học Kinh tế và tốt nghiệp Học viện Ngân hàng Tp. HCM.

Bà MAI THỊ PHƯƠNG THẢO

Thành viên Ban Kiểm Soát

Bà Mai Thị Phương Thảo có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư. Hiện nay, Bà Thảo là Trưởng phòng Đầu tư tại VinaCapital phụ trách mảng đầu tư vốn cổ phần tư nhân.
Trước khi gia nhập VinaCapital vào năm 2014, Bà Thảo có 6 năm làm việc tại PXP Vietnam Asset Management và 3 năm làm việc tại Ngân hàng BIDV.
Bà Thảo tốt nghiệp MBA từ University of Hawaii và tốt nghiệp trường Đại học Ngoại Thương Tp. HCM.

Bà TRẦN THỊ KIM ANH

Thành viên Ban Kiểm Soát

Bà Trần Thị Kim Anh có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán quản trị.
Bà Kim Anh Tốt nghiệp chuyên ngành kinh tế từ trường Đại học Văn Lang.

BAN ĐIỀU HÀNH

ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ GIÀU KINH NGHIỆM VỚI KINH NGHIỆM ĐIỀU HƯỚNG CÁC CHU KỲ THỊ TRƯỜNG

Đội ngũ quản lý đẳng cấp khu vực với chuyên môn và kinh nghiệm trong việc đạt được các mục tiêu kinh doanh đầy tham vọng của cổ đông

Được dẫn dắt bởi một đội ngũ lâu năm trong ngành vật liệu, giải pháp, và nội thất làm từ gỗ công nghiệp để đưa doanh nghiệp lên tầm cao mới trong dài hạn

4.5 BAN ĐIỀU HÀNH

Bà VÕ THỊ NGỌC ÁNH
Tổng Giám Đốc

Hơn 23 năm kinh nghiệm trong ngành gỗ công nghiệp. Chuyên gia tư vấn các loại vật liệu nội thất và vật liệu décor, đặc biệt là lõi gỗ công nghiệp.

Bà THIỀU THỊ NGỌC DIỄM
Trưởng Ban Tài Chính Kế toán kiêm Kế Toán Trưởng

Hơn 20 năm kinh nghiệm về Quản trị Tài Chính – Kế Toán. Có kinh nghiệm về việc xây dựng hệ thống quản trị SAP-ERP, hệ thống kiểm soát và quản lý tài chính.
Am hiểu về quy trình quản lý và tái cấu trúc doanh nghiệp.

Bà NGUYỄN THỊ HẢO
Phó Tổng Giám Đốc

Hơn 14 năm kinh nghiệm trong ngành gỗ công nghiệp. Có kinh nghiệm trong ngành kinh doanh sản phẩm nội thất xuất khẩu làm từ gỗ công nghiệp và kinh nghiệm làm việc với các tập đoàn bán lẻ từ Nhật, Anh, Đức, Mỹ...

Ông LÊ THANH PHONG
Phó Tổng Giám Đốc

Hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành gỗ công nghiệp. Là một trong những chuyên gia giỏi tại Việt Nam chuyên về tấm Laminate, các loại gỗ công nghiệp và phụ kiện hoàn thiện nội thất.

Bà NGUYỄN THỊ DUYÊN
Phó Tổng Giám Đốc

Hơn 16 năm kinh nghiệm trong ngành gỗ công nghiệp và được đào tạo tại Hàn Quốc. Chuyên gia về sản xuất các loại bề mặt gỗ công nghiệp.

Ông NGÔ TẤN TRÍ
Phó Tổng Giám Đốc

Hơn 15 năm kinh nghiệm trong ngành nội thất, được đào tạo bởi những chuyên gia của Ý và Đức về sản xuất đồ nội thất từ gỗ công nghiệp.

Bà NGUYỄN THỊ KIM THOA
Phó Tổng Giám Đốc

Hơn 19 năm kinh nghiệm sourcing về vật liệu trong ngành gỗ công nghiệp. Có nhiều năm kinh nghiệm làm việc với các hãng sản xuất dòng MDF, PB, tấm giấy bề mặt và các vật liệu, phụ kiện cho ngành nội thất.

Bà HUỲNH THỊ MINH QUYÊN
Trưởng Ban Kế Hoạch Vật Tư

Hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành gỗ công nghiệp, kinh nghiệm điều phối tất cả các vật liệu đầu vào là nội thất làm từ gỗ công nghiệp.

5. CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH MALLOCA VIỆT NAM

279 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ	Tỷ lệ vốn đã góp thực tế
120	**100%**	**100%**

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GỖ AN CƯỜNG

Lô A17, Khu Công Nghiệp KSB - Khu B, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ	Tỷ lệ vốn đã góp thực tế
796,6	**100%**	**100%**

CÔNG TY TNHH ACONCEPT VIỆT NAM

206 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Tp.HCM

Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ	Tỷ lệ vốn đã góp thực tế
30	**100%**	**100%**

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN CENTRAL HILL

Khu dân cư Thắng Lợi Central Hill
ĐT 835C, Xã Phước Lợi, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty	Tỷ lệ vốn đã góp thực tế
1.040	**30%**	**100%**

** Công ty con gián tiếp. AConcept Việt Nam là công ty con của Malloca Việt Nam*

6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu đạt hơn 70% thị phần (phân khúc trung và cao cấp tại Việt Nam) tại thị trường Việt Nam vào năm 2025.
Là nhà sản xuất và cung cấp nguyên** vật liệu , giải pháp , sản xuất nội thất từ gỗ công nghiệp hàng đầu... **tại Việt Nam, khu vực Đông Nam Á và vươn tầm Châu Á. Luôn theo đuổi sự hoàn hảo và mục tiêu phát triển bền vững.

TẦM NHÌN

Trở thành nhà cung cấp
nguyên vật liệu trang trí nội thất
và vật liệu décor
hàng đầu tại Việt Nam
và khu vực Đông Nam Á.

SỨ MỆNH

Chúng tôi mang đến
các giải pháp
cho ngành nội thất,
phục vụ tối đa
mọi nhu cầu trang trí
của khách hàng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

CON NGƯỜI

Chính là tài sản của doanh nghiệp. Công ty luôn có cơ chế tốt để thu hút nhân tài và dành nhiều thời gian đào tạo, giúp họ tự phát huy sở trường để trở thành hiền tài phục vụ công ty và xã hội.

TÍNH LIÊM KHIẾT

Đạo đức kinh doanh đó là liêm khiết và minh bạch. Đây chính là kim chỉ nam cho các hoạt động của An Cường.

TÍNH ƯU TÚ

Mọi nhân viên luôn được tuyển chọn, đào tạo, định hướng và sắp xếp công việc hợp lý nhằm giúp họ say mê sáng tạo và tận tâm trong công việc, điều đó sẽ góp phần mang lại những sản phẩm tốt cùng với chất lượng dịch vụ tốt nhất.

SỰ CẢI TIẾN

Cải tiến liên tục để luôn có phương pháp mới, hiệu quả hơn. Điều đó cũng giúp cho mỗi con người hạn chế tối đa "tính ì", cải tiến đóng vai trò quan trọng và quyết định cho sự phát triển của An Cường.

Văn hóa doanh nghiệp là toàn bộ các giá trị văn hóa được gầy dựng trên suốt quá trình phát triển của An Cường. Nhờ đó, An Cường đã gắn bó và kết nối lâu dài với cả đội ngũ nhân viên và các đối tác, khách hàng trong suốt chặng đường dài.

VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP

VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP

Quy tắc ứng xử của công ty đối với nhân viên

Lương, thưởng & phúc lợi gắn liền với hiệu quả công việc. Tạo ra môi trường mà nhân viên đều cảm thấy thoải mái để nói lên suy nghĩ và đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Quy tắc ứng xử với đối tác và khách hàng

Tác phong làm việc chuyên nghiệp, trọng chữ tín với phong cách
"Nói - làm - làm ngay".
Nhân viên không gạ gẫm khách hàng, nhận tiền hoa hồng khách hàng cho mục đích cá nhân.

ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Các nhân viên cấp quản lý hầu hết có thâm niên công tác tại An Cường trên 10 năm. Rất nhiều người trong số đó là những người đã gắn bó với công ty từ ngày đầu thành lập. Đội ngũ nhân viên yêu mến và gắn bó với công ty. Từ lúc thành lập, công ty chưa ghi nhận những trường hợp đình công, lãng công hay biểu tình nào.

ĐỐI TÁC & KHÁCH HÀNG

Hầu hết các đối tác của An Cường có khoảng thời gian hơn 10 năm hợp tác với Công ty. Thậm chí, có khoảng 10 nhà cung cấp lõi ván, chỉ nhựa, vật liệu Laminate và keo đã gắn bó với An Cường từ khi thành lập Công ty. An Cường cũng phát triển mối quan hệ bền vững với các khách hàng. Hầu hết những khách hàng làm việc với An Cường là các công ty thiết kế nội thất. 95% số lượng khách hàng làm việc với An Cường đã hơn 05 năm.

SẢN PHẨM & GIẢI PHÁP

"Đầy đủ các sản phẩm và giải pháp tích hợp. Danh mục sản phẩm và giải pháp toàn diện với một loạt các tùy chọn thiết kế, hoàn toàn có thể tùy chỉnh theo yêu cầu của khách hàng và được sản xuất theo quy mô lớn".

MFC®

Melamine Faced Chipboard

Hiện 80% đồ gỗ nội thất dùng ván MFC vì giá cả phù hợp, màu sắc phong phú và hiện đại. Toàn bộ ván MFC của An Cường đều đạt tiêu chuẩn chất lượng Quốc Tế. Với hơn 300 màu MFC, An Cường mang đến sự lựa chọn đa dạng với MFC tiêu chuẩn, MFC phối 2 màu, MFC vượt khổ, MFC chống ẩm và các loại ván phủ Melamine.

Laminate Kingdom®

High Pressure Laminate

Thương hiệu Laminate Kingdom®, được An Cường sở hữu và phân phối độc quyền với hơn 700 màu gỗ các loại. Laminate đang mở ra nhiều khả năng ứng dụng đầy mê hoặc và đáng ngạc nhiên cho công nghiệp đồ gỗ và trang trí nội thất.

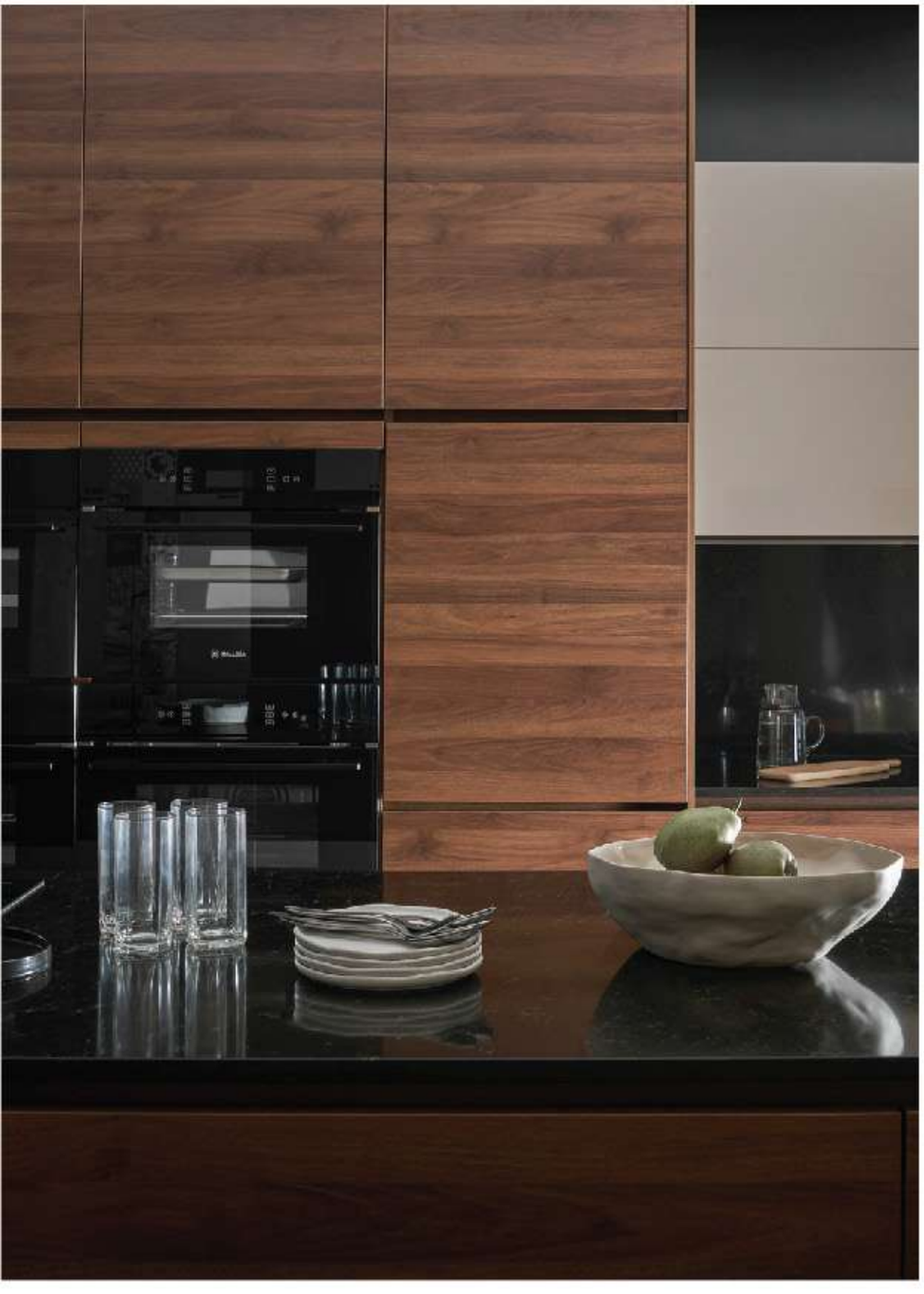

HIGH GLOSS

ACRYLIC PANEL®

Đặc tính của tấm Acrylic bóng gương là đẹp, sang trọng, hiện đại, xanh sạch, thân thiện với môi trường, thi công nhanh mà giá thành hợp lý. Bề mặt chất liệu Acrylic có độ nhẵn bóng và phẳng mịn cao hơn gấp 2 lần so với các loại ván gỗ phủ sơn. Màu sắc gỗ Acrylic rất phong phú với hơn 90 màu đủ loại, từ màu trơn, metallic đến những màu vân gỗ sang trọng.

LAMINATE FLOORING ®

TOUCH | NATURAL | MODERN

Bộ sưu tập Touch-Natural-Modern gồm có hơn 60 màu cement và vân gỗ cá tính, dày 8mm và 12mm. Bộ sưu tập cập nhật toàn bộ xu thế nội thất mới nhất của thế giới năm 2018 - 2019 với những vân gỗ, mắt gỗ to, vừa cổ kính vừa hiện đại. Kỹ thuật hèm khóa Uni Clic và vát cạnh V-groove tạo điểm nhấn cho tổng thể sàn được quét sáp chống ẩm, mang lại vẻ đẹp đẳng cấp, sang trọng và bền bỉ cho ngôi nhà của bạn.

VENEER®

An Cường là đơn vị tiên phong ở Việt Nam cung cấp dòng sản phẩm gỗ lạng Veneer cao cấp nhất được nhập khẩu 100% từ Ý và Tây Ban Nha. Với sự chuyển giao công nghệ của các chuyên gia Ý cùng hàng loạt máy móc tối tân nhất nhập khẩu từ Châu Âu, sản phẩm Veneer của An Cường được đánh giá với tiêu chuẩn và chất lượng Châu Âu.

Eco-VENEER®

Eco-Veneer (Veneer nhân tạo có hiệu ứng như Veneer thật) là sản phẩm hỗn hợp gồm sợi cellulose gỗ kết hợp với nhựa. Lớp bề mặt là sợi cellulose gỗ, được hoàn thiện bởi lớp PU có hiệu ứng bề mặt như thật và độ chống trầy xước như Veneer tự nhiên thổi PU. Ngoài việc có thể dán lên gỗ MDF, gỗ dăm như Veneer thông thường, An Cường có sẵn loại Eco-Veneer phủ lớp keo mặt sau, đây là loại keo đặc biệt của Đức có độ bám dính cực kì cao và có thể chịu được nhiệt độ lên tới 80°C, đảm bảo độ bền, tính tiện lợi và nhanh chóng.

PIANO GLOSS®

Piano Gloss (cao cấp hơn Acrylic) là dòng hàng cao cấp, được An Cường đầu tư dàn máy móc hiện đại lên đến hàng trăm triệu USD tự động từ A-Z, cho chất lượng sản phẩm đẹp hoàn hảo. Với diện tích phân xưởng hơn 6000m2 và 100 công nhân do chuyên gia người Ý đảm trách, sản phẩm được đảm bảo đúng tiêu chuẩn quốc tế, chất lượng đẹp như nước sơn đàn piano, nội thất nhà bạn từ đó cũng hoàn hảo không kém những mẫu nội thất tại Ý, Đức ...

An Cường đã phát triển dòng sản phẩm cửa với sự kết hợp của các chất liệu Veneer, Melamine, Laminate, Acrylic...mang kiểu dáng hiện đại và phong phú về màu sắc. Với hơn 1.300 màu đơn sắc và vân gỗ, An Cường mang đến các giải pháp cho sản phẩm cửa nhằm đa dạng hóa sự lựa chọn như: cửa phối màu, cửa vượt khổ 2.7m và giải pháp đồng màu sàn nhà - len tường - cửa.

IMUNDEX IMUNDEX

Member of the Feddersen Group – Germany

Tập đoàn Feddersen được thành lập năm 1949 tại Đức, kinh doanh nhiều lĩnh vực khác nhau như hóa chất, thép, sản phẩm kỹ thuật... với hệ thống chi nhánh, văn phòng đại diện và hơn 800 nhân viên trên toàn cầu.

Hettich
Made in Germany

Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh toàn diện với tập đoàn Hettich, theo đó An Cường là Công ty độc quyền phân phối sản phẩm Hettich tại Việt Nam. Sự kết hợp giữa Công ty và Hettich sẽ tạo ra những giải pháp gỗ nội thất đẳng cấp và chất lượng bậc nhất.

8. CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm An Cường đạt chất lượng Quốc Tế và đạt chứng nhận thương hiệu Quốc Gia (Vietnam Value) nhiều năm liền. Ngoài ra, An Cường là công ty duy nhất trong ngành gỗ Việt Nam đạt được chứng nhận Green Label do Singapore cấp. Đây là giấy chứng nhận danh giá nhất tại khu vực về sản phẩm xanh, sạch, thân thiện và bảo vệ môi trường.

Với công nghệ và sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, An Cường tự tin làm hài lòng mọi nhu cầu trang trí nội thất đa dạng, đảm bảo tính bền lâu của vật liệu và sức khỏe người tiêu dùng.

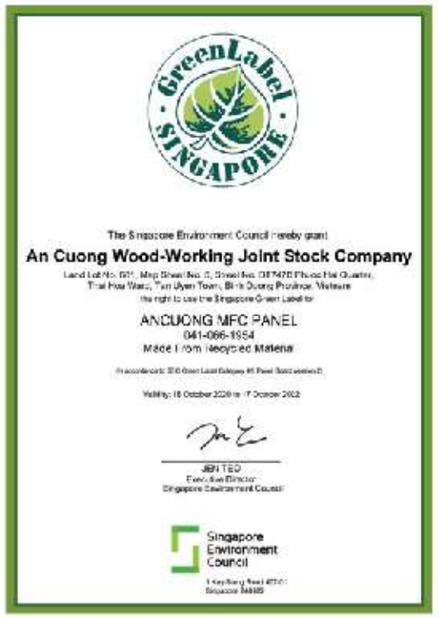

GREEN LABEL SINGAPORE

SA 8000:2014

ISO 9001:2015

ISO 14001:2015

Tệp Khách hàng lâu dài và khách hàng Blue Chip

Tệp khách hàng trung thành và mạng lưới bán hàng rộng khắp
Là nhà cung cấp được nhiều khách hàng uy tín lựa chọn, khoảng 75% trong số đó đã gắn bó với An Cường hơn 10 năm. Mạng lưới phân phối rộng khắp giúp An Cường mở rộng phạm vi hoạt động trên khắp Việt Nam và nhiều nước trên thế giới.

TƯ VẤN THIẾT KẾ /NHÀ THẦU DỰ ÁN	NHÀ PHÂN PHỐI & ĐẠI LÝ	NHÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN
An Cường hợp tác chặt chẽ với các công ty thiết kế và kiến trúc hàng đầu cũng như các nhà thầu dự án để tối đa hoá khả năng bán hàng qua nhiều kênh khác nhau	An Cường có mối quan hệ với mạng lưới nhà phân phối và đại lý rộng khắp. Đây là lợi thế lớn của An Cường và không có công ty nào tại Việt Nam có quy mô này.	Là công ty tiên phong trong ngành Gỗ công nghiệp tại Việt Nam. An Cường thiết lập quan hệ chặt chẽ và lâu dài với các nhà phát triển dự án quy mô hàng tỉ đô la tại Việt nam và Đông Nam Á

KHÁCH HÀNG TOÀN CẦU

An Cường cũng nhận đơn đặt hàng OEM từ các khách hàng trên toàn cầu, cũng như khách hàng tiêu dùng

MỘT VÀI DỰ ÁN TIÊU BIỂU

2021

SEDONA SUITE

FOUR POINT ĐÀ NẴNG

RIVER THỦ THIÊM

THE MARQ

SUNWAH PEARL

DIMENSION SOMERSET

MASTERY THẢO ĐIỀN

LEXINGTON RESIDENCE

2020

KINGDOM 101
HOA LAM GROUP

MARINA PHÚ QUỐC
BIM GROUP

AKARI CITY - NAM LONG

VINHOMES WESTPOINT
VINGROUP

ECO GREEN SÀI GÒN
XUÂN MAI CORP

VINCITY GRAND PARK
VINGROUP

MELIA HỒ TRÀM
TANZANITE

AQUA BAY ECOPARK
ECOPARK

2019

RICHMOND CITY
HUNG THINH GROUP

FELIZ EN VISTA
CAPITALAND

VINCITY OCEAN PARK NEW
VINGROUP

FLORA NOVIA-NAM LONG

BERRIVER LONG BIÊN
HANCO9

EMPIRE CITY
KEPPEL LAND

HIYORI DA NANG
SUN FRONTIER

SAFIRA
KHANG ĐIỀN

HOẠT ĐỘNG SỐ HOÁ

Nền tảng công nghệ của An Cường hoạt động mạnh mẽ, được thiết kế để quản lý và tối ưu hoá tài nguyên, theo dõi KPIs và cải thiện mối quan hệ với khách hàng.

TRIỂN KHAI VÀ TỐI ƯU HOÁ THÀNH CÔNG SAP-ERP

SAP ERP

- **SAP-ERP** tích hợp nhiều chức năng để nâng cao hiệu quả hoạt động và năng suất công việc thông qua hình thức tự động hoá
- Các lĩnh vực bao gồm: chuẩn bị nguyên liệu, quy trình sản xuất, thành phẩm, các sản phẩm khác...
- Chức năng chính: Lập kế hoạch, ước tính, bán hàng, sản xuất, kiểm soát chất lượng, mua hàng, quản lý hàng tồn kho, tài chính – kế toán, nhân sự, R&D

QUẢN LÝ QUY TRÌNH NỘI BỘ

AC Project Management

- Phần mềm quản lý dự án trực tuyến với tính năng lập kế hoạch và giám sát để đảm bảo hoàn thành dự án kịp thời
- Đồng thời cải thiện việc vận hành kiểm soát chi phí và tăng cường đảm bảo chất lượng

HRIS – Hệ thống thông tin nguồn nhân lực

- Là phần mềm trực tuyến quản lý nguồn nhân lực
- Cho phép nhân viên kiểm tra ngày công, ngày nghỉ, yêu cầu nghỉ phép
- Tối ưu khả năng quản lý nguồn nhân lực

CÔNG CỤ QUẢN LÝ KHÁCH HÀNG

AC Customer Relationship Management (CRM)

- Hệ thống CRM giúp nhóm bán hàng xác định và quản lý các loại khách hàng khác nhau thuận tiện hơn
- Giúp phối hợp hiệu quả với bộ phận kĩ thuật để tối ưu hoá chiến lược tiếp thị
- Giúp An Cường tìm hiểu rõ hơn nhu cầu của khách hàng trên khắp cả nước
- Cho phép An Cường mang đến sự hài lòng cao nhất cho khách hàng. Tăng tỷ lệ khách hàng quay trở lại.

CÔNG CỤ SỐ HOÁ

An Cường quyết tâm nâng cao trải nghiệm của khách hàng bằng việc sử dụng công nghệ hiện đại và truyền cảm hứng cho khách hàng, giúp khách hàng thiết kế và hiện thực hoá không gian sống mơ ước.

SỰ HỢP NHẤT KÊNH ONLINE & OFFLINE

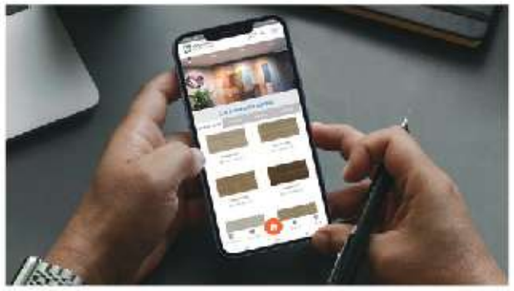

AC Library

- Ứng dụng trên điện thoại sử dụng mã QR để giới thiệu tất cả các sản phẩm của An Cường
- Cập nhật cho khách hàng thông tin về sản phẩm và xu hướng mới nhất

AC Shopping

Ứng dụng mua sắm được thiết kế cho các nhà thiết kế, NPP và đại lý của An Cường, để người tiêu dùng dễ dàng đặt mua sản phẩm

AC Thực tế ảo

Ứng dụng di động cho phép người dùng dễ dàng hình dung sản phẩm An Cường khi lắp tại nhà của họ

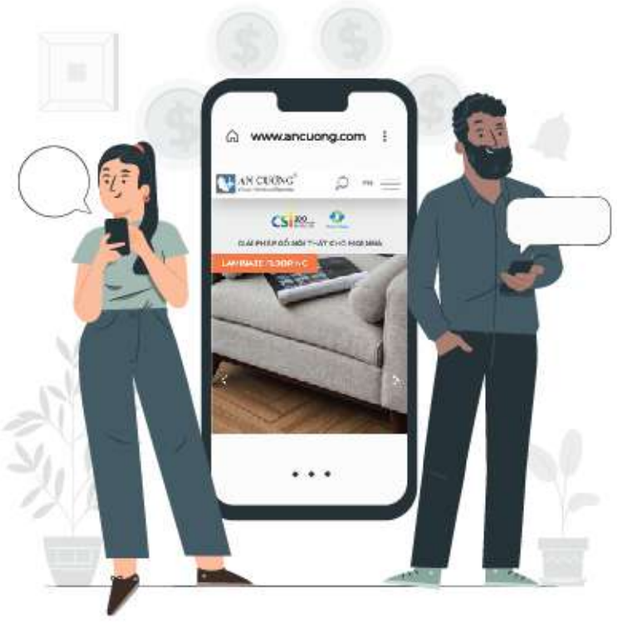

ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI NHẤT

AC Design Tool

- Phần mềm mô phỏng giúp người dùng áp dụng thư viện hơn 1.300 màu sắc và mẫu thiết kế được cài sẵn
- Cung cấp cho khách hàng thông tin mới nhất về xu hướng và sản phẩm

360° Showroom Virtual Reality

Ứng dụng thực tế ảo VR360 cho phép khách hàng tham quan Showroom của An Cường qua hình ảnh

ĐƠN VỊ ĐI ĐẦU TRONG VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRONG SẢN XUẤT VÀ BÁN HÀNG

CABINETPro®

- Phần mềm CabinetPro cho phép khách hàng tuỳ chỉnh kích thước nội thất với các sản phẩm của An Cường
- Tích hợp hoàn toàn với hệ thống của An Cường tạo trải nghiệm tối ưu cho người dùng
- CabinetPro giúp khách hàng tiết kiệm thời gian và chi phí. Là một giải pháp tối ưu thay thế phương pháp thiết kế truyền thống.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO & CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

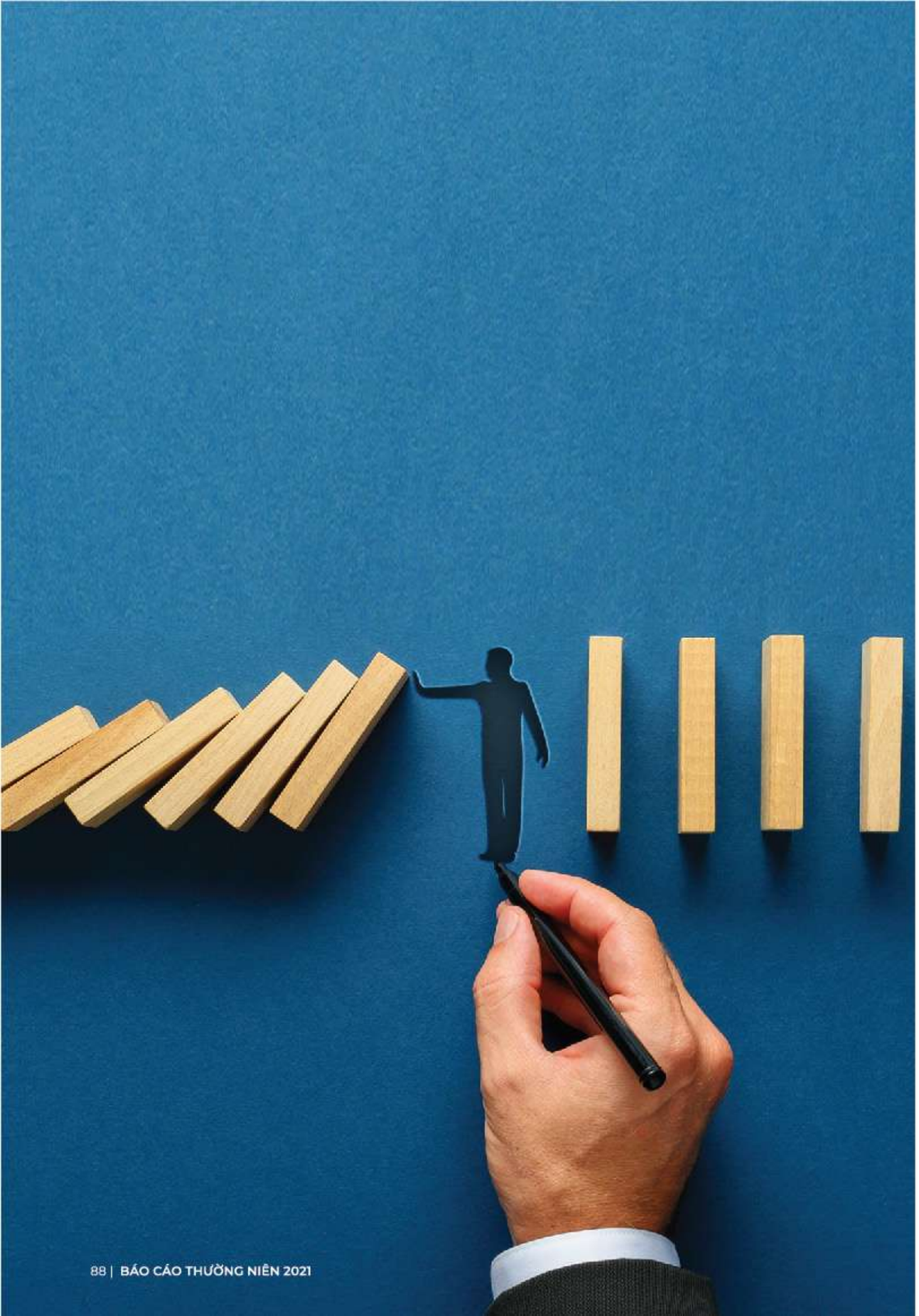

9. CÁC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

9.1 QUẢN TRỊ RỦI RO

Tập Đoàn đang trải qua giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ trong các năm qua. Năm 2020 và 2021, môi trường kinh doanh trên thế giới cũng như trong nước có nhiều biến động mạnh, khó lường và có tác động đa chiều đến nền kinh tế nói chung và Tập Đoàn nói riêng.

Trong điều kiện đó, Tập Đoàn đã đẩy mạnh hoạt động quản trị rủi ro (QTRR) một các thực chất và hiệu quả, xác định rõ định hướng chiến lược tổng thể theo phương châm **"Vững bền phát triển"**, chuẩn bị sẵn các kịch bản và phương án ứng phó nhanh nhạy kịp thời "Khớp" với các biến động của môi trường kinh doanh và trong nội tại doanh nghiệp.

Tập Đoàn đã có các nghiên cứu, làm việc, tiếp nhận các tư vấn và tham gia các buổi đào tạo về quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế tốt nhất, cũng như tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật Việt Nam. Công tác QTRR được triển khai và giám sát liên tục trên quy mô Tập Đoàn theo phương châm: **"Hiểu rõ nội tại – Thích ứng môi trường kinh doanh – Tuân thủ pháp luật – Áp dụng thông lệ quốc tế tốt nhất"**

Các hoạt động chính trong công tác quản trị rủi ro trong năm 2021

1. Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
2. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
3. Ban hành Quy chế Quản trị Tập Đoàn
4. Ban hành quy chế Tài Chính
5. Xây dựng và cải tiến toàn bộ quy trình, quy định và hướng dẫn công việc áp dụng trên quy mô Tập Đoàn.
6. Hoàn thiện và gia tăng tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trên quy mô Tập Đoàn.
7. Thực hiện các đợt kiểm soát, kiểm tra, giám sát định kỳ và bất thường.
8. Truyền thông về công tác QTRR đến các cấp quản lý, nhân viên và các đơn vị thành viên trên phạm vi Tập Đoàn.
9. Xây dựng và duy trì môi trường văn hóa minh bạch, chống gian lận, tham nhũng và lãng phí.

9. CÁC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

9.2 CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU TRONG NĂM 2021

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Nhận diện và đánh giá rủi ro

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Nền kinh tế của Việt Nam có độ mở lớn với tất cả các Châu lục nên mức độ liên thông với kinh tế thế giới cũng rất lớn. Vì vậy, biến động về chính trị, kinh tế, lạm phát, suy thoái hay khủng hoảng kinh tế trên thế giới sẽ ảnh hưởng nhanh và trực tiếp đến kinh tế trong nước, trong đó có ngành vật liệu xây dựng.

Hiện nay, ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh và tình hình căng thẳng địa chính trị tiếp tục ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi hoạt động kinh tế toàn cầu. Tác động rõ rệt nhất là lạm phát gia tăng (thậm chí là nguy cơ lạm phát đình đốn. "Đình lạm" được hiểu đơn giản là kinh tế đi xuống trong bối cảnh lạm phát đi lên hay thu nhập khả dụng bị suy giảm nhưng giá cả hàng hóa lại tăng). Việc đối phó với cả 2 nguy cơ cùng một lúc là rất khó khăn.

Dưới tác động đó, giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao; nguy cơ về đứt gãy hoặc chậm trễ trong chuỗi cung ứng, tình trạng thiếu hụt lao động do bị cách ly, phong tỏa và điều trị kéo dài; công suất sản xuất và lắp đặt không được tối ưu...

Giải pháp ứng phó của Tập Đoàn

- Triệt để tuân thủ nguyên tắc "5K" và các biện pháp phòng chống dịch theo quy định của nhà nước và các quy định nội bộ của Tập Đoàn.
- Triển khai tốt chương trình "3 tại chỗ", bố trí nơi ăn ở an toàn cho CBNV, bố trí làm việc luân phiên, tổ chức làm việc và họp trực tuyến trong suốt thời gian dịch bệnh để đảm bảo an toàn phòng chống dịch và tiến độ sản xuất.
- Chủ động bảo vệ vùng xanh và phân tán rủi ro nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh. Với hai cụm nhà máy (nằm ở Thị xã Tân Uyên và Huyện Bắc Tân Uyên), hệ thống kho bãi ở nhiều nơi cùng với hệ thống các nhà phân phối trên cả nước, Tập Đoàn cũng đã chủ động phân tán rủi ro trong sản xuất và phân phối nhằm bảo vệ và đảm bảo hiệu quả tối đa của chuỗi cung ứng.
- Đảm bảo an toàn/sức khoẻ của người lao động đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi nhanh chóng. Thường xuyên rà soát và triển khai kịp thời các biện pháp chống dịch và hỗ trợ người lao động. 100% CBNV của Tập Đoàn đã được tiêm đủ số mũi vaccine và liều tăng cường. ACG có đội phản ứng nhanh hỗ trợ về y tế cho CBNV và thân nhân của CBNV trong suốt mùa dịch.
- Dự báo và cập nhật dự báo xu hướng biến động giá nguyên vật liệu đầu vào để có phương án kinh doanh thích hợp. Trong năm 2021, Tập Đoàn đã đẩy mạnh việc nhập hàng, tổ chức tốt hoạt động kho bãi và logistic đảm bảo đủ nguồn nguyên vật liệu phục vụ sản xuất trước, trong và ngay sau dịch.

9. CÁC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

9.2 CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU TRONG NĂM 2021

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Nhận diện và đánh giá rủi ro

Ngành chế biến gỗ có liên hệ mật thiết với ngành lâm nghiệp. Việc bảo tồn rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ thượng nguồn, là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chính địa bàn đó và các địa bàn lân cận. Khai thác rừng trái phép, tận thu, hỏa hoạn... làm giảm diện tích rừng sẽ gây lũ quét, xói mòn đất và ô nhiễm môi trường.

Giải pháp ứng phó của Tập Đoàn

- Khác với các công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến gỗ khác, An Cường là Tập Đoàn hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất gỗ công nghiệp (wood based panel). Gỗ công nghiệp chủ yếu được làm từ gỗ tái sinh hay gỗ tận dụng, cành ngọn của cây gỗ được băm ra kết hợp với keo và gia nhiệt để làm ra tấm gỗ. Ở Việt Nam, phần cành ngọn của gỗ chủ yếu được lấy từ cây cao su và cây tràm. Hai nguồn này chủ yếu là rừng trồng. Do đó, về bản chất, ngành gỗ công nghiệp không gây tổn hại đến môi trường xanh, trái lại còn tạo ra nguồn thu nhập lớn cho các hộ dân và các đơn vị trồng rừng, qua đó khuyến khích việc mở rộng diện tích rừng trồng.
- Ngoài ra, An Cường là Tập Đoàn duy nhất trong ngành gỗ Việt Nam đạt được chứng nhận Green Label do Singapore cấp – đây là giấy chứng nhận danh giá nhất tại khu vực về sản phẩm xanh, sạch, thân thiện và bảo vệ môi trường.

RỦI RO QUẢN TRỊ & TÁC NGHIỆP

Nhận diện và đánh giá rủi ro

Rủi ro quản trị và tác nghiệp là rủi ro liên quan đến những sự cố hoặc sai sót trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ sản xuất kinh doanh của Tập Đoàn làm thiệt hại cho Tập Đoàn, cho khách hàng và đối tác dẫn đến việc Tập Đoàn có thể bị khởi kiện. Rủi ro tác nghiệp có thể xuất phát từ nguyên nhân con người (không cẩn trọng trong quá trình thực hiện các thao tác tác nghiệp, cố tình gian lận...), hoặc do sơ hở trong các quy trình tác nghiệp, sự yếu kém trong hệ thống công nghệ thông tin, kiểm soát nội bộ và QTRR.

Giải pháp ứng phó của Tập Đoàn

- Tập Đoàn chú trọng công tác tuyển dụng và thường xuyên tổ chức đào tạo nghiệp vụ cho các phòng ban chuyên môn và toàn thể CBCNV.
- Từ ngày 03/01/2017, Tập Đoàn đã chính thức vận hành hệ thống SAP ERP cho toàn bộ Tập Đoàn. Việc sử dụng hệ thống SAP ERP đã giảm thiểu được rủi ro hoạt động, tiết giảm được thời gian truy xuất dữ liệu và phân tích dữ liệu, từ đó phục vụ tốt cho công tác quản trị của Tập Đoàn, bao gồm QTRR hoạt động của toàn hệ thống.
- Tập Đoàn tiếp tục triển khai việc cải tiến quy trình hoạt động và số hóa toàn bộ quy trình hoạt động.
- Tập Đoàn đã ban hành các quy định, quy chế, hướng dẫn công việc, nội quy công ty và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện.
- Xây dựng và vun đắp văn hóa doanh nghiệp theo hướng minh bạch, chống tiêu cực/gian lận, chống lãng phí/lãng công.
- Thường xuyên cập nhật và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật liên quan đến việc quản trị công ty, các quy định pháp luật chuyên ngành như luật doanh nghiệp, luật chứng khoán, luật kế toán... cũng như tuân thủ các quy định/điều ước/tiêu chuẩn/thông lệ quốc tế tốt nhất về chất lượng hàng hóa, môi trường và tổ chức sản xuất, kinh doanh.

9. CÁC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

9.2 CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU TRONG NĂM 2021

RỦI RO HÀNG GIẢ HÀNG NHÁI THƯƠNG HIỆU CỦA TẬP ĐOÀN

Nhận diện và đánh giá rủi ro

Tính hiệu lực và răn đe của pháp luật trước nạn hàng giả hàng nhái thương hiệu và ăn cắp mẫu mã sản phẩm còn nhiều bất cập, chưa hoàn toàn bảo vệ được những nhà sản xuất chân chính dẫn đến tình trạng hàng giả hàng nhái nhãn hiệu và ăn cắp mẫu mã sản phẩm trên thị trường, đe dọa không chỉ về doanh thu, lợi nhuận mà còn về niềm tin của người tiêu dùng đối với sản phẩm của An Cường.

Giải pháp ứng phó của Tập Đoàn

- Tập Đoàn đã thành lập đội kiểm tra sản phẩm và chất lượng sản phẩm tại công trình hoặc nhà của khách hàng khi có yêu cầu. Ứng dụng công nghệ thông tin thông qua việc sử dụng mã QR để truy xuất nguồn gốc sản phẩm qua đó nhanh chóng kiểm tra và hạn chế việc giả mạo sản phẩm hoặc trộn lẫn sản phẩm An Cường với các sản phẩm kém chất lượng.
- Thường xuyên cập nhật bộ sưu tập và tạo ra các trend mới làm cho đối thủ khó theo kịp hoặc không thể làm giả làm nhái.

RỦI RO KHÁC

Nhận diện và đánh giá rủi ro

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người cũng như tình hình hoạt động chung của Tập Đoàn.

Giải pháp ứng phó của Tập Đoàn

- Tập Đoàn thường xuyên cập nhật chương trình phòng chống dịch bệnh/thiên tai đối với các loại bệnh/thiên tai có thể ảnh hưởng đến hoặc làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tập Đoàn đã và đang tham gia mua bảo hiểm tài sản và bảo hiểm trách nhiệm; đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho CBNV Tập Đoàn.

KIẾN TẠO KHỚP NỐI DẪN DẮT HÀNH TRÌNH

Sẽ không có bất kì hành trình nào mà tất cả chúng ta về đích cùng một lúc như định hướng đã đề ra, nếu như có quá nhiều ngã rẽ và chúng ta phải lựa chọn trong hành trình đó.

Một tập thể là sự kết hợp của rất nhiều mảnh ghép với suy nghĩ, tư duy, tầm nhìn tương phản. Nếu không có sự định hướng rõ ràng của người lãnh đạo thì mỗi bước đi và hành động của cá nhân sẽ dễ dàng bị chệch hướng so với mục tiêu ban đầu.

Tại An Cường nhiệm vụ của người thuyền trưởng hay Ban lãnh đạo không những là người chỉ huy mà còn giữ nhiệm vụ nối các mảnh ghép này Khớp, Vừa Vặn và Khít với nhau. Nhờ đó An Cường không ngừng đi lên mà còn vững bền phát triển.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phần A: Báo cáo tình hình thực hiện năm 2021

I. Hoạt động của HĐQT trong năm 2021

II. Kết quả thực hiện SXKD

III. Đầu tư và đầu tư vào công ty con

IV. Nhân sự và thù lao HĐQT

Phần B: Kế hoạch kinh doanh năm 2022

I. Kế hoạch SXKD năm 2022

II. Kế hoạch Đầu tư TSCĐ năm 2022

III. Phương án kinh doanh năm 2022

PHẦN A – BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2021

I - Hoạt động của HĐQT trong năm 2021

1. Thông tin về thành viên HĐQT:

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lê Đức Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	30/11/2017	
2	Ông Masao Kamibayashiyama	Phó chủ tịch HĐQT	08/10/2019	
3	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	30/11/2017	
4	Ông Jess Rueloekke	Thành viên độc lập	12/11/2020	
5	Ông Lê Thanh Phong	Thành viên	03/06/2020	
6	Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	Thành viên độc lập	03/06/2020	
7	Ông Trần Lương Thanh Tùng	Thành viên	12/11/2020	

2. Các cuộc họp HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Đức Nghĩa	13/13	100%	
2	Ông Masao Kamibayashiyama	13/13	100%	
3	Ông Nguyễn Minh Tuấn	13/13	100%	
4	Ông Jess Rueloekke	13/13	100%	
5	Ông Lê Thanh Phong	13/13	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	13/13	100%	
7	Ông Trần Lương Thanh Tùng	13/13	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT nói chung và hoạt động giám sát đối với BTGĐ

Vai trò, chức năng và quyền hạn của HĐQT được quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều Lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Theo đó, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc ("TGĐ") và BTGĐ trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT trong năm 2021 như sau:

3.1. Phương thức giám sát:

HĐQT thực hiện việc giám sát BTGĐ trong việc tổ chức, triển khai và thực hiện các nghị quyết của HĐQT thông qua các cuộc họp và các hoạt động kiểm tra giám sát thường xuyên đối với các nhiệm vụ cụ thể được phân công. Tại các cuộc họp, HĐQT đều soát xét tình hình thực hiện các nghị quyết, tình hình SXKD của quý và lũy kế, thảo luận và quyết định thông qua các nghị quyết để TGĐ và BTGĐ làm cơ sở triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông qua phần mềm họp trực tuyến, thư điện tử và điện thoại với thành viên BTGĐ về các nội dung, vấn đề quan tâm giám sát.

3.2. Kết quả giám sát:

Với những kết quả đạt được trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện tổng kết, thảo luận và đánh giá: TGĐ và BTGĐ đã có nỗ lực to lớn và thực hiện rất tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2021, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, BTGĐ đã làm tốt công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt việc phòng chống dịch Covid-19, đảm bảo việc làm, an toàn sức khỏe cho nhân viên và kinh doanh có trách nhiệm cao với các bên liên quan.

3.3. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2021

HĐQT xem xét và phê duyệt định hướng chiến lược, chính sách quản trị rủi ro, kế hoạch kinh doanh hàng năm và tầm nhìn 3 đến 5 năm; hạn mức tín dụng; phát hành cổ phiếu; chi trả cổ tức; các khoản đầu tư có giá trị lớn; các khoản đầu tư hình thành công ty con, công ty liên doanh liên kết; giao dịch với các bên liên quan... Trong năm 2021, HĐQT đã thông qua các Nghị quyết và Quyết định với nội dung và tỷ lệ biểu quyết thông qua cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01-2021/NQ-GAC	11/01/2021	Thông qua ngân sách đầu tư để đầu tư vào một số dự án bất động sản tiềm năng.	100%
2	02-2021/NQ-GAC	05/02/2021	Thông qua ngân sách đầu tư để đầu tư/ủy thác đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp.	100%
3	03-2021/NQ-GAC	19/02/2021	Thông qua việc công ty vay ngắn hạn số tiền 102 tỷ đồng với thời hạn vay 6 tháng.	100%
4	04-2021/NQ-GAC	23/03/2021	Thông qua kế hoạch triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.	100%
5	05-2021/NQ-GAC	15/04/2021	Thông qua ngân sách đầu tư để mua cổ phần của Công ty cổ phần Địa ốc Thắng Lợi.	100%
6	06-2021/NQ-GAC	20/04/2021	Thông qua kế hoạch chi trả tạm ứng cổ tức lần 2 năm 2020 bằng tiền mặt.	100%
7	08-2021/NQ-GAC	01/07/2021	Thông qua hạn mức tín dụng ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam.	100%
8	09-2021/NQ-GAC	11/08/2021	Thông qua hạn mức tín dụng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 8.	100%
9	10-2021/NQ-GAC	08/9/2021	Thông qua kế hoạch triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021.	100%
10	11A-2021/NQ-GAC	20/10/2021	Thông qua hạn mức tín dụng ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) – Chi nhánh KCN Sóng Thần.	100%
11	11-2021/NQ-GAC	27/10/2021	Thông qua việc bổ sung 01 người đại diện theo pháp luật.	100%
12	13-2021/NQ-GAC	02/12/2021	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 12-2021/NQ-GAC và thông qua hồ sơ phát hành	100%
13	14-2021/NQ-GAC	29/12/2021	**1.** Thông qua việc triển khai phương án trả/tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021 **2.** Thông qua phương án đảm bảo việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng đáp ứng về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa. **3.** Thông qua việc triển khai chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	100%

3.4. Hoạt động giám sát các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ.

Trong năm 2021, danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ được cập nhật thường xuyên. Công ty cũng thực hiện việc công bố thông tin và báo cáo cơ quan quản lý theo quy định.

Việc công bố thông tin và thực hiện hiện giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ đối với cổ phiếu của Công ty cũng được thực hiện đúng và đầy đủ. Không có trường hợp nào của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ bị phạt bởi cơ quan quản lý.

Chi tiết danh sách và giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ vui lòng xem tại các Phụ lục đính kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty.

Quét QR code để xem chi tiết

II - Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh (SXKD)

1. Kết quả thực hiện SXKD năm 2021:

Kết quả hợp nhất năm 2021 của Công ty Cổ phần Gỗ An Cường ("Tập Đoàn")

TỔNG TÀI SẢN
4.982,9 Tỷ đồng
Tăng trưởng **11,9%**
so với cùng kỳ năm 2020

VỐN CHỦ SỞ HỮU
3.776,8 Tỷ đồng
Tăng trưởng **7,4%**
so với cùng kỳ năm 2020

DOANH THU THUẦN
3.293,5 Tỷ đồng
-12,3%
so với cùng kỳ năm 2020

LỢI NHUẬN TỪ HĐKD
541,9 Tỷ đồng
-3,1%
so với cùng kỳ năm 2020

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
546,4 Tỷ đồng
-2,7%
so với cùng kỳ năm 2020

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
451,3 Tỷ đồng
-8,3%
so với cùng kỳ năm 2020

Tính chung cả năm 2021, Doanh thu hợp nhất của Tập Đoàn đạt 3.293,5 tỷ đồng (giảm 12,3% so với năm 2020 và đạt 67,6% kế hoạch năm 2021). Nhờ vào việc chủ động cắt giảm chi phí và tập trung vào các đơn hàng có biên lợi nhuận tốt, Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tập Đoàn đạt 451 tỷ đồng (chỉ giảm 8.3% so với năm 2020 và đạt 81,9% kế hoạch cả năm 2021).

Đây là kết quả đáng khích lệ trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp dẫn đến các hoạt động phòng chống dịch nghiêm ngặt đã được các địa phương trên cả nước áp dụng. Đây cũng là kết quả hoạt động tốt khi so sánh với các công ty cùng ngành.

Nhìn chung, với chiến lược đúng đắn, sự chuẩn bị kỹ càng và phản ứng nhanh nhạy đối với rủi ro sự kiện, Tập Đoàn đã chủ động giảm thiểu rủi ro đối tác đối với các khách hàng có độ rủi ro cao và tập trung nhiều hơn vào việc quản trị chi phí. Các khoản mục chi phí đều được quản trị rất tốt, cả biên lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận ròng đều được cải thiện so với cùng kỳ năm trước, lần lượt đạt 27,2% (so với mức 27,1% của năm 2020) và 13,7% (so với mức 13.1% của năm 2020).

2. Cổ tức và trích lập các quỹ:

2.1 Cổ tức:

Trong năm 2021, Công ty mẹ đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 12% mệnh giá cổ phần, tương ứng mỗi cổ phần nhận được 1.200 đồng.

Trong quý 1 năm 2022, Công ty mẹ đã chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2021 với tỷ lệ 5% mệnh giá cổ phần, tương ứng mỗi cổ phần nhận được 500 đồng.

Trong tháng 4 năm 2022, Công ty mẹ đã thực hiện chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 2:1 (cổ đông nắm giữ hai cổ phiếu được nhận một cổ phiếu phát hành mới).

2.2 Trích lập các quỹ:

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07-2021/NQ-GAC ngày 20 tháng 5 năm 2021 và Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 số 12-2021/NQ-GAC ngày 22 tháng 11 năm 2021, Công ty mẹ đã trích lập các quỹ như sau:

TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

01
Quỹ đầu tư phát triển: trích 03% lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo Tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét của Tập đoàn, tương đương 36.472.674.044 đồng.

02
Quỹ khen thưởng, phúc lợi: trích 05% lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo Tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét của Tập đoàn, tương đương 21.883.604.426 đồng.

04
Hoạt động thiện nguyện: trích 5.000.000.000 đồng cho hoạt động thiện nguyện.

03
Trong năm 2021, ĐHĐCĐ đã phê chuẩn việc chuyển một phần Quỹ đầu tư phát triển sang quỹ khen thưởng, phúc lợi để chi trả cho các chi phí liên quan đến phòng chống dịch COVID-19 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 số 12-2021/NQ-GAC ngày 22 tháng 11 năm 2021 với số tiền là 39.590.000.000 đồng.

3. Tình hình tăng/giảm vốn:

Trong năm 2021, theo Quyết định số 154-2021/QĐ-GAC ngày 13 tháng 1 năm 2021 của Chủ tịch HĐQT, Công ty đã thực hiện mua lại 6.500 cổ phiếu được phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của người lao động đã nghỉ việc với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07A/2021/NQ-GAC ngày 20 tháng 5 năm 2021, ĐHĐCĐ đã thông qua quyết định giảm 65.000.000 đồng vốn điều lệ tương ứng với 6.500 cổ phiếu đã thực hiện mua lại. Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện bán 285.000 cổ phiếu quỹ đã mua lại trong năm 2020 theo Quyết định của HĐQT số 96-2021/QĐ-GAC ngày 14 tháng 9 năm 2021. Thặng dư vốn cổ phần thu được từ việc bán cổ phiếu quỹ là 10.832.823.647 đồng.

4. Lĩnh vực tài chính

4.1 Hoạt động tài chính

Trong năm 2021, Tập Đoàn có sự thay đổi chiến lược thông qua việc đẩy mạnh hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư. Việc chuyển đổi chiến lược này đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua và được cụ thể hóa bằng những hoạt động như thường xuyên tìm kiếm các cơ hội đầu tư hiệu quả, an toàn và cộng hưởng với ngành nghề kinh doanh cốt lõi; thực hiện nghiên cứu, phân tích, đánh giá, thẩm định, đàm phán và tiến hành các hoạt động đầu tư và M&A. Bên cạnh đó, Tập Đoàn tiếp tục tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn thông qua việc thực hiện chiến lược vừa gửi tiết kiệm có thời hạn dài với lãi suất tốt vừa vay vốn lưu động với thời hạn ngắn và lãi suất thấp nhằm tận dụng chênh lệch lãi suất do chênh lệch kỳ hạn. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính đã có sự tăng trưởng mạnh, đóng góp phần quan trọng trong cơ cấu lợi nhuận của Tập Đoàn và trở thành một trong hai "cỗ máy" quan trọng tạo ra lợi nhuận cho Tập Đoàn. Các khoản đầu tư tiêu biểu trong năm 2021 và Quý 1 năm 2022 bao gồm:

Mua 12,97% cổ phần với giá trị đầu tư là 119.200.000.000 đồng và trở thành cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bất Động Sản Thắng Lợi.	Mua 30% cổ phần với giá trị đầu tư là 394 tỷ đồng và trở thành cổ đông chiến lược của Công ty CP Bất Động Sản Central Hill ("Central Hill"), đồng thời Central Hill trở thành công ty liên kết của Tập Đoàn.	Đầu tư 285.052.830.311 đồng vào dự án NovaWorld Phan Thiết.	Ủy thác cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp với giá trị ủy thác là 156.017.700.000 đồng.

Trong giai đoạn 2022 đến 2025, Tập Đoàn tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư để gia tăng hiệu quả sử dụng vốn.

- Doanh thu tài chính của Tập Đoàn đạt 154 tỷ đồng, tăng 40,4% so với năm 2020 và đạt 114,4% kế hoạch năm 2021.
- Lợi nhuận tài chính của Tập Đoàn đạt 129,8 tỷ đồng, tăng 42,4% so với năm 2020 và đạt 121,7% kế hoạch năm 2021.

Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng CAGR của doanh thu tài chính và lợi nhuận tài chính trong giai đoạn 2017-2021 lần lượt đạt 51,6% và 58,9%.

Trong giai đoạn 2022 đến 2025, Tập Đoàn tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư để gia tăng hiệu quả sử dụng vốn và có tác động hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh cốt lõi của Tập Đoàn.

4.2 Hạn mức/vay các ngân hàng của Tập Đoàn tại thời điểm ngày 31/03/2022 như sau:

Tổng hạn mức khả dụng được ĐHĐCĐ phê duyệt tại các ngân hàng: 2.365,8 tỷ. Trong đó: Tổng hạn mức được dùng ở các ngân hàng: 2.060,8 tỷ. Đã dùng: 948,9 tỷ. Cụ thể:

- Hạn mức vay khả dụng: **1.431,3 TỶ**. Đã dùng: **782,6 TỶ.**
- Bảo lãnh/LC khả dụng: **570,9 TỶ**. Đã dùng: **166,3 TỶ**.

III - Đầu tư và Đầu tư vào Công ty con

1. Đầu tư vào Công ty con:

Đến ngày 31/03/2022, An Cường sở hữu 100% vốn tại 02 công ty con là

- Công ty TNHH Malloca Việt Nam với vốn Điều lệ thực góp là 120 tỷ đồng
- Công ty TNHH Sản Xuất Gỗ An Cường với vốn Điều lệ thực góp là 796,6 tỷ đồng.

Đến ngày 31/03/2022, Công ty TNHH Malloca Việt Nam có 1 công ty con là Công ty TNHH AConcept Việt Nam với vốn điều lệ là 30 tỷ đồng. Công ty TNHH Malloca Việt Nam sở hữu 100% vốn tại Công ty TNHH AConcept Việt Nam.

2. Đầu tư vào công ty liên kết

Đến ngày 31/03/2022, An Cường sở hữu 30% vốn tại Công ty Cổ phần BĐS Central Hill. Vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần BĐS Central Hill là 1.040 tỷ đồng.

3. Tình hình thực hiện giải ngân theo cam kết với nhà đầu tư trong năm 2021

Trong năm 2019, Công ty đã phát hành 5.622.014 cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược là Sumitomo Forestry (Singapore) Ltd. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 638,7 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện bổ sung vốn lưu động là 258,7 tỷ đồng trong năm 2019 đúng như cam kết. Đến nay số tiền còn lại là 380 tỷ đồng với mục đích ban đầu là đầu tư vào TSCĐ vẫn đang được gửi ngân hàng để chờ thời điểm giải ngân thích hợp hơn.

4. Tình hình giải ngân đầu tư theo ngân sách đã được ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Hạng Mục Đầu Tư	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Số tồn chưa thực hiện
1	Vốn đầu tư bổ sung và tái đầu tư các nhà máy	40,0	14,3	25,7
	Tổng cộng	**40,0**	**14,3**	**25,7**

(Nguồn: ACG)

IV - Nhân sự và Thù lao HĐQT

2.1 Quỹ thù lao HĐQT và Ban Kiểm Soát (BKS)

HĐQT Công ty gồm có 7 thành viên và giữ ổn định trong cả năm 2021.

Các thành viên HĐQT hoạt động tích cực và hiệu quả. Theo đó, các thành viên HĐQT tham gia tất cả 13/13 cuộc họp (tỷ lệ tham gia là 100%) và việc biểu quyết thông qua các nội dung họp luôn đạt tỷ lệ 100%.

Trong năm 2021, HĐQT và BKS không lập ngân sách thù lao, không nhận thù lao và thưởng. Toàn bộ ngân sách và thưởng ưu tiên dành cho công tác phòng chống dịch, hỗ trợ cho cán bộ nhân viên (CBNV) nhằm ghi nhận đóng góp và gắn bó của CBNV đối với sự phát triển của Tập Đoàn.

PHẦN B - KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

I- Kế hoạch SXKD năm 2022

1. Kế hoạch SXKD năm 2022 của các Công ty trong Tập đoàn:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	% tăng trưởng KH 2022 So với TH 2021
Doanh thu	3.293,5	4.242,0	28,8%
Lợi nhuận sau thuế	451,3	550,1	21,9%

2. Cổ tức và trích. lập các quỹ

2.1 Cổ tức

Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022: Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức tối thiểu là 20% bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phiếu. Nguồn chi trả cổ tức trích từ thặng dư vốn và/hoặc lợi nhuận chưa phân phối trên Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán.

2.2 Trích lập các quỹ

Kế hoạch trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ hoạt động thiện nguyện từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: trích 5% lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo Tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2021 trừ đi lợi nhuận sau thuế theo báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2021, tương đương 10.690.183.868 đồng.

Quỹ đầu tư phát triển: Không trích.

Chuyển toàn bộ số dư Quỹ đầu tư phát triển của Công ty mẹ tương đương số tiền 21.397.458.939 đồng sang Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Hoạt động thiện nguyện: trích 5 tỷ đồng cho hoạt động thiện nguyện.

3. Quỹ thù lao HĐQT và BKS:

HĐQT và BKS tự nguyện không nhận thù lao năm 2022.

4.Hoạt động tài chính

a) Tiếp tục thực hiện chiến lược tài chính sáng tạo nhằm tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

b) Tiếp tục tìm kiếm, đánh giá và tham gia đầu tư trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm hoặc các sản phẩm tài chính khác nhằm gia tăng hiệu quả của nguồn vốn nhàn rỗi.

c) Tiếp tục tìm kiếm cơ hội thực hiện M&A các doanh nghiệp cùng ngành hoặc có mối liên hệ với ngành để nhanh chóng mở rộng hoạt động, chiếm lĩnh thị trường và sử dụng hiệu quả nguồn vốn.

d) Đối với hạn mức tín dụng:

Nâng tổng hạn mức tín dụng của Tập Đoàn lên mức 2.810 tỷ đồng. Tổng hạn mức và chi tiết hạn mức tại từng ngân hàng sẽ được trình bày trong Tờ trình trình ĐHĐCĐ thông qua.

5. Kế hoạch nhân sự của toàn Tập Đoàn trong năm 2022

ĐVT: người

Số lượng nhân sự	Số liệu lao động tại ngày 01/01/2022	Số liệu lao động tại ngày 31/12/2022	Tăng/(Giảm)	Ghi Chú
Tổng cộng	2.835	3.163	328	

PHẦN B - KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

II - Kế hoạch đầu tư tài sản cố định trong năm 2022

1. Các dự án và khoản mục đầu tư bằng vốn của Tập Đoàn:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Hạng Mục Đầu Tư	Ngân sách Năm 2022	Tăng trong năm 2022
1	Vốn đầu tư bổ sung và tái đầu tư các nhà máy	40,0	40,0
	Tổng cộng	**40,0**	**40,0**

2. Các dự án đầu tư bằng vốn của Công ty con: Không có

III - Phương án kinh doanh trong năm 2022

01 ***Kiên định đối với hoạt động kinh doanh cốt lõi.***

Tập trung nguồn lực tài chính, nhân lực để phát triển ngành kinh doanh chính và hệ sinh thái gắn liền với ngành kinh doanh chính.

02 ***Đẩy mạnh hoạt động đầu tư và M&A***

Theo hướng thận trọng, an toàn nhằm hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh cốt lõi và gia tăng hiệu quả sử dụng vốn.

03 ***Triển khai Dự án "Tái cấu trúc lần 2" của Tập Đoàn.***

Làm việc chặt chẽ với nhà tư vấn quốc tế để triển khai thành công Dự án từ đó đưa Tập Đoàn bước vào giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững tiếp theo.

04 ***Tiếp tục chiếm lĩnh thị phần nội địa trong lĩnh vực gỗ và vật liệu gỗ công nghiệp ở phân khúc cao và trung cao cấp.***

05 ***Nghiệm thu "Dự án cải tiến quy trình hoạt động" của Tập Đoàn.***

Ban hành, triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện quy trình trên phạm vi Tập Đoàn. Tiếp tục cải tiến và số hóa quy trình để nâng cao hiệu quả hoạt động, tiết giảm chi phí và gia tăng tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

CẢI TIẾN CÔNG NGHỆ & HOẠT ĐỘNG

CẢI TIẾN HOẠT ĐỘNG

TỐI ƯU HOÁ CHI PHÍ SẢN XUẤT

Tăng cường tự động hoá sản xuất
Quy trình tự động hoá giúp giảm nhân công và các chi phí vận hành khác, nâng cao hiệu quả sản xuất

TUỲ BIẾN SẢN PHẨM

Nhờ khả năng sản xuất hàng đầu cùng công cụ thiết kế tối ưu giúp Công ty triển khai được việc sản xuất tùy biến sản phẩm với số lượng lớn (mass customization), giúp công ty đẩy mạnh được khối lượng tiêu thụ và đa dạng hoá nguồn doanh thu

THIẾT KẾ & TỐI ƯU HOÁ SẢN PHẨM

Tiếp tục giảm các sản phẩm có giá trị gia tăng thấp, tăng cường tập trung vào các sản phẩm có biên lợi nhuận cao hơn
Cập nhật xu hướng thiết kế và công nghệ mới từ các thị trường phát triển để đưa ra các sản phẩm mới có biên lợi nhuận cao

CẢI TIẾN CÔNG NGHỆ

TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN AC SUPER APP

Người dùng có thể truy cập vào tất cả thư viện sản phẩm của An Cường

Mua trực tiếp sản phẩm thông qua ứng dụng một cách dễ dàng

NÂNG CẤP HỆ THỐNG CRM

Hệ thống CRM được nâng cấp với sự tích hợp của DVKH và QLDA

Tận dụng dữ liệu khách hàng để có thông tin chi tiết và tối ưu hoá quy trình sản xuất

NÂNG CẤP CHỨC NĂNG BACK-OFFICE

Các sáng kiến tự động hoá và đồng bộ hoá quy trình hoạt động và dữ liệu cho phép nhân viên tập trung thực hiện công việc có giá trị hơn

06 *Cơ bản hoàn tất việc chuyển đổi số trong năm 2022*

Tăng cường quản lý bằng hệ thống và công nghệ; tối ưu hóa việc sử dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện có và bổ sung các chức năng mới nhằm cắt giảm các khoản chi phí trung gian và hao phí không cần thiết.

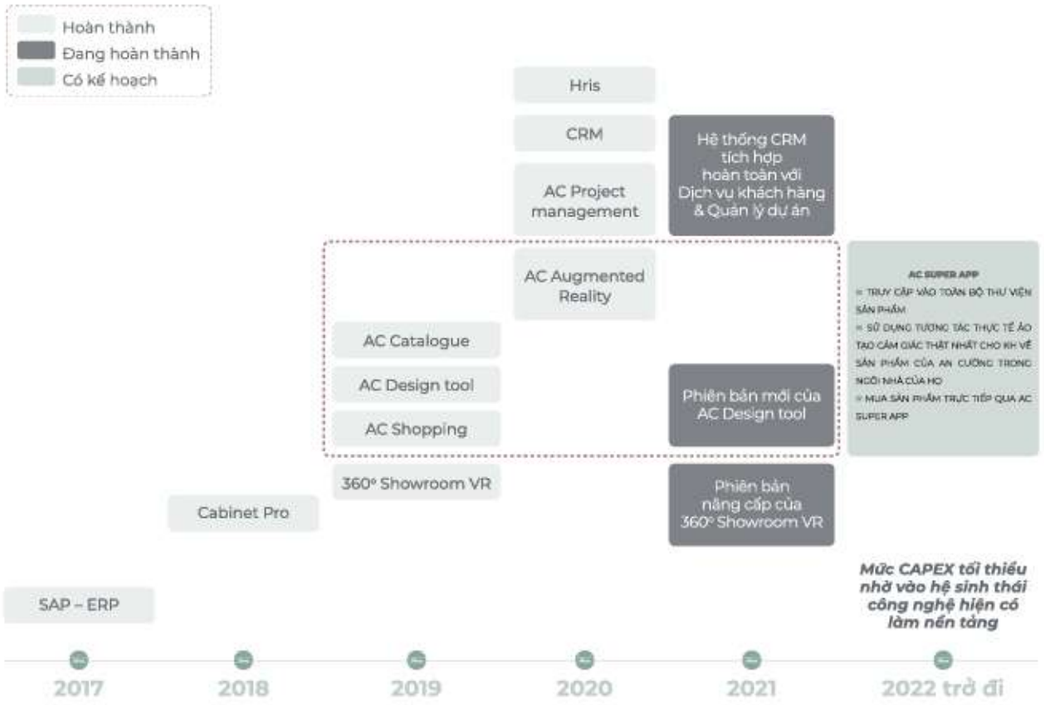

07 *Không ngừng nâng cao uy tín và hình ảnh của Tập Đoàn, chất lượng sản phẩm và dịch vụ*

Các vấn đề này cần tiếp tục thực hiện qua việc đảm bảo sự "Khớp" về quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm, tiến độ công việc và các chính sách bảo hành, chăm sóc khách hàng...

08 *Tiếp tục đẩy mạnh công tác R&D*

Duy trì vị thế dẫn đầu và tạo trend thông qua các bộ sưu tập.

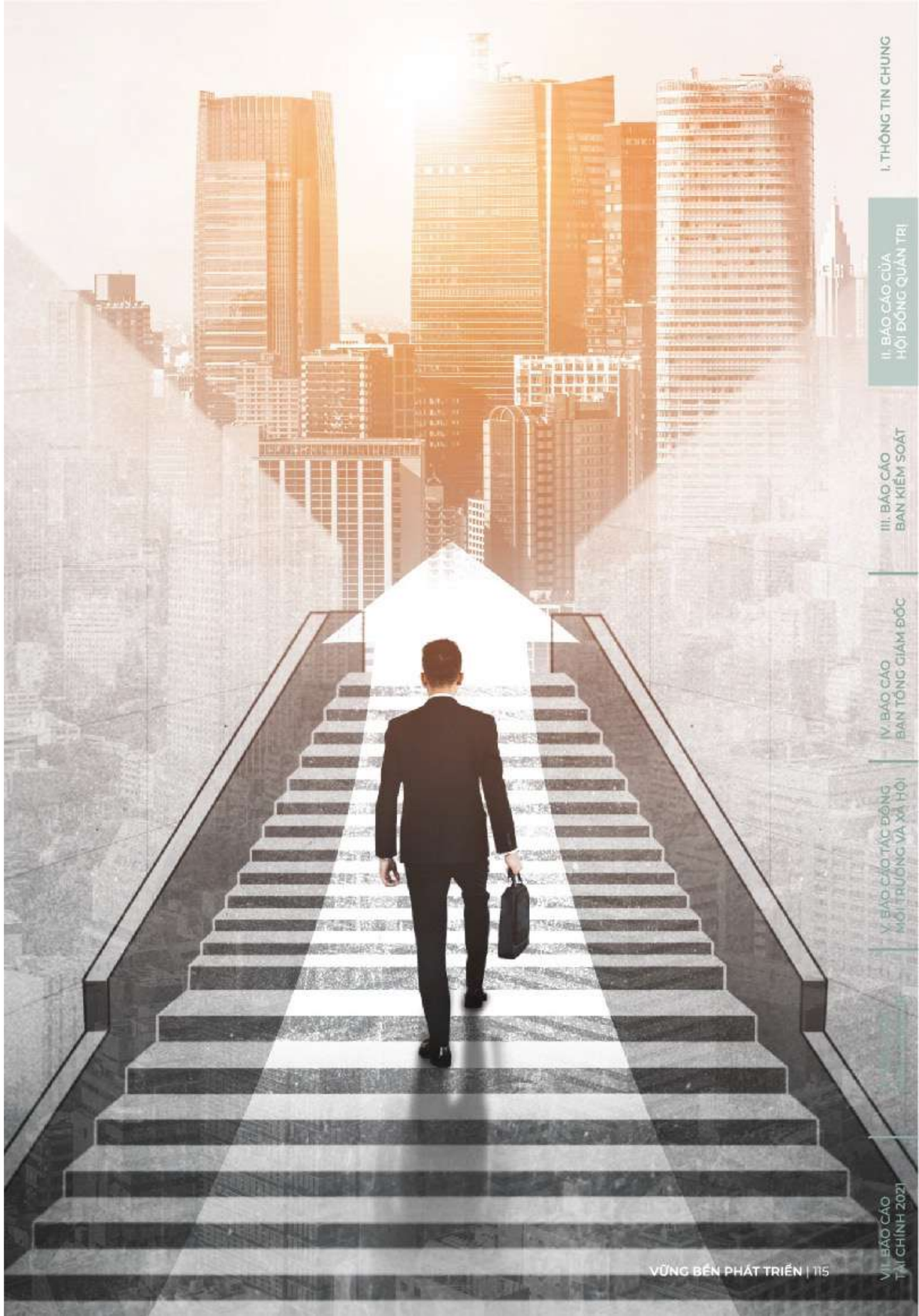

III. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Bình Dương, ngày 20 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) Công ty Cổ phần Gỗ An Cường.

- Căn cứ Luật Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Gỗ An Cường.
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 07-2021/NQ-GAC đã được ĐHĐCĐ Công ty mẹ thông qua ngày 20/05/2021.
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty cổ phần gỗ An Cường trong năm tài chính 2021.

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo ĐHĐCĐ kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty Cổ phần Gỗ An Cường ("Công ty" hoặc "Tập Đoàn") trong năm 2021 như sau:

I/ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Trong năm 2021, BKS đã tiến hành 2 cuộc họp với tỷ lệ các thành viên tham gia dự họp là 100% và tỷ lệ biểu quyết thông qua các nội dung họp là 100%.

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
01	Bà/Ms. Trần Thị Ngọc Tuệ	2/2	100%	100%
02	Bà/Ms. Trần Thị Kim Anh	2/2	100%	100%
03	Bà/Ms. Mai Thị Phương Thảo	2/2	100%	100%

- BKS đã lập kế hoạch kiểm soát định kỳ hàng năm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và đánh giá kết quả hoạt động.

- Tham dự một số phiên họp của Hội đồng Quản trị (HĐQT), tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp.

- Thực hiện việc giám sát đối với HĐQT, BTGĐ trong việc quản lý, điều hành Công ty đúng với các quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trong việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua. Làm việc trực tiếp với BTGĐ và quản lý các cấp để nắm được tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát thông qua kênh thảo luận và làm việc với Kiểm toán độc lập. Thẩm định Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, tình hình kinh doanh, sổ sách kế toán và tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực hợp lý của số liệu tài chính.
- Xem xét việc tuân thủ, chấp hành các quy định về đảm bảo an toàn trong kinh doanh, phân tích các kế hoạch và các rủi ro tiềm ẩn trong môi trường kinh doanh.

- Xem xét việc tuân thủ, chấp hành các quy định về đảm bảo an toàn trong kinh doanh, phân tích các kế hoạch và các rủi ro tiềm ẩn trong môi trường kinh doanh.

II/ KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT, BĐH

1. Thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2021:

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh chính và truyền thống là sản xuất và kinh doanh gỗ công nghiệp, đồ nội thất và phụ kiện ngành nội thất.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021, Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty mẹ và của từng công ty con đều được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam). Tất cả các Báo cáo nói trên đều được PwC cho ý kiến chấp nhận toàn phần.

1.1 Kết quả thực hiện SXKD hợp nhất năm 2021 của Tập Đoàn:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước	
				2020 so với 2019	2021 so với 2020
Tổng tài sản	4.179,4	4.453,1	4.982,9	6,5%	11,9%
Vốn chủ sở hữu	3.370,7	3.516,7	3.776,8	4,3%	7,4%
Doanh thu thuần	4.434,6	3.753,6	3.293,5	-15,4%	-12,3%
Lợi nhuận từ HĐKD	549,5	559,0	541,9	1,7%	-3,1%
Lợi nhuận trước thuế	554,5	561,7	546,4	1,3%	-2,7%
Lợi nhuận sau thuế	486,4	492,0	451,3	1,1%	-8,3%

Đoàn đạt 3.293,5 tỷ đồng (giảm 12,3% so với năm 2020 và đạt 67,6% kế hoạch năm 2021). Nhờ vào việc chủ động cắt giảm chi phí và tập trung vào các đơn hàng có biên lợi nhuận tốt, Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tập Đoàn đạt 451,3 tỷ đồng (giảm 8,3% so với năm 2020 và đạt 81,9% kế hoạch năm cả năm 2021). Với diễn biến phức tạp của dịch bệnh và các trở ngại về pháp lý nói chung của ngành bất động sản (nhất là phân khúc căn hộ) trong cả năm 2021, mặc dù Tập Đoàn không đạt kế hoạch ĐHĐCĐ đã đề ra, với kết quả thực tế đạt được là rất khả quan và thể hiện sự quyết tâm, cố gắng vượt bậc của toàn thể lãnh đạo và CBNV của Tập Đoàn.

1.2 Lĩnh vực tài chính

Hoạt động tài chính

Trong năm 2021, hoạt động tài chính của Tập Đoàn chủ yếu là quản trị tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng có uy tín. Tập Đoàn tiếp tục thực hiện chiến lược vừa gửi tiết kiệm có thời hạn dài với lãi suất tốt vừa vay vốn lưu động thời hạn ngắn với lãi suất thấp hơn nhằm tận dụng chênh lệch lãi suất do chênh lệch kỳ hạn.

Bên cạnh đó, Tập Đoàn đã đẩy mạnh hoạt động đầu tư, với một số khoản đầu tư như sau:

- Mua 12,97% cổ phần với giá trị đầu tư là 119.200.000.000 đồng và trở thành cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bất Động Sản Thắng Lợi.

- Mua 30% cổ phần với giá trị đầu tư là 394 tỷ đồng và trở thành cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Bất Động Sản Central Hill, đồng thời Công ty Cổ phần Bất Động Sản Central Hill trở thành công ty liên kết của Tập Đoàn.

- Đầu tư 285.052.830.311 đồng vào dự án NovaWorld Phan Thiết.

- Ủy thác cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp với giá trị ủy thác là 156.017.700.000 đồng.

Kết quả hoạt động tài chính năm 2021 của Tập Đoàn ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2020, cụ thể:

- Doanh thu tài chính của Tập Đoàn đạt 154 tỷ đồng, tăng 40,4% so với năm 2020 và đạt 114,4% kế hoạch năm 2021.

- Lợi nhuận tài chính của Tập Đoàn đạt 129,8 tỷ đồng, tăng 42,4% so với năm 2020 và đạt 121,7% kế hoạch năm 2021.

1.3 Tình hình giải ngân đầu tư theo ngân sách đã được ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua:

Stt	Hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Số tồn chưa thực hiện 31/12/2021
01	Vốn đầu tư bổ sung và tái đầu tư các nhà máy.	40,0	14,3	25,7
	Tổng cộng	**40,0**	**14,3**	**25,7**

1.4 Cổ tức

Trong năm 2021, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 12% mệnh giá cổ phần, tương ứng mỗi cổ phần nhận được 1.200 đồng.

Trong quý 1 năm 2022, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2021 với tỷ lệ 5% mệnh giá cổ phần, tương ứng mỗi cổ phần nhận được 500 đồng.

Trong tháng 4 năm 2022, Công ty mẹ đã thực hiện chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 2:1 (cổ đông nắm giữ hai cổ phiếu được nhận một cổ phiếu phát hành mới).

1.5 Trích lập các quỹ

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 07-2021/NQ-GAC ngày 20 tháng 5 năm 2021 và Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 số 12-2021/NQ-GAC ngày 22 tháng 11 năm 2021, Công ty mẹ đã trích lập các quỹ như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: trích 03% lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo Tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét của Tập đoàn, tương đương 36.472.674.044 đồng.

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: trích 05% lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo Tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét của Tập đoàn, tương đương 21.883.604.426 đồng.

Trong năm 2021, ĐHĐCĐ đã phê chuẩn việc chuyển một phần Quỹ đầu tư phát triển sang quỹ khen thưởng, phúc lợi để chi trả cho các chi phí liên quan đến phòng chống dịch COVID-19 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 số 12-2021/NQ-GAC ngày 22 tháng 11 năm 2021 với số tiền là 39.590.000.000 đồng.

- Hoạt động thiện nguyện: trích 5.000.000.000 đồng cho hoạt động thiện nguyện.

1.6 Tình hình tăng giảm vốn

- Trong năm 2021, theo Quyết định số 154-2021/QĐ-GAC ngày 13 tháng 1 năm 2021 của Chủ tịch HĐQT, Công ty đã thực hiện mua lại 6.500 cổ phiếu ESOP của người lao động với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07A/2021/NQ-GAC ngày 20 tháng 5 năm 2021, ĐHĐCĐ đã thông qua quyết định giảm 65.000.000 đồng vốn điều lệ tương ứng với 6.500 cổ phiếu đã thực hiện mua lại từ người lao động.

- Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện bán 285.000 cổ phiếu quỹ đã mua lại trong năm 2020 theo Quyết định của HĐQT số 96-2021/QĐ-GAC ngày 14 tháng 9 năm 2021. Thặng dư vốn cổ phần thu được từ việc bán cổ phiếu quỹ là 10.832.823.647 đồng.

1.7 Tình hình nhân sự trong năm 2021.

Số lượng nhân sự toàn Tập Đoàn tại ngày 31/12/2021 là 2.835 nhân sự, giảm 199 nhân sự so với

ngày 01/01/2021 và thấp hơn 365 nhân sự so với kế hoạch nhân sự đã được ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua.

Số lượng nhân sự	Kế hoạch số lượng lao động tại ngày 31/12/2021	Số lượng lao động thực tế tại ngày 31/12/2021	Tăng (giảm) so với kế hoạch	Ghi chú
Tổng cộng	**3.200**	**2.835**	**(365)**	

1.8 Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và cải tiến quy trình làm việc:

- Trong năm 2021, Tập Đoàn đã xem xét lại tất cả các quy trình từ đó cập nhật, cải tiến quy trình để phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và cải tiến quy trình làm việc đã đem lại nhiều lợi ích trong công tác quản lý và kiểm soát, chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, nâng cao được hiệu suất công việc...

- Ngoài ra, Tập Đoàn đã áp dụng thành công và tiếp tục tối ưu hóa phần mềm SAP-ERP, hoàn tất triển khai phần mềm PMS về quản lý dự án, CRM phục vụ cho hoạt động bán hàng, phần mềm quản lý nhân sự (HRIS), ứng dụng phầm mềm CMC số hóa quy trình và các ứng dụng khác hỗ trợ trong công việc hàng ngày và công tác bán hàng như quét barcode/mã vạch cho hàng hóa, thành phẩm, bán thành phẩm từng công đoạn và chứng từ giao nhận; sử dụng App bán hàng trên thiết bị di động; Web PO đặt hàng và theo dõi hàng online...

2. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và BTGĐ

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản tri, điều hành của HĐQT, BTGĐ trong cả năm 2021, BKS nhận thấy các hoạt động của HĐQT, BTGĐ và Công ty đều tuân thủ các quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lê Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan.

HĐQT thường xuyên giám sát BTGĐ thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2021, giám sát công tác hoạt động điều hành của Tổng Giám Đốc, giám sát công tác quản lý, tái cơ cấu tổ chức/sắp xếp lại hoạt động để đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty và các công ty con được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và theo đúng định hướng theo Nghị Quyết của ĐHĐCĐ.

Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc đã nỗ lực trong chỉ đạo, triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư với tinh thần trách nhiệm cao vì lợi ích hợp pháp của Công ty và Cổ đông. BTGĐ thường xuyên tổ chức các cuộc họp trực tiếp hoặc trực tuyến ("conference call"), căn cứ trên nghi quyết, quyết định của HĐQT để triển khai nhiệm vụ, đưa ra các quyết sách kịp thời, phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

III/ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HĐQT, BTGĐ, CỔ ĐÔNG

- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT, BTGĐ của Công ty được thực hiện chặt chẽ trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau và bám sát các Nghị Quyết của ĐHĐCĐ.

- BKS luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, thành viên BTGĐ, các cán bộ quản lý liên quan trong phạm vi thực hiện chức năng giám sát của mình.

- BTGĐ luôn tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời các yêu cầu về thông tin phục vụ yêu cầu giám sát của BKS. BKS được cung cấp các văn bản, tài liệu cần thiết trong quá trình chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, BTGĐ.

- Trong công tác quản lý, các quy trình, quy chế thường xuyên được rà soát, điều chỉnh và cải tiến. Công tác phát triển nguồn nhân lực được thực hiện tốt góp phần giảm thiểu rủi ro hoạt động và nâng cao năng suất lao động.

IV/ KẾT LUẬN

Thông qua hoạt động kiểm soát năm 2021, BKS đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo an toàn, tuân thủ pháp luật, đúng định hướng theo Nghi quyết ĐHĐCĐ và đạt hiệu quả cao. HĐQT có tầm nhìn, đề ra chiến lược linh động, sáng tạo và quyết liệt chỉ đạo BTGĐ và toàn thể CBCNV trong công ty nỗ lực không ngừng đưa công ty vượt qua khó khăn, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

IV. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH (SXKD)

1. Kết quả hợp nhất năm 2021 của Tập Đoàn

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước	
				2020 so với 2019	2021 so với 2020
Tổng tài sản	4.179,4	4.453,1	4.982,9	6,5%	11,9%
Vốn chủ sở hữu	3.370,7	3.516,7	3.776,8	4,3%	7,4%
Doanh thu thuần	4.434,6	3.753,6	3.293,5	-15,4%	-12,3%
Lợi nhuận từ HĐKD	549,5	559,0	541,9	1,7%	-3,1%
Lợi nhuận trước thuế	554,5	561,7	546,4	1,3%	-2,7%
Lợi nhuận sau thuế	486,4	492,0	451,3	1,1%	-8,3%

(Nguồn: ACG)

2. Thuyết minh kết quả SXKD năm 2021

'Tập Đoàn đã vượt qua một năm 2021 đầy biến động với nhiều cung bậc cảm xúc. Đó là những bất an trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh; là những lo lắng về sức khỏe của toàn thể CBNV và gia đình; là sự lo toan về việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó; là những đêm thao thức vạch ra kế hoạch và hành động kịp thời ứng phó với diễn biến của tình hình; là sự mạnh mẽ, dũng cảm, đoàn kết vượt qua những khó khăn để đảm bảo duy trì hoạt động và sức khỏe của CBNV; là những sẻ chia, đồng cảm với sự mất mát của CBNV, gia đình và cộng đồng. Những khó khăn đó càng khẳng định và là minh chứng cho sự hiệu quả, kiên quyết của Ban lãnh đạo và của toàn thể CBNV "Người An Cường" gắn "Khắp" với nhau cùng đồng cam cộng khổ vượt qua khó khăn và cùng tiến về phía trước trong điều kiện bình thường mới'.

Trong năm 2021, Tập Đoàn tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh vật liệu, giải pháp và nội thất làm bằng gỗ công nghiệp với sự chuyển hướng rõ ràng trong việc gia tăng tỷ trọng trên doanh thu của mảng vật liệu và giải pháp (chiếm 63% tổng doanh thu) và gia tăng tỷ trọng xuất khẩu, chủ yếu là vào thị trường Mỹ (chiếm hơn 15% tổng doanh thu, tăng gấp gần 2 lần so với năm 2018). Bên cạnh đó, Tập Đoàn đẩy mạnh hoạt động đầu tư để gia tăng hiệu quả sử dụng vốn và tạo ra được sự hỗ trợ mạnh mẽ đến hoạt động kinh doanh cốt lõi trong dài hạn.

Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh và việc ngành bất động sản thiếu hụt nguồn cung mới, Tập Đoàn đã có sự chủ động trong việc phòng chống dịch và linh hoạt trong việc tổ chức kinh doanh. Theo đó, Tập Đoàn chủ động tiếp tục đánh giá sức khỏe tài chính của khách hàng, nhất là khách hàng dự án từ đó để ra ứng xử phù hợp. Tập Đoàn đã chủ động không tham gia vào các dự án/đơn hàng có biên lợi nhuận thấp hoặc khả năng thu hồi công nợ thấp để tập trung cho các khách hàng/đơn hàng có biên lợi nhuận và khả năng thanh toán tốt.

Tính chung cả năm 2021, Doanh thu hợp nhất của Tập Đoàn đạt 3.293,5 tỷ đồng (giảm 12,3% so với năm 2020 và đạt 67,6% kế hoạch năm 2021). Nhờ vào việc chủ động cắt giảm chi phí và tập trung vào các đơn hàng có biên lợi nhuận tốt, Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tập Đoàn đạt 451 tỷ đồng (chỉ giảm 8.3% so với năm 2020 và đạt 81,9% kế hoạch cả năm 2021).

Đây là kết quả đáng khích lệ trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp dẫn đến các hoạt động phòng chống dịch nghiêm ngặt đã được các địa phương trên cả nước áp dụng.

Nhờ vào chiến lược và định hướng đúng đắn của HĐQT, BTGĐ và toàn thể CBNV đã có sự chuẩn bị kỹ càng, xây dựng nhiều phương án và phản ứng nhanh nhạy đối với rủi ro sự kiện. Tập Đoàn đã chủ động vượt qua khó khăn, đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động đồng thời vẫn đảm bảo tiến độ sản xuất. Mặc dù doanh thu và lợi nhuận sau thuế không đạt kế hoạch kinh doanh đã đề ra, Tập Đoàn đã thành công trong việc kiểm soát chi phí. Theo đó, các khoản mục chi phí đều được quản trị tốt, cả biên lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận ròng đều được cải thiện so với cùng kỳ năm trước, lần lượt đạt 27,2% (so với mức 27,1% của năm 2020) và 13,7% (so với mức 13.1% của năm 2020).

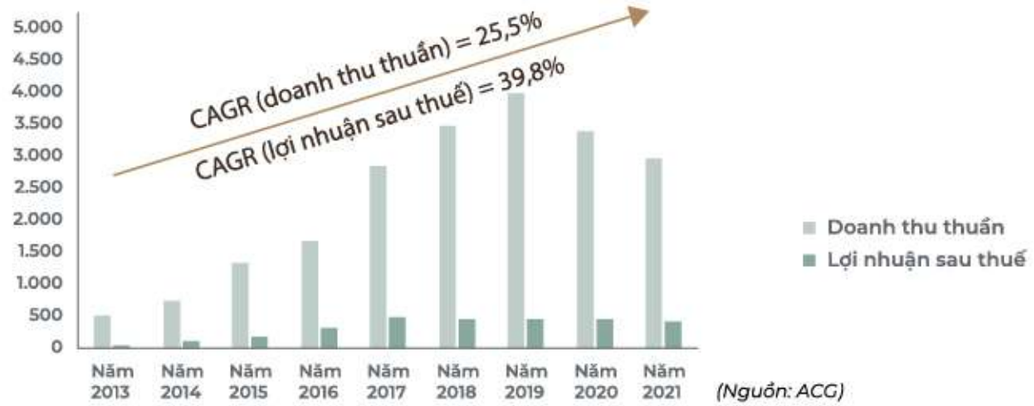

(Nguồn: ACG)

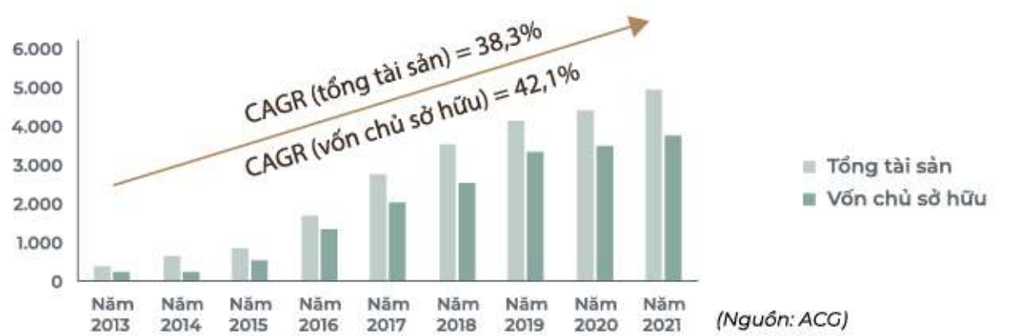

(Nguồn: ACG)

3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020		Năm 2021	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,94	3,86	3,08	3,05
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,97	2,64	2,13	1,90
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,16	0,21	0,18	0,24
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,20	0,27	0,22	0,32
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
- Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,67	0,87	0,53	0,70
- Vòng quay vốn lưu động Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	1,07	1,12	0,90	0,91
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2,91	2,23	2,55	1,91
- Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,67	0,87	0,53	0,70
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	13,84%	13,11%	22,49%	13,70%
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,13%	14,29%	14,52%	12,37%
- Hệ số LNST/ Tổng tài sản bình quân	%	9,25%	11,40%	12,02%	9,57%
- Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	16,14%	14,89%	25,05%	16,45%
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	Đồng		5.633		5.149

(Nguồn: BCTC Công ty mẹ/hợp nhất đã kiểm toán năm 2020, 2021 của ACG)

II. Công tác nhân sự và tiền lương

1. Tình hình lao động năm 2021 của Tập đoàn

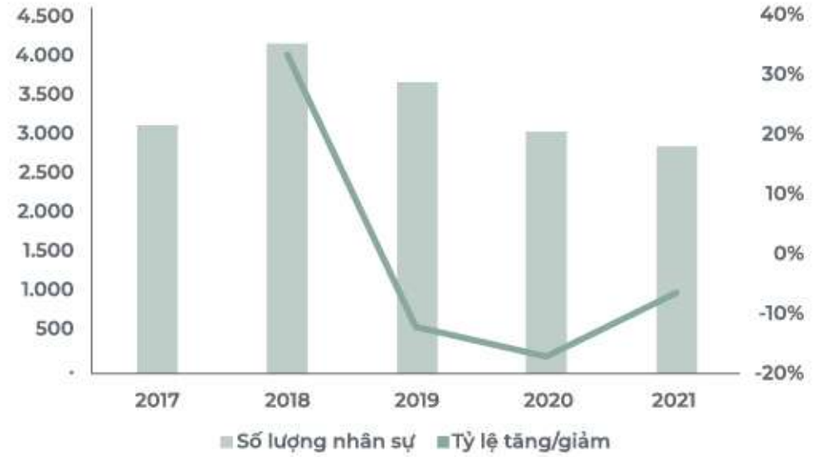

ĐVT: người

Tiếp nối một năm 2020 đầy biến động, trong năm 2021, Tập Đoàn đã xây dựng nhiều kịch bản kinh doanh và QTRR, chủ động đánh giá tình hình một các thường xuyên và có phương án ứng phó thích hợp. Tập Đoàn đã thường xuyên cập nhật lại danh mục sản phẩm và khách hàng/đơn hàng; sắp xếp lại nhân sự ở nhà máy và nhân sự dự án; tối ưu hóa việc mua hàng và quản trị hàng tồn kho; chuẩn hóa quy trình sản xuất nhằm nâng cao năng suất sản xuất; ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) và tối ưu hóa các phần mềm quản lý trong hoạt động sản xuất, điều hành hoạt động và kinh doanh; tiết giảm chi phí và cải thiện biên lợi nhuận...

Số lượng nhân sự toàn Tập Đoàn tại ngày 31/12/2021 là 2.835 nhân sự, giảm 199 nhân sự so với ngày 01/01/2021 và thấp hơn 365 nhân sự so với kế hoạch nhân sự đã được ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua.

Số lượng nhân sự	Kế hoạch số lượng lao động tại ngày 31/12/2021	Số lượng lao động thực tế tại ngày 31/12/2021	Tăng (giảm) so với kế hoạch	Ghi chú
Tổng cộng	**3.200**	**2.835**	**(365)**	

Tập Đoàn xây dựng các chính sách lao động, tuân thủ chặt chẽ và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động. Các nội dung thường xuyên được triển khai và kiểm tra thực hiện bao gồm, nhưng không giới hạn như:

- Đào tạo và kiểm tra về vệ sinh và an toàn lao động;
- Lập phương án phòng cháy chữa cháy và tập huấn định kỳ về phòng cháy chữa cháy;
- Các vị trí xe nâng, bảo trì đều có bằng cấp liên quan để đáp ứng công việc;
- Đo kiểm các yếu tố môi trường lao động định kỳ hằng năm;
- Tuân thủ quy định tuyển dụng người lao động nằm trong độ tuổi lao động theo đúng quy định của Nhà nước;
- Thanh toán lương đúng thời gian định kỳ hằng tháng;
- Người lao động được nghỉ thai sản 6 tháng theo quy định của Nhà nước;
- Người lao động được hưởng trợ cấp nuôi con nhỏ (mức hưởng 100.000 đồng/bé, áp dụng cho cả ba và mẹ có con dưới 72 tháng tuổi);
- Chính sách chống tham nhũng, hối lộ.

2. Công tác đào tạo của Tập đoàn

Trong năm 2021, Tập Đoàn chú trọng đẩy mạnh công tác đào tạo, đặc biệt trong giai đoạn các tỉnh thành trong cả nước hạn chế đi lại để phòng chống dịch bệnh. Các khóa đào tạo được tổ chức cả trực tiếp và trực tuyến với nhiều nội dung đa dạng phục vụ trực tiếp cho nhu cầu công việc. Các nội dung đào tạo cơ bản bao gồm:

2.1 Đào tạo nội bộ

a. Đào tạo nội bộ cho người lao động trong quá trình thử việc (thời gian đào tạo là 1 tháng đối với cấp bậc công nhân và 2 tháng đối với cấp bâc nhân viên). Đối với nhân viên mới, tiếp tục thực hiện đào tạo thông qua công việc thực tế (on-job training) khi cần thiết để bổ sung kiến thức và kỹ năng cho công việc.

b. Đào tạo nội bộ cho NLĐ trước khi được thăng chức hoặc đào tạo trước khi tiếp nhận công việc mới.

Ngoài ra, Tập Đoàn thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo định kỳ như: tập huấn phòng cháy chữa cháy, tập huấn an toàn lao động, tập huấn y tế...

c. Đào tạo ra bên ngoài: Tập Đoàn đã chủ động tổ chức và thực hiện đào tạo cho đội ngũ nhân sự của nhà phân phối, đại lý, khách hàng và sinh viên khoa kiến trúc các trường đại học và cao đẳng trên cả nước

2.2. Đào tạo bên ngoài

Tập Đoàn đã đưa nhân sự tham gia các khóa đào tạo bên ngoài. Tổng chi phí đào tạo trong năm 2021 là 2.948.000.000 đồng (chưa bao gồm VAT).

Các khóa đào tạo tiêu biểu trong năm 2021 bao gồm:

- Tập huấn các nội dung theo yêu cầu của SA, ISO và các nội dung khác theo quy định để được đánh giá và cấp bằng;
- Huấn luyện ATVSLĐ;
- Tư vấn trực tiếp và đào tạo kỹ năng sản xuất liên quan đến sản phẩm gỗ tự nhiên;
- Các khóa đào tạo về quản lý, bán hàng và kỹ năng mềm;
- Hướng dẫn sử dụng, kiểm tra hiệu chuẩn phương tiện đo độ dài;
- Đào tạo lái xe ô tô;
- Đào tạo lái xe nâng;
- Đào tạo nhận thức, đánh giá nội bộ;
- Đào tạo rủi ro về thuế;
- Đào tạo quy tắc ứng xử xuất xứ hàng hóa;
- Đào tạo chăm sóc khách hàng và giải quyết khiếu nại;
- Đào tạo liên quan truyền thông tiếp thị;
- Đào tạo, tư vấn quy trình;
- Đào tạo về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Đào tạo vận dụng bộ Luật lao động;
- Đào tạo thực hành 5S.

3. Quỹ lương Tập Đoàn trong năm 2021

3.1 Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

Trong năm 2021, Tập Đoàn đã chi lương và các quyền lợi gộp khác cho các nhân sự quản lý chủ chốt là 20.808.075.386 đồng, giảm 14% so với cùng kỳ năm trước.

3.2 Quỹ lương thưởng của Công ty mẹ và Công ty con năm 2021 như sau:

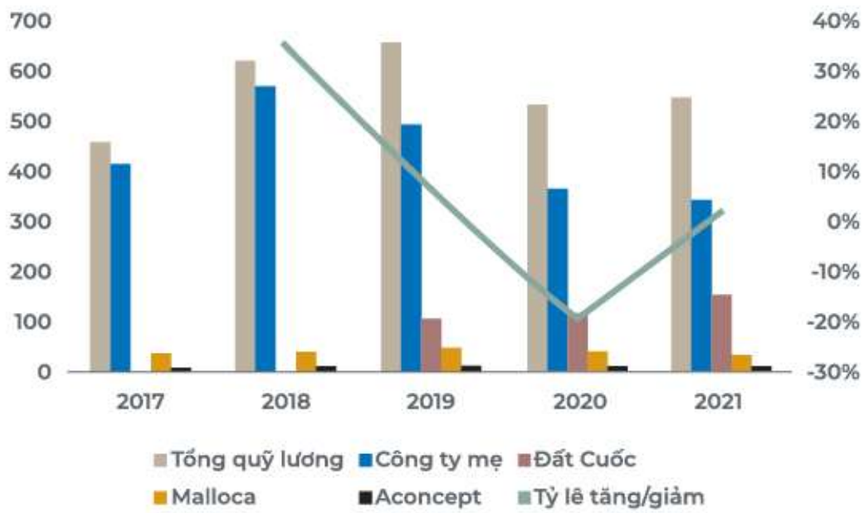

(Nguồn: ACG)

III. Phương án kinh doanh năm 2022

1. Biện pháp cụ thể

Năm 2022, thế giới đứng trước thách thức lớn về dịch bệnh, căng thẳng địa chính trị và suy thoái kinh tế. Hệ quả đi kèm là lạm phát cao, tỷ lệ thất nghiệp cao, thu nhập khả dụng của đa số dân cư giảm sút ảnh hưởng lớn đến sức mua của khách hàng. Bên cạnh đó, thị trường bất động sản trong nước vẫn chưa có tín hiệu khả quan. Tiến độ triển khai xây dựng và/hoặc chào bán của nhiều dự án lớn tiếp tục bị tạm dừng, hoãn liên quan đến các vấn đề pháp lý dự án. Tập Đoàn đối mặt với nhiều thách thức đòi hỏi tính sáng tạo, cẩn trọng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của mình. Với sự định hướng và giao phó của ĐHĐCĐ và HĐQT, BTGĐ cam kết quyết liệt triển khai kế hoạch kinh doanh một cách chỉnh chu, sáng tạo và hiệu quả thông qua việc:

01 Nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua đầu tư vào tự động hóa; ứng dụng CNTT trong sản xuất, điều hành hoạt động và tổ chức kinh doanh theo các chuẩn mực và thông lệ thực hành tốt nhất trong ngành:

- Hiện đại hóa máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất, thu hẹp khoảng cách về công nghệ giữa An Cường với các công ty hàng đầu thế giới cùng ngành.
- Tích hợp công nghệ sâu rộng trong mọi hoạt động. Nâng cao năng lực và ứng dụng CNTT và triển khai các tính năng mới để quản lý thông tin người dùng, tối ưu hóa quy trình sản xuất và ra quyết định.

02 Tập trung vào các sản phẩm có biên lợi nhuận tốt và phân khúc khách hàng hiện tại. Tìm kiếm và hợp tác chặt chẽ với chủ đầu tư, nhà thầu, đơn vị thiết kế và thi công các công trình lớn ở phân khúc truyền thống. Bên cạnh đó, Tập Đoàn kết hợp với đối tác và khách hàng lớn triển khai các dự án nhắm vào phân khúc trung và cao cấp.

03 Đẩy mạnh việc bán chéo sản phẩm giữa các công ty trong Tập Đoàn nhằm tăng sản lượng và doanh số bán hàng, đồng thời tiết giảm chi phí đầu tư cố định. Nhanh chóng mở rộng thị phần và tăng độ nhận diện thương hiệu.

04 Mở rộng kênh bán hàng hiện tại, mở thêm showroom ở những địa điểm phù hợp trên cả nước và kết hợp với các chủ đầu tư để làm nhà mẫu ở ngay dự án/địa bàn kinh doanh.

05 Mở rộng thị trường xuất khẩu trên cơ sở lựa chọn thị trường và khách hàng tốt.

06 Xây dựng và áp dụng chiến lược và chính sách bán hàng hợp lý, khuyến khích và ghi nhận đóng góp của kênh bán hàng, bộ phận bán hàng và bộ phận hỗ trợ.

07 Chú trọng công tác điều hành sản xuất ở các nhà máy, đảm bảo đẩy mạnh được công suất sản xuất, năng cao năng suất sản xuất, vận hành nhà máy một cách có hiệu quả nhằm hưởng lợi từ quy mô kinh tế.

08 Thực hiện kịp thời các sáng kiến tối ưu hóa và/hoặc tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, tăng cường sự gắn bó của người lao động thông qua chính sách lương thưởng và phúc lợi hợp lý.

09 Chủ động nâng cao năng lực quản trị chiến lược, quản trị tài chính và kiểm soát rủi ro trên phạm vi Tập đoàn và ở Công ty con. Tối ưu hóa dòng tiền và việc sử dụng nguồn vốn ở phạm vi Tập Đoàn. Tìm kiếm các nguồn vốn, nắm bắt cơ hội đầu tư và M&A vừa an toàn vừa tăng hiệu quả sử dụng vốn.

10 Tăng mức độ ủy thác trong công việc và nâng cao trách nhiệm của các cấp quản lý trong công tác quản trị. Tổ chức và khuyến khích các cấp quản lý tham gia các khóa đào tạo bên ngoài và đào tạo nội bộ về kỹ năng quản trị, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng huấn luyện, ủy thác công việc và các kỹ năng hỗ trợ khác.

11 Đẩy mạnh hoạt động R&D, giới thiệu đến khách hàng các bộ sưu tập và sản phẩm mới.

12 Đẩy mạnh sản phẩm CabinetPro thông qua kênh chủ đầu tư, nhà thầu, đơn vị thi công thiết kế, đại lý và hướng đến khách hàng cho cả căn hộ cũ và căn hộ xây mới.

HỆ SINH THÁI NỘI THẤT

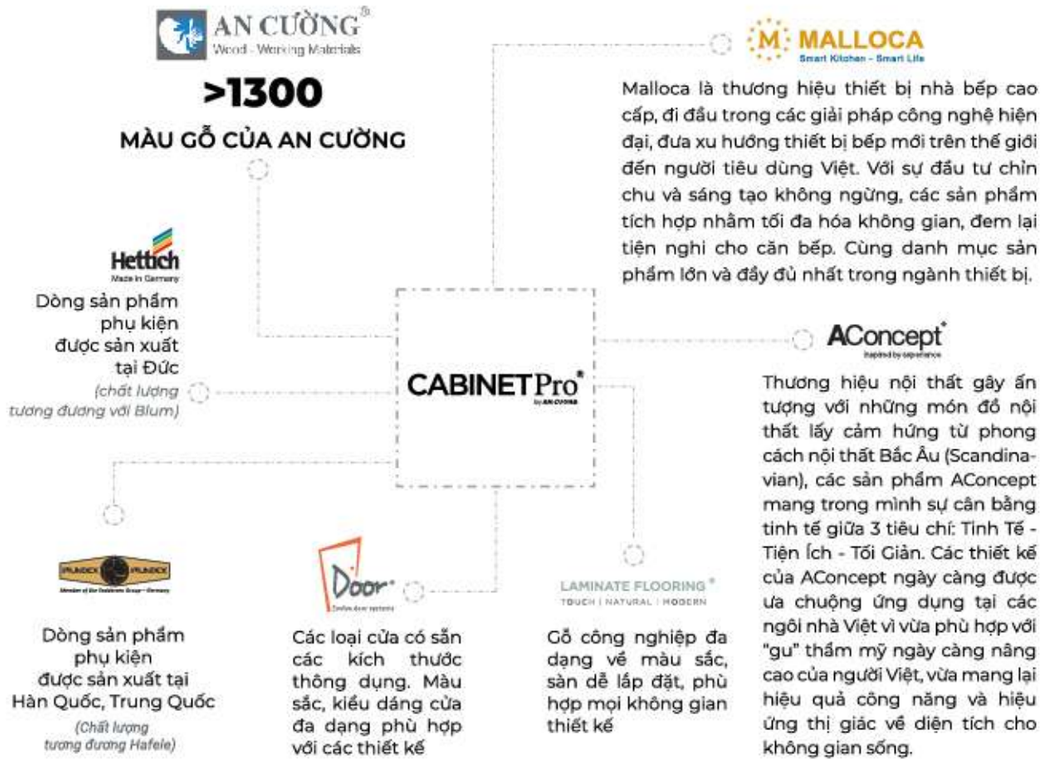

2. Kế hoạch nhân sự của toàn Tập Đoàn trong năm 2022

Số lượng nhân sự	Số liệu lao động tại ngày 01/01/2022	Số liệu lao động tại ngày 01/01/2022	Tăng / (Giảm)	Ghi chú
Tổng cộng	**2.835**	**3.163**	**328**	

V. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

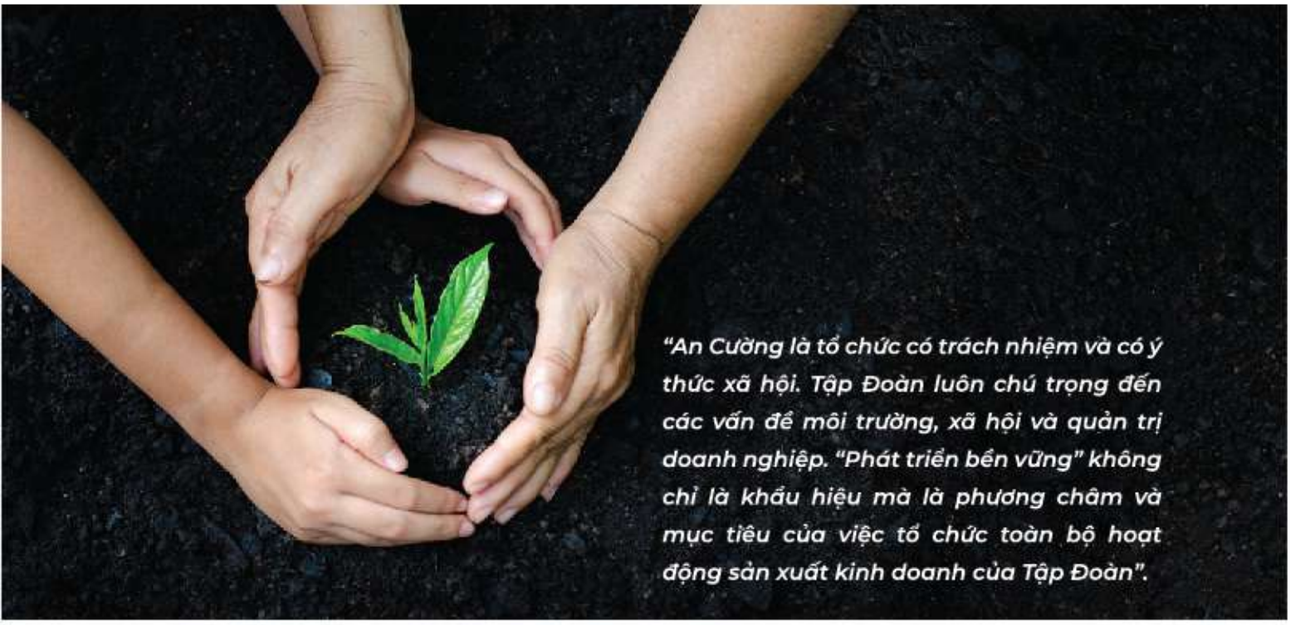

Phát triển bền vững được hiểu là sự phát triển về mọi mặt trong xã hội hiện tại mà vẫn phải bảo đảm sự tiếp tục phát triển trong tương lai xa, Nói cách khác, phát triển bền vững là tấm vé thông hành để đưa doanh nghiệp vừa đạt được khát vọng vươn lên về kinh tế, bền vững về môi trường và góp phần đóng góp vào sự công bằng của xã hội cả ở hiện tại và tương lai.
Trong quá trình phát triển gần 30 năm của mình, Tập Đoàn luôn ý thức trách nhiệm về môi trường và xã hội đi liền với các hành động cụ thể, qua đó thể hiện rõ nét tinh thần này luôn được đề cao và triển khai ở từng đơn vị thuộc Tập Đoàn. Tinh thần này được truyền lửa và lan tỏa đến tất cả CBNV của Tập Đoàn với sự đóng góp cả về vật chất, nhân lực và tinh thần từ đó nhiều hoạt động xã hội thường xuyên được tổ chức để giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn trên cả nước.

6.1 Về môi trường.

Tập đoàn luôn chú trọng vấn đề môi trường, luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về môi trường. Trong các năm qua, Tập Đoàn không bị bất kỳ xử phạt vi phạm nào do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Hàng năm, tập đoàn đều thực hiện cập nhật Báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi đến cơ quan quản lý. Ngoài ra, khi các cổ đông tổ chức quốc tế đầu tư vào An Cường, Tập Đoàn đã có các cam kết nghiêm túc về việc thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững theo thông lệ quốc tế tốt nhất. Trong các năm qua, các cổ đông lớn thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ và thực hiện cam kết của Tạp Đoàn.

Ngoài ra, An Cường là công ty duy nhất trong ngành gỗ Việt Nam đạt được chứng nhận Green Label do Singapore cấp. Đây là giấy chứng nhận danh giá nhất tại khu vực về sản phẩm xanh, sạch, thân thiện và bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, An Cường đạt chứng nhận ISO 14001:2015 về quản lí và bảo vệ môi trường giúp cân bằng với nhu cầu kinh tế xã hội và đạt chứng nhận ISO 9001:2015 về cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phù hợp và tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng hiện hành.

Thu gom và xử lý chất thải, bụi.

Tập Đoàn đầu tư hệ thống hút bụi hiện đại và khép kín đảm bảo môi trường xanh sạch trong nhà máy. Nhà máy của An Cường được đánh giá đạt tiêu chuẩn tổ chức sản xuất của Châu Âu và được đánh giá là "Nhà máy không bụi". Lượng bụi thu gom được thông qua hệ thống hút bụi sẽ được tập trung lại và bán thanh lý cho các đơn vị bên ngoài thu gom về làm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất viên nén... Do đặc trưng của sản phẩm gỗ công nghiệp, phần hao hụt hoặc thải loại của nguyên vật liệu là không lớn, thân thiện môi trường và có thể được tái sử dụng (làm bao bì, tấm lót) hoặc làm nguyên liệu/nhiên liệu đốt.
Đối với chất thải khác, Tập Đoàn cũng tự tổ chức và/hoặc ủy thác cho bên thứ 3 thực hiện việc thu gom, phân loại và xử lý đúng theo quy định.

Tiêu thụ nước.

Tập Đoàn có hai cụm nhà máy đặt tại Bình Dương, cùng với hệ thống kho bãi và showroom ở nhiều tỉnh thành trên cả nước. Về tiêu thụ nước, sản lượng tiêu thụ chủ yếu ở 2 cụm nhà máy, bình quân ở mức 135.234m3/năm. Trong đó, cụm nhà máy cũ chủ yếu là hệ thống tổng kho và cụm nhà máy mới đặt tại Khu công nghiệp (KCN) KSB tập trung máy móc thiết bị sản xuất chính. Do phần lớn nhu cầu sử dụng nước tập trung ở cụm nhà máy mới đặt trong KCN nên nguồn nước và xử lý chất thải của Tập Đoàn được cung cấp bởi Ban quản lý KCN KSB và đáp ứng tiêu chuẩn và hạn mức sử dụng theo quy định của nhà nước và của Ban quản lý KCN. Đối với việc sử dụng và xử lý nước thải ở các diện tích nhà máy và kho bãi nằm ngoài KCN, Tập Đoàn cũng tuân thủ chặt chẽ quy định của từng địa phương.

Tiêu thụ điện.

Sản lượng tiêu thụ bình quân hàng năm ở hai cụm nhà máy của Tập Đoàn ở mức 14.462.881 KWH. Trong các năm qua, Tập Đoàn đã khai thác việc sử dụng năng lượng tái tạo (điện mặt trời máy nhà), qua đó giúp tiết giảm hơn 10% sản lượng tiêu thụ từ điện lưới quốc gia. Ngoài ra, Tập Đoàn cũng cho đối tác thứ 3 thuê lại phần lớn diện tích mái nhà xưởng để lắp đặt và khai thác điện mặt trời. Nguồn thu từ việc cho thuê mái giúp Tập Đoàn giảm được bình quân từ 10-15% tổng chi phí sử dụng điện hàng năm. Ngoài ra, việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà cũng làm cho không gian nhà máy được mát mẻ hơn từ 1-3°C, giúp tiết giảm được việc sử dụng điện năng cho việc làm mát.

Chính sách lao động và phúc lợi

Tập Đoàn xây dựng và thực hiện chính sách lao động rõ ràng và tuân thủ theo Luật Lao Động. Không sử dụng lao động trẻ em hoặc lao động không đủ điều kiện.

Bên cạnh đó, Tập Đoàn ban hành các chính sách phúc lợi rõ ràng và truyền thông đến cho tất cả người lao động trong Tập Đoàn. Ngoài việc đảm bảo mức lương thưởng cao hơn so với mức tối thiểu vùng, thậm chí cao hơn so với các công ty cùng ngành và trong khu vực, trong hai năm 2018 và 2019, Tập Đoàn đã phát hành 2 đợt cổ phần ESOP với khối lượng là 3.042.674 cổ phần với giá trị theo mệnh giá là 30.042.674 đồng theo, áp dụng cho các cá nhân có gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Tập Đoàn.

Tập Đoàn luôn chú trọng đầu tư vào hệ thống máy móc hiện đại, hệ thống PCCC và các trang thiết bị lao động đạt chuẩn để đảm bảo mức độ an toàn lao động cao nhất.

Tập Đoàn luôn tạo điều kiện cho toàn thể CBNV tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động cộng đồng trong phạm vi Tập Đoàn và kết nối với bên ngoài như việc tổ chức "Ngày hội văn hóa An Cường"; các chuyến đi thiện nguyện theo khối/phòng/ban; các chuyến "Caravan" kết nối người lao động, nhà phân phối và đại lý...

Đặc biệt, trong hai năm 2020 và 2021, dưới ảnh hưởng của dịch bệnh, Tập Đoàn đã trích ngân sách hơn 20 tỷ đồng từ chi phí hoạt động kinh doanh cũng như sử dụng các quỹ dự phòng để chăm lo đời sống của toàn thể CBNV của Tập Đoàn, đảm bảo thu nhập, sức khỏe, trang thiết bị phòng chống dịch, vắc-xin và thuốc điều trị cho nhân viên và người thân trong gia đình của nhân viên. Tại thời điểm dịch bệnh diễn biến phức tạp nhất, phần lớn CBNV của Tập Đoàn cũng đã được tiếp cận được với vắc-xin, có bác sĩ thăm khám và có các phát đồ điều trị hợp lý. Đối với các trường hợp kém may mắn không vượt qua được dịch bệnh, Tập Đoàn cũng có các chính sách để hỗ trợ gia đình của người lao động phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của từng lao động.

6.2 Về công cụ quản lý và Kết hợp với bên thứ 3

Các nhà đầu tư lớn giúp định hướng chiến lược và lộ trình phát triển một cách tốt nhất. Sumitomo Forestry (Nhật Bản), DEG và VinaCapital là các tổ chức có uy tín và kinh nghiệm sâu sắc trong lĩnh vực hoạt động và đề ra các chuẩn mực về quản lý và tuân thủ rất cao. Các cổ đông này có hỗ trợ to lớn cho Tập Đoàn trong việc định hướng chiến lược và đưa ra các yêu cầu chặt chẽ để đảm bảo thực hiện và đạt được mục tiêu phát triển bền vững của Tập Đoàn. Về phía mình, Tập Đoàn cũng kỳ vọng các cổ đông, với vai trò là người chủ doanh nghiệp, luôn ủng hộ quan điểm kinh doanh bền vững, cân bằng giữa mục tiêu kinh doanh và việc thực hiện các trách nhiệm xã hội, cộng đồng.

Báo cáo chi tiết. Tập Đoàn đã thành công trong việc xây dựng các tiêu chuẩn quản lý cao và công cụ quản lý phù hợp và hiệu quả giúp cho việc cung cấp thông tin, báo cáo và giám sát dữ liệu đầy đủ, nhanh chóng và kịp thời.

Kiểm toán bởi bên thứ 3. Tập Đoàn đã có hơn 8 năm liên tục được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán quốc tế lớn (Big 4) như PwC và KPMG. Thêm vào đó, Tập Đoàn cũng thường xuyên sử dụng dịch vụ tư vấn về chiến lược, tư vấn thuế, tư vấn tài chính và đầu tư, tư vấn đào tạo từ các tổ chức có uy tín trong nước và quốc tế.

6.3 Về cam kết đối với khách hàng

Với niềm đam mê dành cho vật liệu nội thất, An Cường không ngừng nỗ lực cập nhật những xu hướng hiện đại cũng như liên tục đầu tư hàng loạt máy móc, trang thiết bị hiện đại, lên đến hàng chục triệu USD và tiên phong dẫn đầu trong việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến nhất trên thế giới nhằm giới thiệu các giải pháp gỗ nội thất độc đáo và toàn diện nhất, mang đến giá trị tối ưu cho những thiết kế nội thất đẳng cấp. Hằng năm Ban lãnh đạo An Cường thường xuyên tổ chức các chuyến công tác dài ngày cho các trưởng phòng ban có dịp tham quan, tìm hiểu máy móc thiết bị, vật liệu và nội thất tại các hội chợ nội thất ở nước ngoài, đặc biệt là Châu Âu – cái nôi của ngành nội thất. Nhờ đó xu hướng thế giới được cập nhật liên tục và trực tiếp nhất.

An Cường luôn "theo đuổi sự hoàn hảo" nhằm thỏa mãn cao nhất nhu cầu đa dạng của khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm và giải pháp an toàn, chất lượng cao, thân thiện với môi trường và với giá cả hợp lý. Cung cấp đa dạng về sản phẩm và giải pháp "KHỚP" với từng nhu cầu và đem đến lợi ích cao nhất của khách hàng góp phần tạo ra không gian nội thất đáng sống cho người dân Việt Nam và trên thế giới.

Tập Đoàn luôn ý thức được tầm nhìn thương hiệu cũng như định hướng chiến lược phát triển chuỗi showroom "One-Stop Shopping Center" - Tất cả những gì bạn muốn cho không gian sống hoàn hảo.

6.4 Về hoạt động xã hội

"Chúng tôi luôn trăn trở và cố gắng trong sứ mệnh của mình là phải có những đóng góp thiết thực cho các hoạt động cộng đồng nhiều hơn nữa, giúp được nhiều trẻ em, người già bất hạnh và góp phần cho sự tốt đẹp của xã hội".

Công ty sẻ chia giá trị với cộng đồng, thường xuyên tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, các chiến dịch vì cộng đồng ở địa phương và nhiều nơi trên khắp cả nước, chủ động đóng góp vào ngân sách nhà nước, đồng hành cùng Chính phủ trong sự Phát triển bền vững của Việt Nam.
Quỹ **"Nụ Cười Hy Vọng"** đã giải ngân hơn 20 tỷ đồng cho các hoạt động xã hội và giúp đỡ cho các CBNV An Cường có hoàn cảnh khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật, người già neo đơn...

Giới thiệu đôi nét về Quỹ Nụ Cười Hy Vọng của An Cường Group

Quỹ Nụ Cười Hy Vọng do Ông Lê Đức Nghĩa sáng lập, trực thuộc Công Ty Cổ Phần Gỗ An Cường. Nhiều năm qua, Quỹ NCHV đã giúp đỡ rất nhiều cảnh đời bất hạnh, khó khăn. Song song đó, Quỹ Nụ Cười Hy Vọng cũng đồng hành với rất nhiều tổ chức từ thiện xã hội cùng chung tay cho các hoạt động có ý nghĩa: hỗ trợ mổ tim cho bệnh nhi nghèo, hỗ trợ viện phí cho trẻ em ung thư, đồng tham gia hoặc là nhà tài trợ chính cho các chương trình xã hội khác: Quỹ Nhịp Tim Việt Nam, Hiểu về trái tim, Chạy vì trái tim, Quỹ Bảo Trợ Trẻ Em, các chương trình từ thiện do hội doanh nhân trẻ YBA, Câu Lạc Bộ Doanh Nhân 2030, Quỹ Từ Thiện Chùa Huyền Trang, Bếp cơm từ thiện Chùa Vĩnh Xương, Chùa Thiên Trì, Mái Ấm Mai Tâm, Mái Ấm Hồng Quang, Quỹ Bảo Trợ Trẻ Em Việt Nam...

Một số hoạt động tài trợ nổi bật bao gồm:

Tình hình dịch bệnh diễn ra hết sức phức tạp cũng ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của bà con nghèo. Vì vậy Quỹ Nụ Cười Hy Vọng trích khẩn cấp 30 triệu đồng cùng UBND Phường 12 - Quận 10 mua nhu yếu phẩm và lương thực thiết yếu để gửi tặng cho bà con nghèo nằm trong khu vực phong tỏa bởi dịch COVID.

Công ty cổ phần Gỗ An Cường, Tập đoàn Trần Anh và Công ty bất động sản Sài Gòn Thăng Long là 3 đơn vị đã hỗ trợ chuyển đến bà con nghèo trong các khu vực phong toả hàng chục tấn gạo cùng các nhu yếu phẩm cần thiết trong thời gian bị phong toả.

Công ty kết hợp cùng Hội doanh nhân trẻ Việt Nam và các công ty thành viên đóng góp 5 tỷ đồng tương đương 10.000 bộ kit test phát hiện virus covid.

Ngoài ra, khi thành phố Hồ Chính Minh rơi vào đỉnh điểm khi dịch covid bùng phát mạnh vào tháng 02/2021, Tập đoàn Gỗ An Cường đã hỗ trợ hàng chục tỷ đồng mua các trang thiết bị y tế hỗ trợ cho các tuyến y tế - bệnh viện dã chiến - bệnh viện chức năng trong tuyến đầu chống dịch.

MÁI ẤM TÌNH THƯƠNG PHÚC LÂM

LỄ KHÁNH THÀNH

VI. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR)

HOẠT ĐỘNG IR

Thông tin Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Gỗ An Cường

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Gỗ An Cường (Mã chứng khoán: ACG) là mã cổ phiếu có sức hấp dẫn đặc biệt đối với nhà đầu tư. Ngày 4 tháng 8 năm 2021, cổ phiếu ACG đã chính thức được đăng ký giao dịch trên Upcom với giá chào sàn là 90.000 đồng/cổ phần. Ngay từ phiên giao dịch đầu tiên, cổ phiếu ACG đã tăng mạnh đến 40% đạt mức giá 125.900 đồng/cổ phần, tương đương với mức vốn hóa công ty là 11.000 tỷ đồng. Kết thúc ngày 07/04/2022, cổ phiếu ACG đóng cửa ở mức 113.000 đồng/cổ phần (giá sau chốt quyền phát hành thêm và chi trả cổ tức), tương đương mức định giá 10.399 tỷ đồng (tăng 31,8% so với giá chào sàn).

Diễn biến giá cổ phiếu ACG từ ngày chào sàn đến ngày 07/04/2022

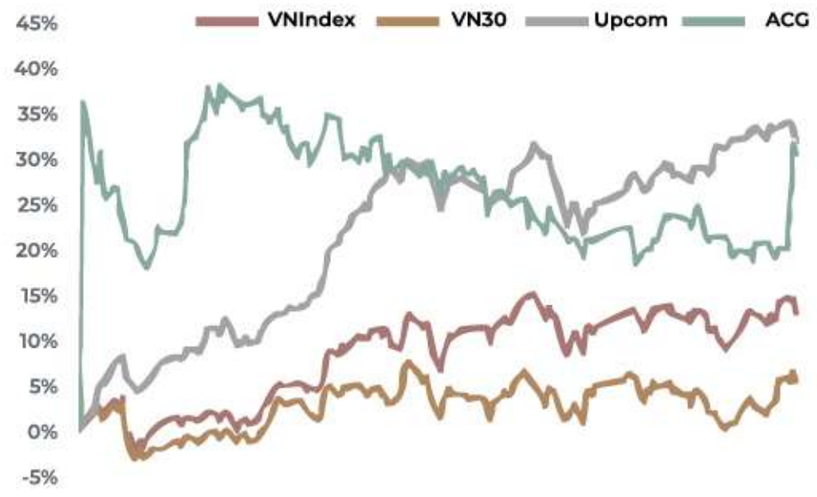

Với phương châm luôn tôn trọng lợi ích của cổ đông và đảm bảo tính minh bạch cao nhất trong mọi hoạt động của Công ty, hoạt động IR luôn được tổ chức và thực hiện theo hướng chuyên nghiệp, tận tâm, công bằng, cởi mở và luôn tạo điều kiện thực hiện giao tiếp đa kênh với nhà đầu tư. Một số hoạt động IR nổi bật từ khi cổ phiếu ACG lên sàn đến nay như sau:

Thành lập bộ phận chuyên trách quan hệ cổ đông và quan hệ nhà đầu tư.

Thường xuyên tổ chức các buổi gặp mặt với các nhà phân tích chứng khoán, nhà tư vấn/môi giới chứng khoán (Analyst Meeting và Broker Meeting) và nhà đầu tư.

Tổ chức roadshow giới thiệu cổ phiếu ACG đến đông đảo cộng đồng đầu tư.

Tổ chức các đợt đi thăm công ty và nhà máy (Company and Factories Visit).

Phát hành Báo cáo IR theo định kỳ hàng quý cập nhật về tình hình hoạt động và số liệu tài chính của công ty.

Công bố thông tin định kỳ và bất thường một cách nhanh chóng và kịp thời trên
a. hệ thống IDS của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN),
b. hệ thống CIMS của Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX)
c. mục Quan hệ Cổ đông trên trang Web của Công ty
d. trên các phương tiện thông tin đại chúng tuân theo quy định của pháp luật và theo quy chế quản trị nội bộ của Công ty.
Đa phần các thông tin được công bố bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh.

Tiếp nhận và nhanh chóng phản hồi các câu hỏi của cổ đông và nhà đầu tư liên quan đến hoạt động của công ty thông qua nhiều kênh liên lạc khác nhau.

Trong năm 2021 và quý 1 năm 2022, ACG đã tiếp đón và làm việc với

hơn 20 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là các quỹ đầu tư trong nước và quốc tế. Trong đó, có 2 quỹ đầu tư có giá trị tài sản quản lý (AUM) trên 100 tỷ USD và một số quỹ đầu tư có AUM trên 1 tỷ USD.

hơn 10 đoàn nhà đầu tư được kết nối bởi các công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

Trong năm 2021 và đầu năm 2022, ACG đã thực hiện việc chia cổ tức và chốt quyền cho cổ đông như sau:

- **Ngày 22/04/2021:** Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- **Ngày 20/05/2021:** Chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 12% mệnh giá cổ phần, tương ứng mỗi cổ phần nhận được 1.200 đồng.
- **Ngày 29/09/2021:** Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm 2021.
- **Ngày 08/03/2022:** Chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 5% mệnh giá cổ phần, tương ứng mỗi cổ phần nhận được 500 đồng.
- **Ngày 08/03/2022:** Chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu.
- **Ngày 14/4/2022:** Chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 2:1 (cổ đông nắm giữ hai cổ phiếu được nhận một cổ phiếu phát hành mới).

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG IR TRONG NĂM 2022

Duy trì và củng cố cam kết tôn trọng tính minh bạch, tận tâm và cởi mở trong việc phát triển mối quan hệ với cổ đông và nhà đầu tư.

Định kỳ hàng quý hoặc bất thường tổ chức các buổi gặp gỡ cổ đông và nhà đầu tư để cung cấp thông tin, cập nhật tình hình hoạt động của Công ty và giải đáp các câu hỏi quan tâm của cổ đông và nhà đầu tư.

Tuân thủ tất cả quy định về công bố thông tin. Đảm bảo việc cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ và kịp thời lan tỏa đến tất cả cổ đông và nhà đầu tư.

Lan tỏa văn hóa công ty, văn hóa vì cộng đồng xã hội và môi trường đến với cộng đồng nhà đầu tư nhằm gắn kết hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) với hoạt động môi trường, xã hội và quản trị (ESG) của Công ty.

Nâng cao tiêu chuẩn công bố thông tin, thông qua việc

1. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự phụ trách công tác IR
2. Toàn bộ tài liệu IR sẽ được công bố bằng song ngữ Anh – Việt
3. Tài liệu được trình bày thân thiện, rõ ràng, bắt mắt, đầy đủ
4. Tài liệu được cung cấp và lưu trữ dưới nhiều hình thức và định dạng giúp cho việc truy xuất và bảo quản được nhanh chóng và an toàn

An Cường luôn đề cao và cam kết luôn tuân thủ đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong việc công bố thông tin đến tất cả các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác. Để việc tiếp cận thông tin hiệu quả, dễ dàng, công bằng và tối ưu về chi phí, An Cường thực hiện công bố thông qua các công cụ truyền thông đa dạng như:

- Trên website của Công ty tại: Quét QR code để xem chi tiết
- Trên hệ thống công bố thông tin IDS của UBCKNN và CIMS của HNX
- Trên các phương tiện truyền thông đại chúng
- Thông qua Bộ phận IR của Công ty:

- **Ông Ngụy Thanh Vĩ – Giám đốc Quan hệ Nhà đầu tư**
- **Email:** ir@ancuong.com
- **Công Ty Cổ Phần Gỗ An Cường**
  Thửa đất 681, Tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, Khu phố Phước Hải, Phường Thái Hoà, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

"Những điều vĩ đại trong kinh doanh không bao giờ được thực hiện bởi chỉ một người. Đó là công trình của cả một tập thể"- Steve Jobs
Thực tế mỗi cá nhân đều là một "chuyên gia" trong lĩnh vực mà họ đang đảm nhận. "Không một ai trong chúng ta có thể giỏi bằng tất cả chúng ta hợp lại", do đó sự kết nối giữ vai trò then chốt đối với bất kì doanh nghiệp nào và đó cũng là chìa khoá để khai mở và tạo nên sức mạnh cho doanh nghiệp. Tại An Cường chúng tôi thiết lập đòn bẩy sức mạnh tập thể bằng cách không ngừng lên kế hoạch trao dồi kiến thức thông qua các khoá đào tạo không chỉ cho cấp lãnh đạo mà còn đối với tập thể nhân viên. Mô hình này không những nâng cao năng suất - hiệu quả làm việc, thúc đẩy văn hoá doanh nghiệp mà còn tạo sự Khớp và liên kết trong từng cá thể kết hợp cùng nền tảng doanh nghiệp và tầm nhìn nhất quán đến từ ban lãnh đạo công ty. Tầm quan trọng của sự liên kết này không chỉ cho hiện tại mà còn là cơ sở để hoàn thiện sứ mệnh và tầm nhìn của doanh nghiệp trong tương lai.

Từ **KHỚP NỐI** đến bức tranh **VỮNG BỀN PHÁT TRIỂN**

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2021

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận	Số 3700748131 ngày 20 tháng 9 năm 2006	
Đăng ký Doanh nghiệp	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 4602002303 ngày 20 tháng 9 năm 2006 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệ gần nhất số 3700748131 ngày 9 tháng 11 năm 2021.	
Hội đồng Quản trị	Ông Lê Đức Nghĩa	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
	Ông Masao Kamibayashiyama	Thành viên
	Ông Trần Lương Thanh Tùng	Thành viên
	Ông Lê Thanh Phong	Thành viên
	Ông Jess Rueloekke	Thành viên độc lập
	Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	Thành viên độc lập
Ban Tổng Giám đốc	Bà Võ Thị Ngọc Ánh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20.4.2021)
	Ông Lê Thanh PhongPhó	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Hảo	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Duyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Ngô Tấn Trí	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Thiều Thị Ngọc Diễm	Kế toán trưởng
Ban Kiểm soát	Bà Trần Thị Ngọc Tuệ	Trưởng ban
	Bà Trần Thị Kim Anh	Thành viên
	Bà Mai Thị Phương Thảo	Thành viên
Người đại diện theo pháp luật	Ông Lê Đức Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
	Bà Võ Thị Ngọc Ánh	Tổng Giám đốc (từ ngày 9.11.2021)
Trụ sở chính	Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 5, Đường ĐT 747B Khu phố Phước Hải, Phường Thái Hòa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, VietNam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Gỗ An Cường ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 45. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Võ Thị Ngọc Ánh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Gỗ An Cường ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021, và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn ngày 18 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Trần Thị Thanh Trúc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3047-2019-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Vũ Anh Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3631-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM11564
TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	2020 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**3.650.800.848.248**	**3.588.399.748.702**
110	**Tiền**		**99.169.609.256**	**53.239.217.833**
111	Tiền	3	99.169.609.256	53.239.217.833
120	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**1.527.845.044.955**	**1.680.045.044.955**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	1.527.845.044.955	1.680.045.044.955
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**618.583.366.551**	**689.453.876.852**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	549.583.344.234	607.079.449.113
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	47.549.408.310	32.794.536.220
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	40.012.513.678	60.123.992.957
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(18.765.339.662)	(10.661.866.893)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		203.439.991	117.765.455
140	**Hàng tồn kho**	**9**	**1.380.301.310.465**	**1.132.964.681.719**
141	Hàng tồn kho		1.409.876.670.599	1.151.953.993.414
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(29.575.360.134)	(18.989.311.695)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**24.901.517.021**	**32.696.927.343**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	22.007.833.088	23.747.113.791
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT")			
	được khấu trừ		2.322.179.488	7.965.797.220
153	Thuế và các khoản khác phải thu			
	Nhà nước	15(a)	571.504.445	984.016.332
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.332.118.177.476**	**864.717.863.998**
210	**Khoản phải thu dài hạn**		**322.336.513.405**	**5.728.730.600**
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	322.336.513.405	5.728.730.600
220	**Tài sản cố định**		**534.761.034.183**	**635.138.407.774**
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	518.159.318.784	615.103.068.586
222	Nguyên giá		1.020.819.135.402	1.009.655.377.117
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(502.659.816.618)	(394.552.308.531)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	16.601.715.399	20.035.339.188
228	Nguyên giá		32.148.567.346	31.684.967.346
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(15.546.851.947	(11.649.628.158)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**1.425.546.949**	**2.660.445.161**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**12**	1.425.546.949	2.660.445.161
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**275.217.700.000**	**-**
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	**4(b)**	119.200.000.000	-
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	156.017.700.000	-
260	**Tài sản d ài hạn khác**		**198.377.382.939**	**221.190.280.463**
261	Chi phí trả trước dài hạn	**10(b)**	190.080.570.500	212.227.664.545
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22	8.296.812.439	8.962.615.918
			---	---
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**4.982.919.025.724**	**4.453.117.612.700**
			==========	==========

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

			Tại ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**1.206.120.120.534**	**936.426.104.376**
310	**Nợ ngắn hạn**		**1.196.572.464.437**	**929.831.152.397**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	289.187.086.507	245.477.558.884
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	206.024.768.522	232.947.885.577
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15(b)	36.046.362.980	44.095.993.433
314	Phải trả người lao động	16	58.355.659.772	72.324.084.358
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	24.826.970.905	24.256.358.433
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.18	1.130.344.632	1.130.344.632
319	Phải trả ngắn hạn khác	18	11.359.884.360	1.524.645.739
320	Vay ngắn hạn	19	566.975.088.269	307.899.246.071
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	2.666.298.490	175.035.270
330	**Nợ dài hạn**		**9.547.656.097**	**6.594.951.979**
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	2.18	3.014.252.347	4.144.596.979
342	Dự phòng phải trả dài hạn	21	6.533.403.750	2.450.355.000
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**3.776.798.905.190**	**3.516.691.508.324**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**3.776.798.905.190**	**3.516.691.508.324**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	23, 24	876.503.440.000	876.568.440.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông*			
	có quyền biểu quyết		876.503.440.000	876.568.440.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	24	1.419.304.688.703	1.408.471.865.056
415	Cổ phiếu quỹ	24	(653.230.147)	(20.046.000.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển	24	25.138.524.261	36.590.318.871
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST")			
	chưa phân phối	24	1.456.505.482.373	1.215.106.884.397
421a	*- LNST chưa phân phối*			
	ũy kế của các năm trước		1.034.544.110.211	880.369.288.195
421b	*- LNST chưa phân phối của năm nay*		421.961.372.162	334.737.596.202
			----------	----------
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**4.982.919.025.724**	**4.453.117.612.700**
			==========	==========

Trần Anh Tuấn	Thiều Thị Ngọc Diễm	Võ Thị Ngọc Ánh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 18 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Mã số		Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	2020 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.312.950.679.602	3.781.468.964.050
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(19.443.094.091)	(27.863.918.614)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28	3.293.507.585.511	3.753.605.045.436
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29		
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(2.397.612.834.481)	(2.735.642.853.637)
21	Doanh thu hoạt động tài chính	30	895.894.751.030	1.017.962.191.799
22	Chi phí tài chính			
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		154.068.436.757	109.690.865.720
25	Chi phí bán hàng	31	(24.158.148.267)	(18.526.863.293)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	(21.480.945.050)	(12.839.105.796)
			(383.770.408.773)	(442.795.174.301)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(100.092.496.584)	(107.320.377.926)
31	Thu nhập khác		541.942.134.163	559.010.641.999
32	Chi phí khác			
40	Lợi nhuận khác		5.710.976.177	9.547.504.870
			(1.236.519.895)	(6.878.665.829)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.474.456.282	2.668.839.041
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	33	546.416.590.445	561.679.481.040
52	(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	33	(94.471.564.132)	(72.039.104.089)
			(665.803.479)	2.337.558.451
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		451.279.222.834	491.977.935.402

	Phân bổ cho:			
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		451.279.222.834	491.977.935.402
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26(a)	4.513	5.144
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26(b)	4.513	5.144

Trần Anh Tuấn	Thiều Thị Ngọc Diễm	Võ Thị Ngọc Ánh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mã số		Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	2020 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**546.416.590.445**	**561.679.481.040**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		114.701.008.697	114.379.203.711
03	Các khoản dự phòng		22.772.569.958	5.014.858.388
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		482.783.595	524.272.349
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(138.917.498.442)	(97.436.509.577)
06	Chi phí lãi vay		21.480.945.050	12.839.105.796
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**566.936.399.303**	**597.000.411.707**
09	Giảm các khoản phải thu		62.541.699.040	50.359.338.089
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(257.922.677.185)	181.999.248.505
11	(Tăng)/giảm các khoản phải trả		(7.604.347.788)	25.744.381.994
12	Giảm chi phí trả trước		23.886.374.748	44.413.750.429
14	Tiền lãi vay đã trả		(21.480.945.050)	(12.839.105.796)
15	Thuế TNDN đã nộp		(99.254.345.077)	(55.848.532.895)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(96.937.799.090)	(28.969.062.680)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**170.164.358.901**	**801.860.429.353**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(13.088.736.894)	(23.169.159.495)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		9.090.909	37.272.727
23	Tiền chi cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(1.873.825.530.311)	(961.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.569.500.000.000	325.200.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(119.200.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay và tiền gửi		129.042.126.065	75.788.620.996
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(307.563.050.231)**	**(583.143.265.772)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		30.225.593.500	17.187.610.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(65.000.000)	(20.030.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		2.717.756.113.523	1.259.088.063.936
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.459.665.101.043)	(1.172.129.254.438)
36	Tiền chi trả cổ tức		(104.826.892.800)	(315.002.678.400)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**183.424.713.180**	**(230.886.258.902)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**46.026.021.850**	**(12.169.095.321)**
60	**Tiền đầu năm**	**3**	**53.239.217.833**	**65.461.661.002**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(95.630.427)	(53.347.848)
70	**Tiền cuối năm**	**3**	**99.169.609.256**	**53.239.217.833**

Trần Anh Tuấn
Người lập

Thiều Thị Ngọc Diễm
Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Ánh
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Gỗ An Cường ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 4602002303 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 20 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp gần nhất số 3700748131 ngày 9 tháng 11 năm 2021.

Chủ sở hữu của Công ty bao gồm Công ty TNHH Đầu tư NC Việt Nam, Whitlam Holding Pte. Ltd., Sumitomo Forestry (Singapore) Ltd. và các cá nhân khác. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 23.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất và buôn bán hàng gỗ gia dụng, gỗ công nghiệp, ván công nghiệp, hàng trang trí nội thất, thiết bị nhà bếp và các các sản phẩm khác từ gỗ; cung cấp dịch vụ lắp đặt.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 2 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp, chi tiết như sau:

			31.12.2021		31.12.2020	
Tên	Địa điểm	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH Malloca Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh các thiết bị nhà bếp của hãng Malloca	100	100	100	100
Công ty TNHH Sản xuất Gỗ An Cường	Tỉnh Bình Dương	Sản xuất và buôn bán các sản phẩm từ gỗ	100	100	100	100
Công ty TNHH AConcept Việt Nam (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh đồ dùng, sản phẩm nội thất	100	100	100	100

(*) Công ty con gián tiếp này là công ty con của Công ty TNHH Malloca Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 2.835 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.033 nhân viên).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và các công ty con được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu, và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Tập đoàn còn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán để huy động các nguồn lực tài chính (như phát hành cổ phiếu) và/hoặc thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính riêng của các công ty con trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm kế toán. Nếu ngày kết thúc năm kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm kế toán của các công ty và ngày kết thúc năm kế toán của Tập đoàn. Độ dài của năm báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

2.6 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, và trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3% - 25%
Máy móc, thiết bị	8% - 50%
Phương tiện vận tải	8% - 33%
Thiết bị quản lý	13% - 33%
TSCĐ hữu hình khác	6% - 50%
Quyền sử dụng đất	3%
Phần mềm	13% - 50%

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất được quy định trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất được quy định trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là tiền thuê đất dài hạn, thuê văn phòng, công cụ, dụng cụ được đưa vào sử dụng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Ngoài ra, tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003 cũng được ghi nhận là chi phí trả trước theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 50 năm phù hợp với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

• Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và

• Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

2.14 Vay

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản doanh thu chưa thực hiện này là các khoản doanh thu nhận trước từ việc cho thuê mái nhà của nhà máy công ty con để đầu tư lắp đặt và vận hành các tấm pin năng lượng mặt trời, hệ thống hỗ trợ và kinh doanh dự án điện mặt trời mái nhà với thời gian thuê là 20 năm kể từ tháng 9 năm 2020. Tập đoàn ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong 5 năm đầu tiên của hợp đồng thuê. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của các chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu. LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2.20 Phân chia lợi nhuận thuần

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính mà cổ tức phải trả được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông và danh sách các cổ đông nhận cổ tức được chấp thuận theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty.

LNST TNDN có thể được chia cho các Cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn và đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ LNST và được các cổ đông phê chuẩn tại Đại hội đồng Cổ đông và việc sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi tuân theo các quy định của chính sách tài chính hiện hành. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, đồng thời quỹ khen thưởng phúc lợi cũng được dùng để chi trả cho các chi phí liên quan đến phòng chống dịch COVID-19.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST và được các Cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ cho việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

2.21 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với "bản chất hơn hình thức" và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

2.21 Ghi nhận doanh thu

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.22 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.24 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; lỗ tỷ giá hối đoái; và chiết khấu thanh toán.

2.25 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí chào hàng; giới thiệu sản phẩm; quảng cáo sản phẩm; hoa hồng bán hàng; chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa; chi phí bảo quản, đóng gói; và chi phí vận chuyển.

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2.27 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, và các công ty con là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mẹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty mẹ, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.30 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3. TIỀN

	2021 VND	2020 VND
Tiền mặt	599.832.678	654.260.729
Tiền gửi ngân hàng	98.569.776.578	52.574.595.104
Tiền đang chuyển	-	10.362.000
	99.169.609.256	53.239.217.833

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	1.527.845.044.955	1.527.845.044.955	1.680.045.044.955	1.680.045.044.955
ii.Dài hạn				
Trái phiếu	156.017.700.000	156.017.700.000	-	-

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 là các khoản tiền gửi ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn ban đầu trên ba tháng nhưng dưới một năm và hưởng lãi suất từ 5% - 7,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 5% - 8%/năm). Ngoài ra, Tập đoàn đã dùng 212 tỷ Đồng của các khoản đầu tư này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn với ngân hàng (Thuyết minh 19).

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoản Tập đoàn đã ủy thác cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp có thời hạn đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo và hưởng lãi suất dự kiến là 13,8%/năm theo hợp đồng ủy thác đầu tư ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital số GB2021001 ngày 5 tháng 2 năm 2021. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2021			2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Thắng Lợi	119.200.000.000	(*)	-	-	-	(*)

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 05-2021/NQ-GAC ngày 15 tháng 4 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án mua cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Thắng Lợi. Theo đó, Tập đoàn đã sở hữu 12,97% vốn điều lệ công ty này.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy của khoản đầu tư vào công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Thắng Lợi, do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Ái Linh	110.715.804.421	57.420.711.970
Khác	428.970.379.253	541.562.514.838
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	9.897.160.560	8.096.222.305
	549.583.344.234	607.079.449.113

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 25.823.843.454 Đồng và 17.796.269.711 Đồng như trình bày tại Thuyết minh 8.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba	47.549.408.310	32.794.536.220

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có người bán bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn.

7. PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi	31.374.193.230	53.241.618.056
Ký quỹ, ký cược	7.092.183.863	6.194.564.385
Tạm ứng cho nhân viên	1.411.780.131	439.540.246
Khác	134.356.454	248.270.270
	40.012.513.678	60.123.992.957

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Đặt cọc (*)	285.052.830.311	-
Lãi dự thu (Thuyết minh 30)	31.733.706.294	-
Ký quỹ, ký cược	5.549.976.800	5.728.730.600
	---	---
	322.336.513.405	5.728.730.600
	==========	==========

(*) Theo Nghị quyết số 01-2021/NQ-GAC ngày 11 tháng 1 năm 2021 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã ký các Biên bản thỏa thuận để chọn mua bất động sản thuộc dự án Novaworld Phan Thiết. Theo đó, Công ty đã hoàn tất thực hiện đặt cọc 285.052.830.311 Đồng trong 6 tháng đầu năm 2021. Ngoài ra, theo các Biên bản thỏa thuận nói trên, Công ty có quyền lựa chọn tiếp tục thực hiện quyền chọn mua hoặc không mua bất động sản vào tháng 3 năm 2023. Trong trường hợp Công ty không thực thiện quyền chọn mua, Công ty sẽ được hoàn trả toàn bộ số tiền mà Công ty đã đặt cọc, kèm theo số tiền lãi được tính theo lãi suất 13%/năm kể từ ngày Công ty thực hiện đặt cọc tiền mua bất động sản. Theo đó, Tập đoàn đã ghi nhận lãi dự thu nói trên trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo phương án lựa chọn không đăng ký mua bất động sản thuộc dự án Novaworld Phan Thiết.

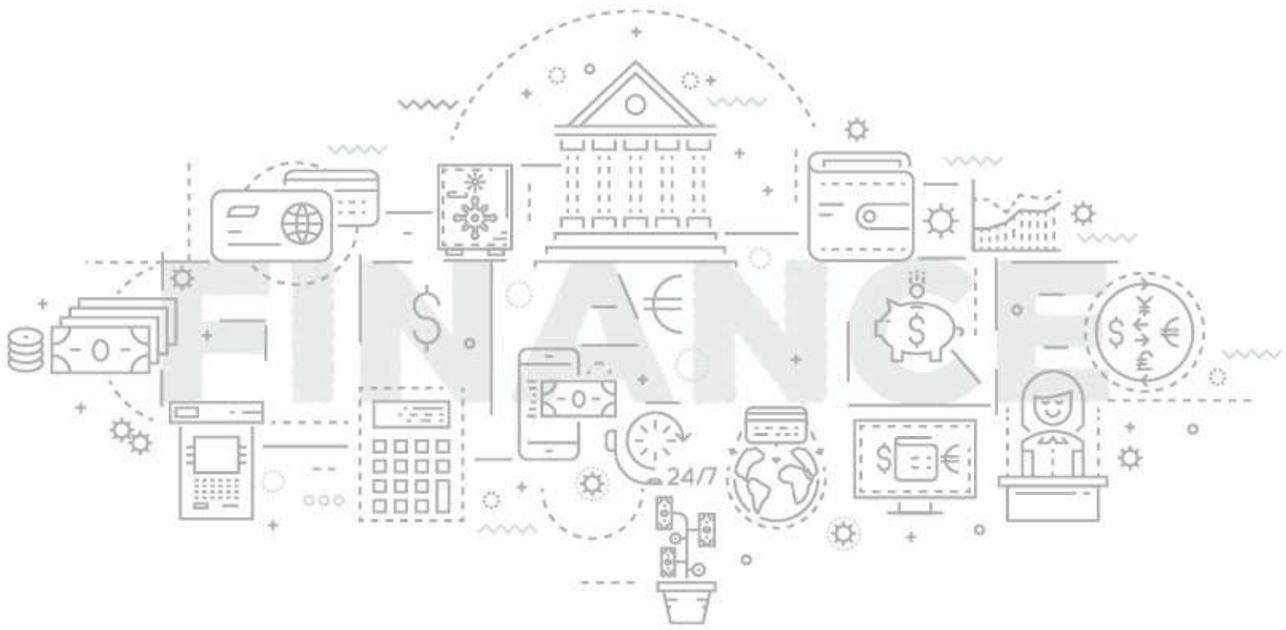

8. NỢ KHÓ ĐÒI

	2021			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	5.735.808.302	241.525.539	5.494.282.763	Trên 2 năm
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Gia Hưng	5.162.064.567	1.575.821.482	3.586.243.085	Trên 2 năm
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hưng Long Phát	1.702.657.460	-	1.702.657.460	Trên 2 năm
- Khác	9.112.532.586	3.860.800.355	7.982.156.354	Trên 6 tháng
	---	---	---	
	21.713.062.915	5.678.147.376	18.765.339.662	
	==========	==========	==========	

	2020			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Gia Hưng	5.362.064.567	2.708.234.393	2.653.830.174	Trên 1 năm
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hưng Long Phát	2.129.404.220	638.821.266	1.490.582.954	Trên 1 năm
- Công ty TNHH Xây dựng Trung Quốc	1.661.386.057	618.415.817	1.042.970.240	Trên 2 năm
-Khác	8.643.414.867	3.168.931.342	5.474.483.525	Trên 6 tháng
	---	---	---	
	17.796.269.711	7.134.402.818	10.661.866.893	
	==========	==========	==========	

9. HÀNG TỒN KHO

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	645.187.320.053	(10.837.133.507)	500.751.379.034	(6.974.081.401)
Thành phẩm	262.604.133.943	(7.129.120.735)	199.291.673.583	(4.937.545.427)
Chi phí SXKD dở dang	219.733.748.906	(9.962.248.945)	216.922.334.759	(5.525.851.024)
Hàng hóa	214.413.955.171	(1.646.856.947)	184.451.960.423	(1.551.833.843)
Hàng mua đang đi trên đường	67.937.512.526	-	50.536.645.615	-
	1.409.876.670.599	(29.575.360.134)	1.151.953.993.414	(18.989.311.695)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	18.989.311.695	14.001.262.242
Tăng dự phòng (Thuyết minh 29)	10.586.048.439	4.988.049.453
Số dư cuối năm	29.575.360.134	18.989.311.695

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2021 VND	2020 VND
Công cụ, dụng cụ	6.509.339.745	8.207.112.029
Chi phí trưng bày, hàng mẫu	2.887.226.915	3.832.770.290
Chi phí quảng cáo	4.387.837.446	2.405.203.675
Chi phí bảo hiểm	3.654.896.210	1.293.796.844
Chi phí thuê	657.731.830	957.502.730
Khác	3.910.800.942	7.050.728.223
	22.007.833.088	23.747.113.791

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Tiền thuê đất (*)	166.619.048.110	171.341.842.639
Chi phí cải tạo văn phòng, nhà xưởng	10.187.849.775	15.520.822.379
Công cụ, dụng cụ	8.459.188.700	18.361.008.555
Chi phí thuê	2.048.043.527	2.094.153.325
Khác	2.766.440.388	4.909.837.647
	190.080.570.500	212.227.664.545

(*) Quyền sử dụng đất của thửa đất 441, 681 và thửa đất 820 tọa lạc tại Tỉnh Bình Dương đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh 19).

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	212.227.664.545	253.407.953.245
Tăng	17.689.106.871	12.794.013.440
Phân bổ trong năm	(39.836.200.916)	(53.974.302.140)
Số dư cuối năm	190.080.570.500	212.227.664.545

11. TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	340.539.701.857	512.652.662.981	117.194.443.344	13.797.407.723	25.471.161.212	1.009.655.377.117
Mua trong kỳ	-	5.051.610.695	4.519.281.819	219.150.000	-	9.790.042.514
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 12)	-	4.069.992.592	-	-	-	4.069.992.592
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.465.635.462)	(625.804.546)	(217.180.909)	(387.655.904)	(2.696.276.821)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	340.539.701.857	520.308.630.806	121.087.920.617	13.799.376.814	25.083.505.308	1.020.819.135.402
Khấu hao lũy kế			54.151.281.746	9.346.141.121	20.634.074.261	394.552.308.531
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	110.853.897.957	199.566.913.446	14.158.673.281	2.453.708.681	1.453.508.534	110.803.784.908
Khấu hao trong năm	33.100.532.502	59.637.361.910	(625.804.546)	(217.180.909)	(387.655.904)	(2.696.276.821)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.465.635.462)				
			67.684.150.481	11.582.668.893	21.699.926.891	502.659.816.618
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	143.954.430.459	257.738.639.894				
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	229.685.803.900	313.085.749.535	63.043.161.598	4.451.266.602	4.837.086.951	615.103.068.586
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	196.585.271.398	262.569.990.912	53.403.770.136	2.216.707.921	3.383.578.417	518.159.318.784

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 45 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 31,2 tỷ Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, TSCĐ hữu hình với tổng giá trị còn lại là 165 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 182 tỷ Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 19).

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	8.090.909.091	23.594.058.255	31.684.967.346
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	463.600.000	463.600.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	8.090.909.091	24.057.658.255	32.148.567.346
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.399.806.148	10.249.822.010	11.649.628.158
Khấu hao trong năm	221.804.518	3.675.419.271	3.897.223.789
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.621.610.666	13.925.241.281	15.546.851.947
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	6.691.102.943	13.344.236.245	20.035.339.188
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	6.469.298.425	10.132.416.974	16.601.715.399

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 499 triệu Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 299 triệu Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, TSCĐ vô hình với tổng giá trị còn lại là 6,5 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 6,7 tỷ Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 19).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2021 VND	2020 VND
Sửa chữa văn phòng	289.317.394	508.363.719
Mua sắm máy móc, thiết bị	1.136.229.555	2.152.081.442
	1.425.546.949	2.660.445.161

Biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	2.660.445.161	1.284.804.836
Tăng trong năm	3.298.694.380	1.497.067.740
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(121.427.415)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(4.069.992.592)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11(b))	(463.600.000)	-
Số dư cuối năm	1.425.546.949	2.660.445.161

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Vina Eco Board	43.186.580.407	32.536.089.429
Khác	246.000.506.100	212.941.469.455
	289.187.086.507	245.477.558.884

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Conglom Inc.	27.039.125.984	18.115.355.301
Khác	177.985.642.538	214.832.530.276
	205.024.768.522	232.947.885.577

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/ phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thực thu trong năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
a) Phải thu				
Thuế nhập khẩu được hoàn	741.756.164	713.376.402	(937.054.666)	518.077.900
Thuế thu nhập cá nhân	6.908.973	-	(5.887.793)	1.021.180
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	232.673.447	7.867.462	(240.540.909)	-
Khác	2.677.748	1.140.380.085	(1.090.652.468)	52.405.365
	984.016.332	1.861.623.949	(2.274.135.836)	571.504.445

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
b) Phải nộp				
Thuế GTGT	9.690.458.315	122.656.212.433	(123.443.267.533)	8.903.403.215
Thuế TNDN	29.424.472.901	94.471.564.132	(99.254.345.077)	24.641.691.956
Thuế thu nhập cá nhân	4.967.063.965	12.176.083.372	(14.655.877.780)	2.487.269.557
Thuế nhập khẩu	13.998.252	19.616.773.050	(19.616.773.050)	13.998.252
Thuế khác	-	715.197.342	(715.197.342)	-
	44.095.993.433	249.635.830.329	(257.685.460.782)	36.046.362.980

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư phải trả người lao động thể hiện các khoản tiền lương tháng 12 và trích trước lương tháng 13 phải trả cho nhân viên.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thưởng nhân viên	19.851.116.334	15.424.930.560
Chi phí quảng cáo	368.536.028	48.000.000
Khác	4.607.318.543	8.783.427.873
	24.826.970.905	24.256.358.433

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Bảo hiểm xã hội	9.782.939.000	-
Khác	1.576.945.360	1.524.645.739
	11.359.884.360	1.524.645.739

19. VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 1.1.2021	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Tại ngày 31.12.2021
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng (*)	307.899.246.071	2.615.756.113.523	(2.357.665.101.043)	984.829.718	566.975.088.269
Bên liên quan (Thuyết minh 35)	-	102.000.000.000	(102.000.000.000)	-	-
	307.899.246.071	2.717.756.113.523	(2.459.665.101.043)	984.829.718	566.975.088.269

(*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

	Tiền tệ	Tại ngày 31.12.2021	Kỳ hạn Tháng	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
		VND				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	255.288.941.776	4 - 6	30.06.2022	4,4	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam có giá trị 122 tỷ và 40 tỷ đồng.
	USD	22.871.436.387	6	17.06.2022	2,1	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	142.723.338.581	6	24.06.2022	3,99	Hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của Tập đoàn với giá trị 50 tỷ VND.
	USD	32.727.619.140	6	27.06.2022	2,08	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	VND	39.527.676.992	3	30.04.2022	4,5 - 4,6	Quyền đòi nợ, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất 441, 681 và 820 tọa lạc tại Tỉnh Bình Dương, máy móc thiết bị.
	USD	73.836.075.393	3	30.04.2022	2,35	
		566.975.088.269				

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	175.035.270	8.653.100.000
Tăng (Thuyết minh 24)	99.429.062.310	24.319.110.144
Giảm	(96.937.799.090)	(32.797.174.874)
Số dư cuối năm	2.666.298.490	175.035.270

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số dư thể hiện số dự phòng trợ cấp thôi việc được xác định theo phương pháp trình bày tại Thuyết minh 2.17 và khoản trích lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng.

22. THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	2021 VND	2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	1.125.587.243	490.071.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	7.171.225.196	8.472.544.918
	8.296.812.439	8.962.615.918

Biến động gộp của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm		
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 33)	8.962.615.918 (665.803.479)	6.625.057.467 2.337.558.451
Số dư cuối năm	8.296.812.439	8.962.615.918

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại:

	2021 VND	2020 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	8.296.812.439	8.962.615.918

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến chi phí phải trả và các khoản dự phòng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cấn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

23. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2021 VND	2020 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký	87.650.344	87.656.844
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	87.650.344	87.656.844
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(9.600)	(294.600)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	87.640.744	87.362.244

(b) Chi tiết vốn cổ phần

	2021		2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty TNHH Đầu tư NC Việt Nam	43.861.200	50,04	43.861.200	50,04
Sumitomo Forestry (Singapore) Ltd.	17.187.922	19,61	17.187.922	19,61
Whitlam Holding Pte. Ltd.	15.834.000	18,06	15.834.000	18,06
Khác	10.767.222	12,29	10.773.722	12,29
	87.650.344	100	87.656.844	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu quỹ	Tổng cộng
		VND	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	85.936.483	859.380.830.000	(16.000.000)	**859.364.830.000**
Cổ phiếu mới phát hành (Thuyết minh 24)	1.718.761	17.187.610.000	-	**17.187.610.000**
Mua lại cổ phiếu quỹ (Thuyết minh 24)	(293.000)	-	(20.030.000.000)	**(20.030.000.000)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	87.362.244	876.568.440.000	(20.046.000.000)	**856.522.440.000**
Mua lại cổ phiếu quỹ (Thuyết minh 24)	(6.500)	-	(65.000.000)	**(65.000.000)**
Hủy cổ phiếu quỹ (Thuyết minh 24)	-	(65.000.000)	65.000.000	-
Bán cổ phiếu quỹ	285.000	-	19.392.769.853	**19.392.769.853**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	87.640.744	876.503.440.000	(653.230.147)	**875.850.209.853**

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.
Tập đoàn không có cổ phiếu ưu đãi.

24. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	859.380.830.000	1.408.471.865.056	(16.000.000)	22.829.452.785	1.080.042.203.625	**3.370.708.351.466**
Vốn tăng trong năm (Thuyết minh 23)	17.187.610.000	-	-	-	-	**17.187.610.000**
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(315.002.678.400)	**(315.002.678.400)**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	491.977.935.402	**491.977.935.402**
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	14.591.466.086	(14.591.466.086)	**-**
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(24.319.110.144)	**(24.319.110.144)**
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(20.030.000.000)	-	-	**(20.030.000.000)**
Khác	-	-	-	(830.600.000)	(3.000.000.000)	**(3.830.600.000)**
	---	---	---	---	---	---
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	876.568.440.000	1.408.471.865.056	(20.046.000.000)	36.590.318.871	1.215.106.884.397	**3.516.691.508.324**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	451.279.222.834	**451.279.222.834**
Chi trả cổ tức (i)	-	-	-	-	(104.826.892.800)	**(104.826.892.800)**
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	-	-	40.214.669.748	(40.214.669.748)	**-**
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(59.839.062.310)	**(59.839.062.310)**
Trích lập quỹ thiện nguyện (ii)	-	-	-	-	(5.000.000.000)	**(5.000.000.000)**
Mua lại cổ phiếu quỹ (iii)	-	-	(65.000.000)	-	-	**(65.000.000)**
Hủy cổ phiếu quỹ (iii)	(65.000.000)	-	65.000.000	-	-	**-**
Chuyển sang quỹ khen thưởng, phúc lợi (iv)	-	-	-	(39.590.000.000)	-	**(39.590.000.000)**
Bán cổ phiếu quỹ (v)	-	10.832.823.647	19.392.769.853	-	-	**30.225.593.500**
Khác	-	-	-	(12.076.464.358)	-	**(12.076.464.358)**
	---	---	---	---	---	---
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	876.503.440.000	1.419.304.688.703	(653.230.147)	25.138.524.261	1.456.505.482.373	**3.776.798.905.190**
	==========	==========	==========	==========	==========	==========

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 07/2021/NQ-GAC ngày 20 tháng 5 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua quyết định chi trả cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 12% mệnh giá cổ phần.

(ii) Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 07/2021/NQ-GAC ngày 20 tháng 5 năm 2021, và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2021 số 12-2021/NQ-GAC ngày 22 tháng 11 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc trích lập quỹ thiện nguyện 5.000.000.000 Đồng, trích lập quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 3% và trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 5% trên lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét của Tập đoàn.

(iii) Theo Quyết định 154-2021/QĐ-GAC ngày 13 tháng 1 năm 2021, Công ty đã thực hiện mua lại 6.500 cổ phiếu cuả người lao động với giá 10.000 Đồng/cổ phiếu. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 07A/2021/NQ-GAC ngày 20 tháng 5 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua quyết định giảm 65.000.000 vốn điều lệ tương ứng với 6.500 cổ phiếu đã thực hiện mua lại từ người lao động.

(iv) Trong năm 2021, Đai hội đồng Cổ đông đã phê chuẩn việc chuyển một phần Quỹ đầu tư phát triển sang quỹ khen thưởng, phúc lợi để chi trả cho các chi phí liên quan đến phòng chống dịch COVID-19 theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông bất thường năm 2021 số 12-2021/NQ-GAC ngày 22 tháng 11 năm 2021.

(v) Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện bán ra thị trường 285.000 cổ phiếu quỹ đã mua lại trong năm 2020 theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 96-2021/QĐ-GAC ngày 14 tháng 9 năm 2021.

25. CỔ TỨC

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	-	-
Phải trả trong năm (Thuyết minh 24)	104.826.892.800	315.002.678.400
Chi trả bằng tiền	(104.826.892.800)	(315.002.678.400)
Số dư cuối năm	-	-

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2021	31.12.2020 (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	451.279.222.834	491.977.935.402
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(56.753.648.630)	(42.675.413.680)
	394.525.574.204	449.302.521.722
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	87.413.136	87.345.614
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	4.513	5.144

(*) Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn đã tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông bất thường năm 2021 số 12-2021/NQ-GAC ngày 22 tháng 11 năm 2021.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2020 đã được tính lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2014 được ban hành bởi Bộ tài chính như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2020		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	491.977.935.402	(42.675.413.680)	449.302.521.722
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	87.345.614	-	87.345.614
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	5.633		5.144

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền đã bao gồm số ngoại tệ 97.120 Đô la Mỹ và 7.561 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 195.569 Đô la Mỹ và 1.818 Euro).

b) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 36.

28. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	3.292.751.656.168	3.772.530.601.503
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.199.023.434	8.938.362.547
	3.312.950.679.602	3.781.468.964.050
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	(9.906.477.914)	(18.749.169.949)
Chiết khấu thương mại	(9.408.276.177)	(9.090.644.565)
Giảm giá hàng bán	(128.340.000)	(24.104.100)
	(19.443.094.091)	(27.863.918.614)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và thành phẩm	3.273.308.562.077	3.744.666.682.889
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	20.199.023.434	8.938.362.547
	3.293.507.585.511	3.753.605.045.436

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.378.309.634.571	2.724.717.935.440
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.717.151.471	5.936.868.744
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 9)	10.586.048.439	4.988.049.453
Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường	4.000.000.000	-
	2.397.612.834.481	2.735.642.853.637

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi	87.946.953.295	97.477.653.481
Lãi tiền đặt cọc (Thuyết minh 7(b))	31.733.706.294	-
Lãi trái phiếu	19.227.747.944	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	15.160.029.224	12.213.212.239
	154.068.436.757	109.690.865.720

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	160.571.768.848	178.443.302.411
Chi phí tiếp thị và quảng cáo	60.147.816.247	70.859.611.844
Chi phí vận chuyển	46.777.042.792	57.317.286.922
Chi phí thuê	31.193.807.045	29.661.686.635
Chi phí sửa chữa bảo trì	20.149.039.103	19.455.801.780
Chi phí khấu hao	14.810.679.636	15.212.480.356
Công cụ và dụng cụ	10.415.798.398	12.650.173.152
Khác	39.704.456.704	59.194.831.201
	383.770.408.773	442.795.174.301

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	57.177.494.879	62.513.171.153
Chi phí khấu hao	4.466.490.808	4.694.199.261
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	8.103.472.769	2.062.141.370
Công cụ dụng cụ	1.583.202.420	2.597.415.990
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	2.470.737.223	1.865.337.228
Khác	26.291.098.485	33.588.112.924
	100.092.496.584	107.320.377.926

33. THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	546.416.590.445	561.679.481.040
Thuế tính ở thuế suất 20%	109.283.318.089	112.335.896.208
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	8.692.852.902	10.773.645.136
Thu nhập miễn thuế	(22.887.217.550)	(53.498.953.490)
Dự phòng thiếu của năm trước	48.414.170	90.957.784
Chi phí thuế TNDN (*)	95.137.367.611	69.701.545.638
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	94.471.564.132	72.039.104.089
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 22)	665.803.479	(2.337.558.451)
	95.137.367.611	69.701.545.638

(*) Chi phí thuế TNDN trong năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	1.698.287.651.307	2.432.423.682.361
Chi phí nhân viên	480.742.900.260	565.605.808.259
Chi phí khấu hao	114.701.008.697	114.379.203.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.828.715.122	258.932.020.173
Công cụ, dụng cụ	84.549.911.904	87.663.951.214
Chi phí vận chuyển	47.318.065.526	55.352.468.868
Các chi phí khác	130.495.218.198	145.915.506.213
	2.745.923.471.014	3.660.272.640.799

35. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, Tập đoàn có số dư và/hoặc giao dịch với các bên liên quan sau đây:

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư NC Việt Nam	Cổ đông kiểm soát
Whitlam Holding Pte. Ltd.	Cổ đông lớn
Sumitomo Forestry (Singapore) Ltd	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Ván ép Trung Hiếu	Kiểm soát bởi thành viên gia đình của
	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Đức Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Võ Thị Ngọc Ánh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	Phó Tổng Giám đốc

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2021 VND	2020 VND
I) Doanh thu bán hàng		
Công ty TNHH Ván Ép Trung Hiếu	52.726.274.803	61.113.129.812
II) Vay (Thuyết minh 19)		
Lê Đức Nghĩa	102.000.000.000	-
II) Trả gốc vay (Thuyết minh 19)		
Lê Đức Nghĩa	102.000.000.000	-
IV) Lãi vay		
Lê Đức Nghĩa	425.654.794	-

	2021 VND	2020 VND
V) Cho vay và thu hồi cho vay		
Nguyễn Thị Kim Thoa	5.450.000.000	-
Võ Thị Ngọc Ánh	5.340.000.000	-
	10.790.000.000	-
VI) Cổ tức đã chia trong năm		
Công ty TNHH Đầu tư NC Việt Nam	52.633.440.000	157.900.320.000
Sumitomo Forestry (Singapore) Ltd.	20.625.506.400	61.876.519.200
Công ty TNHH Whitlam Holding Pte	19.000.800.000	57.002.400.000
VII) Lãi cho vay		
Nguyễn Thị Kim Thoa	84.916.767	-
Võ Thị Ngọc Ánh	83.195.836	-
	168.112.603	-
VIII) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	20.808.075.386	24.195.548.846

Trong đó:

Tổng Giám đốc	1.928.426.154	2.925.000.000
Các quản lý chủ chốt khác	18.879.649.232	21.270.548.846

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2021 VND	2020 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty TNHH Ván ép Trung Hiếu	9.897.160.560	8.096.222.305

36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê bất động sản hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2021 VND	2020 VND
Dưới 1 năm	36.684.263.553	36.210.000.507
Từ 1 đến 5 năm	74.837.443.552	65.750.230.117
Trên 5 năm	20.200.420.062	30.123.482.399
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	131.722.127.167	132.083.713.023

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là chính yếu của Tập đoàn. Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động kinh doanh sản xuất và buôn bán hàng gỗ gia dụng, gỗ công nghiệp, ván công nghiệp, hàng trang trí nội thất, thiết bị nhà bếp và các sản phẩm khác từ gỗ và hoạt động kinh doanh này là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn được lập theo lĩnh vực kinh doanh, do đó Tập đoàn trình bày báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý và bao gồm những thông tin sau:

	2021		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng thuần	2.785.078.781.595	508.428.803.916	3.293.507.585.511
Giá vốn hàng đã bán	1.921.461.074.020	476.151.760.461	2.397.612.834.481
Lợi nhuận gộp về bán hàng	**863.617.707.575**	**32.277.043.455**	**895.894.751.030**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua và xây dựng TSCĐ theo vị trí của tài sản	13.099.136.894	-	13.099.136.894
Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận theo khu vực địa lý của tài sản	534.761.034.183	-	534.761.034.183

	2020		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng thuần	3.292.311.414.848	461.293.630.588	3.753.605.045.436
Giá vốn hàng đã bán	2.317.775.586.935	417.867.266.702	2.735.642.853.637
Lợi nhuận gộp về bán hàng	**974.535.827.913**	**43.426.363.886**	**1.017.962.191.799**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua và xây dựng TSCĐ theo vị trí của tài sản	23.169.159.495	-	23.169.159.495
Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận theo khu vực địa lý của tài sản	635.138.407.774	-	635.138.407.774

38. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 12-2021/BBH-GAC ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Thông báo số 07-2022/TB-GAC ngày 18 tháng 2 năm 2022 của Công ty Cổ phần Gỗ An Cường, Tập đoàn đã thông báo việc sẽ chào bán 4.382.037 cổ phiếu với giá chào bán là 10.000 Đồng/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ ngày 21 tháng 3 năm 2022 đến ngày 15 tháng 4 năm 2022 theo phương thức thực hiện quyền tại ngày chốt danh sách cổ đông. Việc chào bán cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu này đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 21/GCN-UBCK cấp ngày 14 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Tập đoàn dự kiến sẽ tăng vốn điều lệ của Tập đoàn lên thêm 43.820.370.000 Đồng từ việc chào bán số cổ phiếu nói trên.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 18 tháng 3 năm 2022.

Trần Anh Tuấn	Thiều Thị Ngọc Diễm	Võ Thị Ngọc Ánh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 18 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG, E=thanhtungacc@ancuong.com
Reason: I am the author of this document
Location: Binh Duong
Date: 2022-05-04 16:07:07

VIETNAM OFFICES

An Cuong Head Office
702/1K Su Van Hanh Street, Ward 12,
District 10, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3862 5726
Fax : (84.28) 3862 5727
Email: infoacc@ancuong.com

HCMC One-stop Shopping Center
279 Nguyen Van Troi Street, Ward 10,
Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3844 1884 - (84.28) 3862 5726
Fax: (84.28) 3997 0135
Email: infoacc@ancuong.com

HCMC One-stop Shopping Center
39 Nguyen Co Thach Street, An Loi Dong Ward,
District 2, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 7302 1168
Fax: (84.28) 3862 5727
Email: infoacc@ancuong.com

An Cuong Show Gallery And Design Center
702/3F Su Van Hanh Street, Ward 12,
District 10, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3862 7414 - (84.28) 3862 5726
Fax : (84.28) 3868 4197
Email: infoacc@ancuong.com

An Cuong Show Gallery And Design Center
Block A - Happy Valley, 816 Nguyen Van Linh Street,
Tan Phong Ward, District 7, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 7300 9822 - (84.28) 3862 5726
Fax : (84.28) 3862 5727
Email: infoacc@ancuong.com

An Cuong Show Gallery And Design Center
S503.01S04 Vinhomes Grand Park,
Nguyen Xien, Long Thanh My Ward,
Thu Duc City, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 7305 0568
Email: infoacc@ancuong.com

An Cuong Show Depot 1
162 Tan Huong Street, Tan Quy Ward,
Tan Phu District, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3847 2078 - (84.28) 3862 5726
Fax: (84.28) 3847 2068
Email: infoacc@ancuong.com

An Cuong Show Depot 2
Section No. 2, Lot 5-1, M12 Street,
Extended Tan Binh Industrial zone,
Binh Hung Hoa ward,
Binh Tan District, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3620 5633 - (84.28) 3862 5726
Fax: (84.28) 3620 5636
Email: infoacc@ancuong.com

An Cuong Factory Outlet
DT 747 B Phuoc Hai Quarter, Thai Hoa Ward,
Tan Uyen Town, Binh Duong
Tel : (84.274) 362 6282 - (84.28) 3862 5726
Fax : (84.274) 362 6284
Email: infoacc@ancuong.com

Dat Cuoc Show Gallery And Design Center
Lot A17, KSB Industrial Zone – Zone B,
Dat Cuoc Ward, Bac Tan Uyen District, Binh Duong
Email: infoacc@ancuong.com

Ha Noi Show Gallery And Design Center
Villa C4-N08-B, Dich Vong New Urban Area,
Cau Giay District, Ha Noi
Tel: (84.24) 6281 4719
Fax: (84.24) 6281 4729
Email: infoacc@ancuong.com

Ha Noi One-stop Shopping Center
10 Chuong Duong Do Street,
Chuong Duong Ward, Hoan Kiem District, Ha Noi
ĐT: (84.24) 3936 3388
Fax: (84.24) 3823 8929
Email: infoacc@ancuong.com

Da Nang One-stop Shopping Center
451 Dien Bien Phu Street,
Hoa Khe Ward, Thanh Khe District, Da Nang
Tel: (84.236) 730 7899
Fax: (84.236) 362 5729
Email: infoacc@ancuong.com

INTERNATIONAL OFFICES

Malaysia Office
No.5, Jln SL17/14, Goodview Bdr Sg Long,
43000 Kajang, Selangor
Tel: +60 12 290 6486
Email: infoacc@ancuong.com

Japan Office Via Sumitomo Forestry Group
Timber & Building Materials Division
Business Planning Department, Keidanren Kaikan,
3-2, Otemachi 1-chome, Chiyoda-ku ,
Tokyo 100-8270, Japan
Tel: (+81) 3 3214 3280 - (+84) 902 374 511
Email: kamibayashiyama@ancuong.com

Canada Office Via Zen Living
Bay 1 - 4216 61 Avenue S.E,
Calgary Alberta Canada ,T2C 1Z5
Tel: +1 403 720 928
Email: bao.mai@zen-living.ca

America Office
752 Breen Ct,
Woodland CA 95776, USA
Tel: +1 916 807 0475
Email: infoacc@ancuong.com

Australia Office Via Antry Pty Ltd
45 Welshpool Road,
Welshpool Western Australia 6106
Tel: (+61) 8 9472 8131 - (+61) 4 1237 4767
Email: edmund@antry.com.au

Cambodia Office & Showroom
S.I Building, #93, Preah Sihanouk Blvd,Phnom Penh
Tel: +855 97 457 7658
Hotline : +855 712 683683
Email: infoacc@ancuong.com

TẢI APP AC LIBRARY ĐỂ QUÉT QR CODE BÊN TRONG

INSTALL AC LIBRARY TO SCAN QR CODE INSIDE

Download on the App Store

GET IT ON Google Play

Hotline: 19006944

www.ancuong.com

fb.com/ancuongcompany

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2021